

NGUYỄN HIẾN LÊ

LIỆT TU

và

DƯƠNG TU

TimSach.Com.Vn

LÁ BỒI

Ngày tháng 8/1975

NGUYỄN HIỂN-LÊ

1975

LIỆT TỬ' và DƯ'ONG TỬ'

TimSach.Com.Vn

LÁ BỐI

PHẦN I
GIỚI THIỆU

TimSach.Com.Vn

Ngay ở nước ta, cả trong giới tân học, tên Liệt tử cũng khá quen thuộc. Hầu hết chúng ta đều biết rằng tư tưởng của ông giống tư tưởng Lão, Trang và tuy chưa được đọc cuốn *Liệt tử* vì chưa ai dịch nhưng ít nhất chúng ta cũng được biết đến ba truyện rất li thú trong cuốn đó thỉnh thoảng trích dẫn trong các sách, báo, đặc biệt là trong bộ *Cổ học tinh hoa* của Nguyễn văn Ngọc và Trần Lê Nhân, như những truyện Bệnh quên, Bệnh mê, Mất dê, Người kiếm củi được con hươu, Lo giới đồ, Ngu công dọn núi..., những truyện mà ai cũng phải nhận là những ngụ ngôn quý nhất của nhân loại.

Ở Trung Hoa, cuốn *Liệt tử* được tôn xưng là một cuốn kinh : *Xung hư chân kinh*, từ năm 742 (1) (năm thứ nhất niên hiệu Thiên bảo vua

(1) Theo Benedykt Gryn timer trong cuốn *Le vrai classique du vide parfait*—Gallimard — 1961, thi từ 732,

Đường Huyền Tôn), rồi tới đầu thế kỉ XI, đời vua Tống Chân Tôn, lại được thêm hai chữ « chí đức » nữa, thành : *Xung hư chí đức chân kinh* (Xung hư có nghĩa là hư không). Như vậy là cuốn đó được đặt ngang hàng với *Đạo đức kinh*, *Nam hoa kinh*, hoặc *Thi kinh*, *Thư kinh*, và *Liệt Ngự Khẩu* (tức *Liệt tử*) được đứng chung với các triết gia lớn nhất thời Xuân Thu, Chiến Quốc, như Khổng Khâu, Lão Đam, Trang Chu.

Vậy mà các học giả Trung Hoa gần đây viết về cở triết học của họ, như Hồ Thích, Phùng Hữu Lan, Vũ Đồng không nhà nào đề riêng một chương nói về *Liệt tử*, trong khi họ phân tích những triết gia khác chúng ta ít nghe tiếng, chẳng lưu lại một thiên, một chương sách nào cả, như Trần Trọng Tử, Hứa Hành, Doãn Văn...

Dĩ nhiên các học giả đó không khi nào bỏ sót một cuốn như *Xung hư chân kinh* mà không đọc, nhưng đọc rồi, họ chỉ trích một vài câu trong thiên *Thiên thụ* (về vũ trụ) và dùng trọn mỗi một thiên (tác phẩm gồm tám thiên), tức thiên *Dương Chu*, đề viết không phải về *Liệt Ngự Khẩu*, mà về *Dương Chu*, và viết rất kĩ nữa. Chẳng hạn Hồ Thích trong cuốn *Trung Quốc cở đại triết học sử đại cương* bỏ ra 6 trang, Phùng Hữu Lan trong

bộ *Trung Quốc triết học sử* bỏ ra mười trang nghiên cứu học thuyết Dương Chu.

Sự kiện cơ hồ khó hiểu đó có ba lí do thuộc về :

- nhân vật Liệt Ngự Khẩu
- nguồn gốc tác phẩm *Xung hư chân kinh*
- và học thuyết trong tác phẩm đó.

Dưới đây chúng tôi tuần tự xét từng điểm đó một.

I. — NHÂN VẬT LIỆT NGỰ KHẨU

Trước hết về bản thân Liệt tử, có một số học giả còn nghi ngờ. Như Cao Tự Tôn (thế kỉ XII), trong cuốn *Vĩ lược bảo* Liệt tử chỉ là một nhân vật hoang đường, không có thực. (1)

Đại khái họ đưa ra những lý lẽ như nhau :

1— Trong bộ *Sử kí*, bộ sử đáng tin nhất về thời đại Tiên Tần, Tư Mã Thiên không chép truyện Liệt tử trong khi chép truyện Thận Đáo, Quan Doãn..., cả các môn đệ của Khổng tử nữa. Mà Liệt tử nếu là một nhân vật có thực, tất phải

(1) Theo Benedykt Gryn timer, một số học giả Âu như Baolfur, Eitel, A. Giles cũng chủ trương như vậy.

quan trọng hơn mấy nhà kể trên đó.

Lí lẽ ấy không vững vì Dương Chu và Huệ Thi, hai triết gia có danh tiếng, chưa ai ngờ rằng không có thực, cũng không được Tư Mã Thiên chép tiểu sử. Ông không chép có thể vì thiếu tài liệu hoặc vì cho rằng không có gì đáng chép.

2— Trong *Nam Hoa kinh* (cũng gọi là *Trang tử*), thiên *Tiêu dao*, *Trang tử* có nhắc đến *Liệt Ngự Khấu* nhưng lại bảo *Liệt* cưỡi gió mà đi (*ngự phong nhi hành*) ; truyện đó không thể tin được, chỉ đáng là một ngụ ngôn thôi, không đủ để bảo rằng *Liệt* là một nhân vật có thực.

Lẽ này cũng không vững. Bốn chữ « *ngự phong nhi hành* » có thể chỉ là một hình ảnh diễn cái ý *Liệt tử* đã hòa đồng với vạn vật (Coi tiết III — Tư tưởng của *Liệt tử*) ; cũng có thể trở một hiện tượng xuất thần mà một số nhà tu hành khi trầm tư nhập định thường cảm thấy : xác thân họ vẫn ngồi một chỗ mà thần thức họ bay lên cao, đi xa rồi lát sau trở về nhập lại vào thể xác. Nhưng dù cho *Trang tử* muốn bảo thể xác *Liệt tử* cưỡi gió mà đi thật, thì chúng ta cũng chỉ có thể cho rằng ông tin dị đoan

3. — Sau cùng như Benedykt Gryn timer nói, người ta còn ngờ nếu Liệt tử có thực thì tại sao trong *Xung hư chân kinh* gồm 144 bài mà chỉ có khoảng hai chục bài nói tới Liệt tử, (1) mà đa số những bài này không coi Liệt tử là nhân vật chính. Thắc mắc đó thuộc về nội dung và nguồn gốc tác phẩm *Liệt tử* hơn là về bản thân Liệt tử, cho nên chúng tôi sẽ xét trong tiết II.

Vậy chúng ta chưa có một chứng cứ gì để tin rằng Liệt tử là một nhân vật hoang đường. Thực ra các học giả Hồ, Phùng kể trên không chép về Liệt tử vì những lý do khác, chứ không vì không tin rằng Liệt tử là nhân vật có thực.

*

Nhưng về đời sống Liệt tử thì chúng ta biết rất ít, chỉ có thể căn cứ vào hai bộ : *Nam Hoa kinh* và *Xung hư chân kinh*, mà những bài trong *Nam Hoa kinh* nói về Liệt tử cũng gần giống hết *Xung hư chân kinh*, rốt cuộc tuy hai nguồn gốc mà cũng như một. Chúng tôi lựa *Xung hư chân kinh*, vì tài liệu dồi dào hơn.

(1) So với 23 bài nói về Dương Chu.

Như trên chúng tôi đã nói, trong *Xung hư chân kinh* có khoảng hai chục bài chép về Liệt tử. Bài đáng tin nhất là bài chúng tôi đánh số VIII. 6 trong thiên *Thuyết phù*, và I. 1 trong thiên *Thiên thụy*.

Theo hai bài đó, Liệt Ngự Khấu là người nước Trịnh, một nước chư hầu nhỏ đời Chiến Quốc, nay thuộc tỉnh Hà Nam (sau bị nước Hàn diệt). Không sách nào chép năm sinh, năm tử của ông. Theo bài VIII 6. có lần ông nghèo quá, tướng quốc Trịnh là Tử Dương nghe lời người khác khuyên, cho sứ giả mang lúa lại tặng ông, ông từ chối, vợ ông can năn, ông đáp: « Tướng quốc đâu phải tự biết ta. Vì nghe lời người khác mà cho ta lúa, thì rồi cũng có thể nghe lời người khác mà bắt tội ta được. Vì vậy mà ta không nhận. » Ít lâu sau dân nổi loạn giết Tử Dương. Nhờ lần đó, không nhận lúa, nên ông vô can.

Bài I. 1 cũng nói ông ở nước Trịnh « bốn chục năm mà không ai nghe danh, từ vua cho tới các quan khanh, đại phu đều coi ông như dân thường ; năm đó đói kém quá, ông tính di cư qua nước Vệ ».

Vậy Tử Dương tặng ông lúa trễ lắm là vào khoảng ông bốn chục tuổi. Theo *Sử kí* của Tư Mã

Thiên (trong phần *Lục Quốc niên biểu*, và *Trịnh thế gia*) thì người nước Trịnh giết tướng quốc Tử Dương vào năm Trịnh Nhu Công thứ 25, tức năm Chu An Vương thứ tư; tính theo Tây lịch là năm 398 trước công nguyên. Năm đó Liệt tử vào khoảng từ ba chục đến bốn chục tuổi, và ta có thể đoán ông sinh vào khoảng — 430 tới — 440; đúng với Vũ Đồng và gần đúng với Grynepas: Vũ Đồng cho Liệt tử sinh vào khoảng — 430, mất vào khoảng — 349; Grynepas cho Liệt tử sinh vào khoảng — 450, không cho biết chết khoảng nào. Chúng ta nên nhớ những con số về thời đó xê xích nhau mười, mười lăm năm thì cũng là đúng lắm rồi.

Dưới đây chúng tôi kê những năm sinh, tử của một số triết gia quan trọng từ Khổng tử tới Trang tử, theo bảng của Vũ Đồng trong *Trung Quốc triết học đại cương*:

Khổng tử	— 551	— 479
Mặc tử	— 480	— 379 (phỏng chừng)
Dương Chu	— 440	— 380 (— n.t —)
Lão tử (1)	— 430	— 340 (— n.t —)

(1) Thời trước người ta cho rằng Lão tử sinh trước Khổng tử, các học giả Trung Hoa gần đây cho thuyết cũ sai, sửa lại như vậy.

Liệt tử — 430 — 349 (- n.t -)

Mạnh tử — 372 — 289 (- n.t -)

Trang tử — 360 — 280 (- n.t -)

Vậy Dương tử, (lớn tuổi hơn cả) Lão tử, Liệt tử sống cùng một thời, thời các vua nhà Chu : Uy Liệt vương, An Vương, Liệt vương và Hiến vương.

Trong hai thế kỉ, các nước Tề, Tống, Tấn, Ngô, Việt (1) thay phiên nhau cường thịnh, uy quyền các thiên tử nhà Chu càng ngày càng giảm, Trung Quốc càng lâm vào cảnh loạn lạc, và vào khoảng giữa thế kỉ thứ IV trước công nguyên, cuối đời Lão tử và Liệt tử, Tấn dùng chính sách độc tài, hiếu chiến của Vệ Ưởng (cũng gọi là Thương Ưởng) mà mạnh lên, lấn át tất cả các chư hầu khác. Thời đó, học thuyết của Khổng, Mặc đã tỏ ra thất bại, nhân nghĩa đã thành những tiếng sáo, đúng như Dương tử nói, trung không thể cứu được vua mà nghĩa không thể cứu được đời,

(1) Người ta chỉ thường nói đến ngũ bá : Tề Hoàn Công, Tống Tương công, Tấn Văn Công, Tần Mục công, Sở Trang công. Chúng tôi nghĩ nên kể thêm Ngô vương Phù Sai và Việt vương Câu Tiễn cũng rất oanh liệt một thời, về võ bị không thua một nước nào.

chỉ gây hại cho bản thân thôi. Nhà cầm quyền nào cũng chỉ muốn dùng võ lực, và một vua Tần trong bài VIII 7. đã nói :

« Thời này các chư hầu dùng võ lực mà tranh nhau, chỉ cần binh khí và lương thực ; nếu chúng ta dùng nhân nghĩa mà trị nước thì là theo con đường diệt vong mất ».

Và Dương, Lão, Liệt chết không bao lâu thì Mạnh tử cất tiếng than : « Người ta đánh nhau để tranh đất, giết người đầy đồng, đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành. »

Liệt tử tuy đồng thời với Dương và Lão, nhưng chắc ít tiếp xúc với hai nhà đó vì cả ba đều ít đi đâu, thích ở ẩn, không ồn ba như Khổng, nhất là Mặc.

Khi thôi học Hồ Khâu Tử Lâm, ông mở trường, môn sinh chắc không đông lắm, vì thời nào hạng người ưa đạo hư tĩnh, không màng danh lợi cũng ít hơn hạng muốn ra làm quan, mà ông cũng không nổi tiếng. Bài IV 5. bảo : «... số người lại xin học có hằng trăm, tới hoài không hết, Liệt tử không biết là bao nhiêu nữa, ... xa gần không ai không biết tiếng ». Lời đó mâu thuẫn với bài I. 1, mà xét phần sau của bài (thầy trò

Liệt tử qua thăm Nam Quách tử) thì có tính cách ngụ ngôn, cho nên không đáng tin.

Hình như Liệt tử không lãnh một chức vụ gì cả, có lần qua nước Vệ vì ở Trịnh đói kém, một lần khác qua Tề nửa đường trở về (bài II 14), vì ngại vua Tề sẽ giao phó trọng trách cho, ông sẽ phải gắng sức mà không được an nhàn.

Vậy ta có thể tin rằng ông sống đạm bạc, nhờ môn sinh cung cấp, không bôn ba để hăng hái cứu đời, cũng như hết thấy các nhà trong phái Lão tử hoặc Dương tử.

Còn những chi tiết khác như Liệt tử học bắn với Bá Hôn Vô Nhân (bài II 5.), rồi lại học bắn nữa với Quan Doãn tử (1) (bài II 3), Liệt tử học Lão thương (bài IV 6)... theo chúng tôi, đều có tính cách ngụ ngôn cả.

Không rõ Vũ Đồng căn cứ vào đâu mà bảo Liệt tử mất hồi trên dưới tám chục tuổi.

(1) Tên là Hỉ (440-360 theo Vũ Đồng) một triết gia cũng trạc tuổi Liệt tử, coi cửa Hàm Cốc, vì vậy mà gọi là Quan Doãn, theo truyền thuyết, được Lão tử giao cho bản Đạo Đức kinh trước khi rời Trung Quốc qua phương tây.

II. — NGUỒN GỐC TÁC PHẨM XUNG HƯ CHÂN KINH

Trong số các tác phẩm triết học đời Xuân Thu và Chiến Quốc, có lẽ chỉ có ba bộ *Luận ngữ*, *Đạo Đức kinh* và *Mạnh tử* là tin được gần hết (nên kể thêm *Đại học* và *Trung Dung* chăng?), còn thì chỉ đáng tin một phần nào thôi. Giả nửa những bộ *Trang tử*, *Mặc tử* là do người sau viết, ngay đến *Tuân tử* và *Hàn Phi tử* xuất hiện ở cuối thời Chiến Quốc mà cũng có nhiều thiên người đời sau thêm vào, còn bộ *Quản tử*, *Quan Doãn tử* *Án tử* *xuân thu*... thì hoàn toàn là ngụy tác.

Nạn ngụy tác đó, Hồ Thích đã đưa ra hai nguyên nhân :

— Người đời sau có một tư tưởng nào đó, muốn đem ra dạy đời, cải tạo xã hội, nhưng sợ mình không đủ uy tín, nói không ai nghe, nên gán cho cồ nhân. Trường hợp điển hình là sách của ông Hoàng Đế. Không biết ông có sống thật hay không, cứ theo truyền thuyết thì ông họ Cơ, tên Hiên Viên, là ông vua đầu tiên của Trung Quốc, giữ ngôi đúng trăm năm từ — 2698 tới — 2597. Người ta gán cho ông bộ *Nội kinh*, bộ sách thuốc cồ nhất của Trung Hoa, và cả bộ *Hoàng Đế thán*

nữa, và coi ông là thủy tổ của đạo Lão (trong cuốn *Liệt tử* này độc giả sẽ được đọc vài đoạn chép lời của ông), do đó mà đạo Lão thành ra đạo Hoàng Lão (danh từ này xuất hiện từ thời Chiến Quốc, thế kỉ thứ 4 trước công nguyên).

Rồi thêm vua Nghiêu vua Thuấn nữa, sống sau Hoàng Đế ba, bốn trăm năm, cũng được mọi triết gia thời Xuân Thu và Chiến Quốc (nghĩa là khoảng hai ngàn năm sau) bắt kì trong phái nào : Nho, Mặc, Lão, cả Pháp gia nữa, gán cho những hành vi, tư tưởng hợp với chủ trương của mỗi nhà, mà chủ trương của họ có khi trái ngược hẳn nhau.

Hết đời Chiến Quốc, các tư tưởng gia cỡ nhỏ hơn, không « khai thác » các ông thánh Hoàng Đế và Nghiêu, Thuấn mà khai thác những ông hiền gần hơn tức Lão, Trang, Mặc, Dương, Liệt, Quán, Ân v.v...

— Một nguyên nhân nữa, sau nạn « đốt sách chôn nho » đời Tần Thủy Hoàng, một số vua đời Hán sưu tầm sách cổ, và người ta ngụy tác rồi gán cho các triết gia Tiên Tần để dâng triều đình mà lãnh thưởng.

— Chúng tôi nghĩ tất còn một nguyên nhân

thứ ba nữa : vô tình nhầm lẫn : của tác giả này mà cho là của tác giả khác. Trường hợp này thời nào cũng xảy ra, chẳng hạn ở nước ta, có những bài thơ của Nguyễn Bình Khiêm gán cho Nguyễn Trãi hoặc ngược lại.

Bộ *Liệt tử*, còn hơn bản thân *Liệt tử* nữa, bị rất nhiều học giả nghi ngờ. Một số người cực đoan như Cao Tự Tôn (đã dẫn ở trên) và Diêu Tế Hằng đời Thanh cho là hoàn toàn do người đời Ngụy (220-264), Tấn (265-290) ngụy tác ; một số khác, đông hơn, nhận rằng bộ đó tuy không phải của *Liệt tử* viết, nhưng có một phần đáng tin là chép từ tư tưởng của *Liệt tử*, và người chép phải là người thời Chiến Quốc ; trải qua đời Hán, tới đời Ngụy, Tấn người sau phụ hội thêm vào mà thành bản chúng ta có ngày nay.

Người đầu tiên sưu tập và phê bình qua loa bộ đó là Lưu Hướng, một học giả đời Hán (sinh năm — 79, mất năm — 8), thờ các vua Tuyên Đế, Nguyên Đế, Thành Đế, làm tới chức Quang lộc đại phu, tác giả những bộ *Hồng phạm ngũ hành truyện*, *Liệt nữ Truyện*, *Liệt tiên Truyện*, *Thuyết Uyển*... Trong bài tựa, ông bảo thời Hiếu Cảnh đế (— 156 — 140), vì nhà vua mộ đạo Lão, Trang, nên bộ *Liệt tử* khá được lưu hành, rồi

sau tán thất, ông bỏ công ra sưu tầm được tám thiên, trong số đó có những thiên *Mục vương*, *Thang vãn*, *Lục mệnh* và *Dương tử*, còn bốn thiên kia, chúng ta không biết nhan đề.

Bản đó cách thời Liệt tử non ba trăm năm, có thể coi là bản cổ nhất, chứ không phải là nguyên bản.

Lại loạn lạc, tán thất một lần nữa, và lại trên ba trăm năm sau, đời Hoài Đế nhà Tấn (307-312) một học giả, Trương Trầm, mất công sưu tầm lại, cũng được tám thiên, rồi hiệu đính, chú giải. Bản hiện nay lưu hành chính là bản của Trương Trầm, ngoài bốn thiên nhan đề đã kể trên, còn bốn thiên : *Thiên thụ*, *Hoàng Đế*, *Trọng Ni* và *Thuyết phù*.

Từ đó, trải qua các đời Đường, Tống, Thanh, thời nào cũng có những bản mới hiệu đính, bình chú thêm.

Xét nội dung bản hiện lưu hành — tức bản Trương Trầm — thì quả thực khó mà tin được là của Liệt tử viết, mà cũng không phải của một người viết.

Cảm tưởng đầu tiên của chúng ta là tác phẩm không có tính cách nhất trí, không có một bộ

« kinh » nào mà nội dung tạp như vậy.

Trong số 144 bài, chỉ có khoảng hai chục bài viết về Liệt tử, mà 9 bài có thể cho là do đệ tử viết vì gọi Liệt tử là « Tử Liệt tử » (thầy Liệt tử), còn trên mười bài kia — có bài mâu thuẫn nhau như chúng tôi đã dẫn ở trên — thì không thể biết được là của ai viết.

Số bài nói về Khổng tử (19) cũng ngang ngang số bài nói về Liệt tử, còn số bài nói về Dương Chu thì vượt hẳn (23) ; về Lão tử chỉ có 5 bài. Ngoài ra lại có những bài dẫn lời của Quan Doãn, Dục tử, cả Quán Trọng và Ân tử nữa.

Lại thêm :

— cùng một nhân vật mà chép hai tên hơi khác nhau : như Bá Hôn Mâu Nhân, các bài I 1. II 14... chép là Mâu Nhân, bài II. 5 chép là Vô Nhân ;

— cùng một truyện, truyện Khổng tử ngắm thác nước ở Lữ Lương, được chép làm hai lần, lần đầu : bài II 9, lần sau : bài VIII 10, chỉ khác nhau về lời của người lợi nước giảng về thuật lợi nước trong bài trên, thuật đó là tập cho thành cái bản tính lợi nước, cứ tự nhiên theo cái « đạo » của nước, trong bài dưới, thuật đó là cứ

thành tâm tin ở mình, ở nước.

Ấy là chưa kể những bài chủ trương mâu thuẫn nhau : Chỗ thì đề cao đạo vô tri, vô vi, chỗ lại khuyên phải trọng nhân nghĩa, nên làm việc thiện ; bài thì bảo danh là lụy, bài lại bảo danh có hại nhưng cũng có lợi ; cùng một nhân vật, Dương Chu, mà ở đây tả là một người nhũn nhặn, ở chỗ khác lại chê là quá tự đắc, vân vân.

Nhưng lí do chính làm cho các học giả nghi có sự ngụy tác của đời sau (Hán, Ngụy, Tấn), là trong *Liệt tử* có nhiều bài trùng với các tác phẩm khác.

Theo Cao Tự Tôn (do Đường Kinh Cảo dẫn trong cuốn *Liệt tử* - Thương vụ ấn thứ quán) thì thiên *Chu Mục Vương* giả nửa lấy trong *Mục thiên tử truyện* (1), còn thì lấy trong *Linh khu* (2) ; một đoạn nói về hình, khí, chất trong bài I 1. rút trong cuốn *Dịch vĩ cần tạc độ* ; bài V. 7 có chép trong *Mặc tử*.

(1) Chép truyện tây du của Mục Vương đời Chu (1-00-946), gồm nhiều «cổ sự» hoang đường như trong Sơn Hải kinh. Tương truyền, cuốn đó được phát giác đời Tấn.

(2) Một bộ sách thuốc thời cổ.

Bài VI. 3 chép truyện Quán Trọng và Bảo Thúc Nha gần giống hết bài Quán Ân trong *Sử kí* của Tư Mã Thiên.

Bài IV 4. (Không tử xét các môn sinh) rõ ràng là chép trong *Không tử gia ngữ*.

Bài V. 1 (truyền thuyết về trời đất) V. 2 (Những cái lạ trong vũ trụ) chép trong *Sơn hải kinh* (1).

Ngay những bài nói về Liệt tử, chúng ta cũng thấy chép trong *Nam Hạo Kinh*, như :

bài II 14. có trong thiên Liệt Ngự Khấu
bài VIII 6. có trong thiên Nhượng Vương.
bài II 10. và II 4. có trong thiên Đạt sinh.
bài II 20. cũng y hết truyện Nuôi gà đá
trong thiên Đại sinh vân vân...

Như vậy người ta nghĩ ngờ *Liệt tử* là ngụ thư cũng phải lắm.

III. — TƯ TƯỞNG CỦA LIỆT TỬ

Tuy nhiên, nếu chúng ta đọc kĩ tác phẩm,

(1) Một bộ chép những truyện thần quái, có lẽ viết nào đời Chu. Những truyện đó, trong *Liệt tử* (bài V. 2), bảo là do « vua Đại Vũ đi xa mà thấy ông Bá Ích biết mà đặt tên, ông Di Kiên nghe mà ghi lại ».

bỏ qua một bên những bài mâu thuẫn với những tư tưởng chính trong bộ, và những bài trùng với các bộ khác, thì ta thấy bộ *Liệt tử* có hai phần chính :

— một phần gồm những bài tản mác trong các thiên *Thiên Thuy*, *Hoàng Đế*, *Thang văn*, *Lực mệnh*... diễn những tư tưởng có ít nhiều hệ thống mà ta có thể tạm tin là tư tưởng của *Liệt tử* do người đời Chiến Quốc truyền miệng nhau rồi chép lại ;

— một phần gồm những bài trong thiên *Dương Chu*, có tính cách nhất trí, chép tư tưởng cùng cố sự về *Dương Chu*.

Hai phần đó, chúng tôi sẽ lần lượt xét trong tiết này và tiết sau.

Từ Lưu Hưởng, Trương Trầm tới nay, người ta đều cho rằng *Liệt tử* thuộc phái Lão Trang, sau Lão mà trước Trang.

Trong bài Tựa cuốn *Liệt tử*, Lưu Hưởng viết :

« *Liệt tử* là người nước Trịnh, học thuyết của ông gốc ở Hoàng Đế, Lão tử, gọi là Đạo gia...

mà (trong cuốn *Liệt tử*) có nhiều ngụ ngôn, giống với Trang Chu ».

Trương Trầm cũng viết :

« (học thuyết của *Liệt tử*) đại khái giống với Lão, Trang, nhất là giống với Trang tử. »

Điều đó hiển nhiên, ai cũng thấy, nhưng vì cuốn *Liệt tử* đã bị người sau, tăng bổ, mỗi đời một chút, nên không sao biết được *Liệt tử* có chịu ảnh hưởng của Lão tử không, nếu có thì tới mức nào ; cũng không biết được ông đã ảnh hưởng tới Trang tử ra sao.

— Đại khái về vũ trụ và căn bản luận, ông chủ trương như Lão tử rằng vạn vật tự « vô » mà sinh ra. Trong bài I 1, ông dẫn câu này trong *Hoàng Đế thư* :

« Thần hang bất tử, gọi là Huyền tần. Cửa của Huyền tần là gốc của trời đất... tạo thành mọi vật mà không mệt. » Câu đó cũng chép trong chương VI bộ *Đạo Đức kinh*.

Hang thì trống rỗng, nên Thần hang tượng trưng cái Hư không, cái Vô, nó tạo thành mọi vật. Như vậy là cái « hữu » từ cái « vô » mà sinh ra.

Rồi ông nói tiếp :

« Vì vậy mà vật nào sinh ra các vật khác thì không được sinh ra, vật nào biến hóa các vật khác thì không biến hóa. » (Cổ sinh vật giả bất sinh, hóa vật giả bất hóa).

Trong bài I 2. ông lại nói :

« Cái hữu hình từ cái vô hình mà ra » (Hữu hình giả sinh ư vô hình).

Từ cái « vô » sinh ra cái Thái dịch trước hết, nghĩa là mới chỉ có sự « biến đổi lớn » thôi, chứ chưa thành « khí », rồi sau biến thành « khí », « khí » lại biến thành « hình », sau cùng « hình » biến thành « chất » (1).

Có khí, hình, chất rồi mà ba cái đó còn chưa tách nhau ra, cho nên gọi là « hỗn luân » ; cái hỗn luân đó lại biến đổi nữa mà thành ra Một ; Một biến ra thành Bảy ; Bảy biến ra thành Chín ; tới Chín là cùng, rồi lại trở về Một.

Lão tử nói hơi khác : « Đạo sinh ra Một, Một sinh ra Hai, Hai sinh ra Ba, Ba sinh ra vạn vật » (chương 42) nhưng đại ý cũng vậy, và ông

(1) Có thể rằng ý này rút trong Dịch vĩ cần tạc độ, nhưng ai mà biết chắc được ?

cũng cho rằng biến chuyển tới cùng rồi thì trở về nguyên thủy : « Quay trở lại là cái hoạt động của Đạo » (Phản giả, Đạo chi động -- Chương XL.).

Quan niệm « phản phục » đó là quan niệm chung của nhiều triết gia thời đó, xuất phát từ sự nhận xét thiên nhiên : hết bốn mùa thì lại trở lại mùa xuân, trăng tròn thì lại khuyết, hết đêm lại tới ngày, vân vân...

Vạn vật cứ sinh sinh hóa hóa, vạn chuyển hoải không ngừng, giảm ở phía này thì tăng ở phía khác, đầy ở kia thì vơi ở đây, cứ chậm chậm mỗi ngày một chút, không đột nhiên tăng lên, không đột nhiên giảm đi, vì vậy ta không thấy ngay được, mãi tới sau mới thấy (bài 1. 10).

Mọi vật đã do « vô » mà sinh ra thì đều ngang nhau, không có cái nào « quý » hơn cái nào.

Trời có chức vụ của trời là sinh ra và che chở vạn vật, nhưng trời cũng có « sở đoản », nghĩa là chức vụ cũng bị hạn chế : không thể gây hình mà chở vạn vật được như đất. Đất có chức vụ của đất là gây hình và chở vạn vật nhưng lại không che chở được vạn vật như trời mà cũng không giáo hóa được vạn vật như thánh

nhân. Thánh nhân giáo hóa vạn vật nhưng không thể làm trái bản tính của vạn vật. Mà mỗi vật cũng có một chức vụ riêng tùy theo khả năng của nó : chẳng hạn con gà đẻ trứng nhưng không thể nhả tơ, con tằm nhả tơ nhưng không sinh mật được như con ong... (bài I 3).

Ý đó hợp với ý « tề vật » (mọi vật đều ngang nhau) của Trang tử, và được diễn thành một ngụ ngôn thú vị trong bài VII 28 :

Trong một bữa tiệc, họ Điền nước Tề, nhìn các món cá và chim nhận người ta dâng lên, bảo :

— Trời hậu đãi loài người quá, sinh ra ngũ cốc, cá chim cho chúng ta ăn.

Một em bé họ Bảo mới mười hai tuổi, đứng dậy phản đối :

— «Không đúng như lời ngài nói. Vạn vật trong trời đất với chúng ta đều là sinh vật cả, không loài nào quý, không loài nào hèn. Chỉ dùng trí khôn và sức mạnh mà khuất phục lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau thôi, chứ không có loài nào sinh ra để cho loài khác ăn thịt. Loài người thấy cái gì ăn được thì ăn, trời đâu có vì người mà

sinh ra các loài đó. Muỗi mòng kia đốt da ta, hồ lang kia ăn thịt ta, có thể nói rằng trời vì chúng mà sinh ra chúng ta không ?»

*

Về tri thức luận, Liệt tử theo chủ trương hoài nghi.

Trong bài I. 4 ông tự hỏi : Trời đất có tận cùng không ? rồi ông tự đáp : (Có vẻ như) Trời đất cùng tận cùng với ta. Nhưng như vậy trời đất có thật là tận cùng không thì ta không biết được.

Bài I. 11, kể truyện một người nước Kỉ lo trời sập, một người khác bác ý đó, bảo trời đất không sao sập được, một người thứ ba lại bác ý kiến người thứ nhì, bảo trời đất không thể không hủy hoại được. Sau khi nghe ý kiến ba người đó, Liệt tử cười và bảo :

«Kẻ nói trời đất sẽ hủy hoại, là nói bậy ; mà kẻ nói trời đất không bao giờ hủy hoại cũng nói bậy nữa ; trời đất hủy hoại hay không, điều đó ta không thể biết được. Trời đất mà hủy hoại thì mọi người cùng chết, trời đất mà không hủy hoại

thì mọi người cùng sống như nhau hết. Sống thì không hiểu được sự chết, chết rồi thì không hiểu được sự sống ; thời vị lai không biết được thời dĩ vãng, thời dĩ vãng không biết được thời vị lai ; trời đất hủy hoại hay không, thì quan tâm tới cái đó làm gì » ?

Tư tưởng hoài nghi của ông đạt tới mức tiêu cực. Chẳng những ông cho quan niệm thị phi tùy nơi mà thay đổi :

« người nước Viêm khi cha mẹ mất thì cắt lấy thịt liêng đi, còn xương thì đem chôn » ; « người nước Cừ, cha mẹ chết thì chất củi mà thiêu, khói bốc lên cao, bảo là cha mẹ lên cõi xa » ; phong tục khác nhau như vậy mà người các nước đó đều cho là báo hiếu cả ; (bài V. 7)

tùy thời mà thay đổi :

« cái mà thời trước người ta dùng thì có thể ngày nay bỏ đi ; cái ngày nay bỏ đi thì có thể sau này sẽ dùng, dùng hay bỏ, điều đó không quyết định được là phải hay trái » (bài VIII. 7).

mà ông còn ngờ cả thực với mộng nữa, như Trang tử khi nằm mộng thấy mình hóa

bướm, tự hỏi không biết mình là bướm hay là người. Một trong những ngụ ngôn lí thú nhất trong tập, được nhiều người thường trích dẫn là truyện một người kiếm củi bắt được con hươu đập chết, giấu trong một cái hào cạn, phủ cành lá lên, rồi quên mất chỗ giấu, tưởng mình nằm mê. (bài III 7.)

Vấn đề tỉnh và mộng được xét trong bốn bài nữa : III 4, III 6, III 8, III 9, theo chỗ chúng tôi biết thì không có tác phẩm nào khác thời Xuân Thu, Chiến Quốc bàn kĩ hơn *Liệt Tử*. Về tâm lí, hai bài III 4, III 6, hiện nay vẫn còn ít nhiều giá trị.

Bài III 9 có tư tưởng bi quan nhất, chỉ là một ngụ ngôn : Người thanh niên nước Tần mắc tật mê loạn, nghe tiếng hát thì bảo là tiếng khóc, nhìn màu trắng thì bảo là màu đen, làm điều quấy thì bảo là điều phải... Cái gì cũng đảo lộn hết. Cha người đó muốn qua Lỗ nhờ Khổng tử trị, giữa đường gặp Lão tử, Lão tử bảo :

« Làm sao chú biết được rằng con chú mê loạn ? Ngày nay khắp thiên hạ đều mê hoặc về phải trái, hôn ám về lợi hại. Kẻ bị bệnh đó nhiều quá tới nỗi không ai thấy

nữa... Mà ngay lời tôi nói với chú đây, cũng vị tất là không mê loạn, huống hồ cái ông quân tử nước Lỗ kia (trở Khổng tử), mê loạn hơn ai hết, thì còn trị bệnh mê cho ai được nữa ? »

Lời đó quyết không phải là lời Lão tử, mà cũng chưa chắc là lời Liệt tử, nhưng tả được xã hội thời đó và tâm trạng một số nhà ẩn dật chán ngán về thời thế. Liệt tử chỉ chủ trương hư tâm, bỏ chấp kiến, «giải thoát ý nghĩ trong lòng», «không phân biệt cái phải trái, lợi hại của mình ở đâu, cũng không phân biệt cái phải trái, lợi hại của người ở đâu» để hòa hợp với tự nhiên thôi :

«Hết phân biệt nội và ngoại (mình và ngoại vật rồi) thì cảm giác của mắt cũng như cảm giác của tai, của tai cũng như của mũi, của mũi cũng như của miệng, hết thấy đều hòa đồng với nhau» (bài II 3) — Điểm này chúng tôi sẽ trở lại trong đoạn dưới.

Nhờ sự hòa hợp đó :

«Cơ thể hòa hợp với tâm, tâm hòa hợp với khí, khí hòa hợp với thần, thần hòa hợp với cái «vô», mà hề có một hình thể rất nhỏ nào xuất hiện, một thanh âm rất nhỏ

nào thoáng qua, dù ở xa hay ở gần tôi cũng biết liền. Nhưng tôi không hiểu là do cảm giác của ngũ quan hay của các bộ phận trong người, chỉ biết rằng cái biết đó tự nhiên phát ra vậy thôi. (Lời của Cang Thương Tử trong bài IV 2).

Sự biết đó ngày nay chúng ta gọi là trực giác, trái hẳn với sự biết do suy diễn phái Danh gia sau này chủ trương, mà cũng không phải là sự biết «sinh nhi tri chi» của Khổng tử, vì nó cần một sự tu luyện tốn công, chứ không phải hề cực thông minh thì «sinh ra đã có», tức do bẩm sinh mà có.

Hai bài VIII 3 và II 10 không chắc là tư tưởng Liệt tử, nhưng cũng bàn về tri thức, nên chúng tôi cũng ghi lại ở đây.

Liệt tử học bản với Quan Doãn Tử, bản trùng rồi, nhưng không hiểu tại sao bản trùng. Quan Doãn bảo chưa được. Liệt tử tập bản thêm ba năm nữa, hiểu được tại sao bản trùng, Quan Doãn mới cho là được, và dặn:

«Nhớ lấy, đừng quên. Chẳng phải riêng việc bản như vậy đâu, việc trị nước, tu thân cũng vậy. Cho nên bậc Thánh nhân không

quan tâm tới sự tồn vong (đắc thất) bằng cái lẽ tại sao lại tồn vong.» (bài VIII 3).

Vậy hành được, chưa đủ gọi là tri, phải biết lí do tại sao mà thành hay bại, hiểu nguyên nhân của mỗi sự kiện, mới gọi là tri được. Ý tưởng xác đáng đó, ít triết gia thời Tiên Tần nói tới.

Sau cùng, bất kì học một môn gì, một nghề gì, cũng phải tập trung tinh thần như người gù bắt ve sâu trong bài II 10. Người đó phải tập trong năm sáu tháng, mới đầu đặt hai viên đạn lên đầu một chiếc gậy, cầm gậy sao cho nó không nhúc nhích, đạn không rớt, rồi tăng lần lên ba viên, năm viên ; lúc đó « thân thể trơ trơ như khúc cây, cánh tay tựa như một cành cây khô, chung quanh trời đất mênh mông mà không thấy gì cả, chỉ thấy cánh ve sâu thôi » và bắt ve sâu dễ dàng như nhặt chúng vậy, gì vào con nào là dính con đó.

Vậy, bộ *Liệt tử*, nếu không phải là chính *Liệt tử*, chủ trương rằng :

- trong vũ trụ có những điều trí óc của ta không hiểu được, đừng nên quan tâm tới làm gì ;
- những điều gì có thể hiểu được thì dùng

sống, không ghét chết, không yêu mình, không lãnh đạm với người, không có ác cảm, không có thiện cảm với ai, không thích, không tiếc » (bài II 1).

Đạo vô vi đó, phải trải tâm lâu rồi mới cảm được, đạt được, không thể giảng ra được (trăm tri chi hĩ, trăm đắc chi hĩ, nhi bất năng dĩ cáo nhược hĩ — Lời của Hoàng Đế trong bài II 1).

Như vậy thì dĩ nhiên là rất ghét sự trí xảo : một người nước Tống lấy ngọc chạm trổ ba năm trường thành một lá dó, khéo tới nỗi đặt chung với các lá dó thật, không ai phân biệt nổi. Liệt tử nghe nói, bảo :

« Trời đất khi sinh vạn vật mà phải mất ba năm mới thành một cái lá thì ít cây có lá lắm ! Cho nên thánh nhân, trông vào cái đạo để cải hóa, chứ không trong vào trí xảo ».

Đạo ông nói đó là đạo vô vi.

Vô vi thì *hư* và *tĩnh*. Hư tĩnh thì đạt được cái « chỗ » của mình. (Hư giả, tĩnh giả, đắc kì cư dã — bài I 9). Chữ *cư* đó thực khó dịch, có thể hiểu là cái đạo, hoặc chân lí, hoặc thiên tính.

Hư tĩnh thì không nói :

«... Người nào đã biết rõ chân lý rồi thì không nói. Không nói mà cũng là nói... Cũng là không có gì không nói...» (bài IV 5)

Vì còn nói, còn thuyết thì tức là còn « vi », vẫn có thể làm được, nếu không làm thì cũng bỏ sót, không sao nói hết được. Cho nên khi Liệt tử sắp rời quê hương mà qua Vệ, môn sinh xin cho biết Hồ Khâu Tử Lâm (thầy của Liệt Tử) có truyền cho điều gì không, Liệt tử cười mà đáp : « Thầy Hồ có nói gì đâu » (Hồ tử hà ngôn tai ? »)

Lời đó như lời « Thiên hà ngôn tai » của Khổng tử. Bốn mùa nối tiếp nhau qua lại, mà vạn vật sinh sản, trời có nói gì đâu ?

Hư tĩnh còn có nghĩa là bỏ chấp kiến đi, tức như Lão tử nói : « Hư ki tâm » vậy. Bài IV 15. dẫn lời của Quan Doãn Hi :

« Lòng mình mà vô chấp thì hình, vật (ở ngoài) sẽ hiện rõ ra. (Lòng mình) động thì như nước, tĩnh thì như gương ứng với vạn vật như tiếng vang. Cho nên đạo là hình ảnh của vật, vật trái với đạo chứ đạo không trái với vật. Người nào đã

được hoàn thiện như đạo thì không dùng tới tai, cũng không dùng tới mắt, cũng không dùng tới sức mạnh, cũng không dùng tới tâm nữa...

« Dùng tâm cầu đạo thì thấy nó ở xa, chứ nó vốn không ở xa, vô tâm cầu đạo thì thấy nó ở gần, chứ vốn nó không ở gần. Cứ yên lặng thì được đạo, giữ cái thiên tính còn toàn vẹn thì được đạo. »

Không dùng tới tâm, nghĩa là không chấp kiến, không cố ý, mà cứ để cái tâm hợp với tự nhiên.

Muốn đạt được sự hư tâm đó phải tốn công tu luyện. Liệt tử hỏi học ông Lão Thương (không rõ là ai — bài II 3.) sau ba năm đầu, lòng không dám cân nhắc phải trái, miệng không dám nói đến lợi hại, lúc đó mới được thầy liếc mắt nhìn ; lại hai năm nữa là năm năm, lòng lại cân nhắc phải trái, miệng lại nói đến lợi hại, lúc đó mới được thầy ban cho một nụ cười ; lại hai năm nữa là bảy năm, không thấy gì là phải trái, lợi hại nữa, lúc đó mới được phép cùng ngồi một chiếu với thầy, lại hai năm nữa là chín năm, mới

« Giải thoát được ý nghĩ trong lòng và lời

nói ngoài miệng, đã không phân biệt cái phải trái lợi hại của ta ở đâu, mà cũng không phân biệt cái phải trái, lợi hại của người ở đâu, cũng không phân biệt thầy ta là thầy, bạn ta là bạn nữa » nghĩa là « hết phân biệt nội và ngoại » — mình và vạn vật.

Ý đó được diễn lại trong bài IV.6 (nên chúng tôi không lựa bài này). Chúng ta nhận thấy tất cả gồm bốn giai đoạn :

- mới đầu còn nói bậy, nghi bậy, phải tập ba năm mới bỏ được thói đó ;
- hai năm sau, mới bắt đầu biết suy nghĩ, có thể nói đến phải trái, lợi hại mà không lầm lẫn nặng ;
- nhưng rồi hai năm sau lại tiến lên một bậc, không thấy gì là phải trái cả, cái phải ở đây có thể là trái ở nơi khác, cái phải ở thời này có thể là trái ở thời khác ;
- giai đoạn cuối cùng là không phân biệt nội ngoại nữa, không phân biệt mình với ngoại vật nữa.

So sánh đoạn đó với lời Khổng tử, đoạn 4 chương *Vi chính* trong *Luận ngữ* :

« Hồi mười lăm tuổi, ta đề tâm chí vào việc học, ba mươi tuổi thì vững chí rồi, bốn mươi tuổi thì sáng suốt về sự lí, phải trái rồi, năm mươi tuổi thì biết mệnh trời (tức đạo mẫu nhiệm trong vũ trụ), sáu mươi tuổi thì lời nào lọt vào tai là ta hiểu ngay, bảy mươi tuổi thì có thể theo cái ý muốn phát hiện trong lòng, không sợ sai phép nữa »

thì đại khái giai đoạn thứ nhất của Liệt tử tức giai đoạn từ 15 đến 30 tuổi của Khổng tử ; giai đoạn thứ nhì tức giai đoạn từ 30 đến 40 tuổi của Khổng tử ; giai đoạn thứ ba tức giai đoạn « trí thiên mệnh » — năm mươi tuổi — của Khổng tử : còn giai đoạn thứ tư thì có thể ứng với hai giai đoạn cuối của Khổng tử. Chúng tôi nói có thể vì sự tu dưỡng của Liệt và Khổng khác nhau : Liệt chủ vô vi, coi trọng sự không phân biệt nội ngoại mà hòa đồng với vạn vật, còn Khổng chủ trương hữu vi, tìm hiểu ngoại vật để cải thiện xã hội bằng nhân nghĩa.

Di nhiên chúng ta không thể căn cứ vào đoạn trên của Liệt tử mà bảo rằng Liệt đặc đạo sớm hơn Khổng : bài II 3. đó có lẽ chỉ là một ngụ

ngôn chỉ sự diễn tiến của phép tu dưỡng thôi.

Không phân biệt nội ngoại tức là hòa đồng với vạn vật. Chủ trương này được nhấn mạnh trong *Liệt tử*. Có bốn bài ngụ ngôn diễn cái ý : hễ hòa đồng với vạn vật thì vạn vật không hại được, mà còn giúp ta nữa, ta có thể vô lửa mà không bị cháy, vô nước mà không bị chìm, ta có thể đề cho không khí nâng ta, gió đưa ta đi, nghĩa là có thể « thừa phong nhi hành », có thể bay được, có thể trường sinh được.

Như bài II 12 kể một cuộc đốt rừng để săn thú của Triệu Tương tử. Trong khi rừng cháy hừng hực, bỗng có một người « từ trong vách đá chui ra, cùng bay lên đáp xuống với ngọn khói và tàn lửa..., lửa tắt rồi thì ung dung bước ra, như không có gì xảy ra cả ». Hỏi thì người đó đáp rằng không hề biết đá là cái gì, lửa là cái gì. Là vì hễ hòa đồng với vạn vật thì sẽ hóa đồng với vạn vật, mình sẽ là đá, là lửa, có thể chui vào đá, chạy nhảy trong lửa được.

Điểm thú vị trong truyện đó là vua Văn hầu nước Ngụy nghe xong, hỏi Tử Hạ (một môn sinh của Khổng tử) :

— « Thế còn Khổng tử sao không làm như

vậy (mà chui vào đá, nhảy về
Tử Hạ đáp :

— Phu tử làm được mà
Dĩ nhiên là Khổng tử khôn
đâu có nhằm mục tiêu hóa đồ

Lại như bài II 9 về thuật
Khổng tử ngấm thác Lữ Lươ
bọt lên, âm âm đồ xuống, dù
ba cũng không sống trong đó đ
người lợi trong dòng như chú
hỏi người đó cái thuật lợi nước

* « Mới đầu, tôi tập lợi, lợi
bản tính, cuối cùng thành
xoáy nước thì cứ để cho
lại để cho nó đưa mình n
cái « đạo » của nước chứ kh
của mình ».

Không theo ý riêng của mình
để cho xoáy nước cuốn mình vô
nội lên là hòa đồng với vật, cho
hại mình được.

Sau cùng, bài II. 6 với bài VI
chúng tôi chỉ tóm tắt đại ý đoạn c
II phần này), đều giảng rằng hễ « t

cóc của
kh chi

xu
tử ừa

là ý
đạo

tử

ực

ốc

en,

V là

ch,

q

vóc

lái

n ;

ig

i

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

g

đích của sự tu tâm. Đó là một cống hiến của *Liệt tử* và vì vậy mà đời Tống gọi là *Xung hư chí đức chân kinh*.

Trường sinh bất tử, (1) bay được, vô lửa không cháy, (2) vô nước không chìm, những ý đó ta cũng thường thấy trong các thiên *Tiêu dao du*, *Tề vật luận*, *Thu Thủy*, *Chí lạc của Trang tử* (2), chỉ là những ngụ ngôn, những hình ảnh cực tả sự hòa đồng và hóa đồng với vạn vật; lửa nước chỉ tượng trưng cho tai họa thôi, nhưng từ Tần, Hán tới Lục triều, một số người — đặc biệt là Tần Thủy Hoàng — tin rằng có phép trường sinh, rồi tìm cách tu tiên, tìm trong Âm dương học những cách để điều hòa âm dương, lấy trộm cái huyền vi của trời đất chế ra các cách luyện đan; luyện « tinh, khí, thần », kể cả các thuật « phòng

(1) Trong *Đạo đức kinh* cũng có những câu : « Tử nhi bất vong giả thọ » « Thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo » : Chết mà không mất là thọ. — Cái đạo gốc sâu rễ bền sống lâu mà trông xa mãi mãi.

(2) Theo Paul Brunton trong cuốn *A search in secret India* (chương III) thì một số thuật sĩ yogi (người tu theo pháp môn yoga) tập một số tư thế (asana) nào đó để kích động một số bí huyết trong

(Xem tiếp trang 48)

đích của sự tu tâm. Đó là một cống hiến của *Liệt tử* và vì vậy mà đời Tống gọi là *Xung hư chỉ đức chân kinh*.

Trường sinh bất tử, (1) bay được, vô lửa không cháy, (2) vô nước không chìm, những ý đó ta cũng thường thấy trong các thiên *Tiêu dao du*, *Tề vật luận*, *Thu Thủy*, *Chí lạc của Trang tử* (2), chỉ là những ngụ ngôn, những hình ảnh cực tả sự hòa đồng và hóa đồng với vạn vật; lửa nước chỉ tượng trưng cho tai họa thôi, nhưng từ Tần, Hán tới Lục triều, một số người — đặc biệt là Tần Thủy Hoàng — tin rằng có phép trường sinh, rồi tìm cách tu tiên, tìm trong Âm dương học những cách để điều hòa âm dương, lấy trộm cái huyền vi của trời đất chế ra các cách luyện đan; luyện « tinh, khí, thần », kể cả các thuật « phòng

(1) Trong *Đạo đức kinh* cũng có những câu : « Tử nhi bất vong giả thọ » « Thâm căn cố đế, trường sinh cửu thị chi đạo » : Chết mà không mất là thọ. — Cái đạo gốc sâu rễ bền sống lâu mà trông xa mãi mãi.

(2) Theo Paul Brunton trong cuốn *A search in secret India* (chương III) thì một số thuật sĩ yogi (người tu theo pháp môn yoga) tập một số tư thế (asana) nào đó để kích động một số bí huyết trong

(Xem tiếp trang 48)

cơ thể mà có thể nhảy vào lửa mà không thấy nóng (dĩ nhiên là vẫn cháy), phơi mình trần dưới tuyết mà không thấy lạnh, chịu một cuộc giải phẫu mà không dùng thuốc mê.

Điều đó có thể tin được vì nhật báo gần đây (1971) đăng tin y sĩ Trung Cộng đã giải phẫu phổi một bệnh nhân trước mặt một số bác sĩ Mỹ mà không dùng thuốc mê, nhờ đã châm cứu bệnh nhân ở một số huyệt nhất định. Những huyệt này chắc cũng là những bí huyệt Paul Brunton nói ở trên kia.

Vậy chúng ta có thể đoán rằng trẻ lăm là thời Ngụy, Tấn, Trung Hoa đã chịu ảnh hưởng của Ấn Độ và được nghe nói về những bí huyệt đó và về thuật vô lửa mà không bỏng ; nhưng họ chưa biết thuật luyện các tư thế asana nên giảng bằng thuyết hòa đồng và hóa đồng với vạn vật.

Mà nếu quả thực bộ *Linh khu* của họ đã viết từ mấy ngàn năm trước thì chưa biết chừng họ đã tìm ra được những bí huyệt đó trước cả Ấn Độ nữa.

nội » (1) để được bất tử, nếu không thì cũng trường thọ. Họ đã biến Lão giáo thành Đạo giáo một « đạo » của bọn phù thủy, thầy pháp.

Ở trên chúng tôi đã chép ý nghĩa của bài VIII 10 : cứ thành tâm tin ở mình, ở nước thì sẽ lợi giới. Ngụ ngôn II 6 còn diễn ý đó một cách mạnh mẽ hơn nhiều. Một ông lão nghèo vì tin rằng Phạm Tử Hoa có thể làm cho kẻ chết sống lại, kẻ nghèo hóa giàu, cho nên bọn đàn em của Tử Hoa bảo ông từ trên lầu cao nhảy xuống đất, ông cũng nhảy, bảo ông lặn xuống vực sâu mò châu bảo ông cũng lặn, rồi chính Tử Hoa bảo ông vô dám cháy khuôn các gấm vóc ra, ông cũng vô, không lần nào bị tai nạn cả. Tới khi bọn Tử Hoa thú thực với ông là muốn lừa gạt ông để giỡn, thì ông hoảng hốt, lo sợ. Ông lão ấy nói :

(1) Tức « trong phòng the ». « Phòng nội » là tên một quyển trong bộ *Y tâm phương* không rõ viết từ hồi nào, người Nhật đã dịch ra, nhan đề là The Tao of sex. Còn vô số sách trong loại đó nữa, như Tổ nữ kinh. Thiên kim phương, Nhục bồ đoàn... Cuốn nào cũng tả tĩ mĩ không kém các « kinh » trong loại đó của Ấn Độ như Kinh Kama Sutra,

« (Trước kia) tôi tin mọi lời của các ông là đúng, tôi chỉ sợ lòng tôi không thực chân thành... mà không nghĩ tới an hay nguy cho thân tôi... tôi chỉ nhất tâm, nhất niệm, cho nên vật không làm trở ngại cho tôi. Bây giờ tôi mới biết rằng các ông muốn gạt tôi thì tôi nghi ngờ, lo sợ... nhớ lại hôm trước thoát chết đuối, chết cháy... tôi bừng bừng trong lòng. Từ nay tôi đâu dám lại gần nước và lửa nữa ».

Vậy con người cực thành tín thì làm gì cũng được, không có gì ngăn cản được. Đức đó được Liệt tử coi trọng còn hơn Không tử.

Về sinh tử và mệnh trời, chúng tôi đếm được hơn hai chục bài, chỉ có một hai bài dẫn lời của Liệt tử, còn những bài khác kể truyện hoặc dẫn lời của Không tử, Ân tử, Dương tử, Quản Trọng, Tử Sản...

Đại khái, có những chủ trương :

- | | |
|----------------|-------------|
| — chết là nghi | (bài I 7) |
| — chết là về | (bài I 8.) |
| — sống là gởi | (bài I 12.) |
| — nên vui chết | (bài I 6.) |

- nên tri mệnh an thời (bài VI 11)
- và sống thìnên hưởng lạc (bài VII 8.)

Chúng ta có thể tin rằng trừ bài I. 7. (đại ý : chết là sự rất quan trọng, vì người quân tử chết thì mới được nghỉ, còn kẻ tiểu nhân chết thì không làm bậy được nữa) còn những bài kia diễn ý kiến chung của các hiền giả, các triết gia trong phái Lão, Trang, chứ không phải riêng của Liệt tử.

Bài VII 8 kể truyện Tử Sản có một người anh chỉ thích rượu, trong nhà chứa cả ngàn hũ rượu, quanh năm say mềm, và một người em chỉ hiếu sắc, ba tháng liền không ra khỏi phòng các nàng hầu mĩ miều, cả hai đều tận tình hưởng lạc, « chỉ sợ bụng đầy rồi không ăn uống thêm được nữa cho khoái khẩu, sức kiệt rồi, không hưởng sắc dục được nữa cho sướng thân », bất chấp tiếng chê bai của thiên hạ, bất chấp cả sự nguy tới tính mệnh, vì « hạnh phúc khó gặp mà chết thì dễ gặp, đem cái hạnh phúc khó gặp đòi cái chết dễ gặp » là điều đại dột. Bài đó, chúng tôi nghĩ có lẽ là của người đời Ngụy, Tấn — chẳng hạn môn đồ của bọn Lưu Linh, Nguyễn Tịch, trong nhóm Trúc Lâm thất hiền (1) — thêm vào,

Các triết gia thời Lão tử, Liệt tử không ai phóng túng mà đề cao tửu sắc tới mức đó. Mà hạng triết gia chân chính nước nào, thời nào cũng vậy. Họ có thể theo chủ nghĩa phóng nhiệm, sống khác đời, chứ túng dục thì không. Túng dục là thái độ thường thấy trong số văn nhân, thi nhân như bảy ông «hiền» kể trên.

Nhưng chủ trương «tri mệnh an thời» trong bài VI 11 có thể là của Liệt tử. Đại ý là cái gì cũng do «mệnh» xui nên cả, sức người không thể thắng được «mệnh trời». Người thông minh, biết tính toán lợi hại, xét hư thực, thì chỉ đúng được một nửa, còn một nửa sai; mà người không thông minh, không tính toán lợi hại, xét hư thực thì kết quả cũng đúng được một nửa, còn một

(1) Trúc Lâm thất hiền là Nguyễn Tịch, Kê Khang, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Sơn Đào, Hường Tú, Vương Nhung.

Nguyễn Tịch nghe nói trong bộ Binh trừ 300 hũ mễ tửu, vội vàng xin vào làm một chức nhỏ để được nhận. Có lần ông say luôn 60 ngày, vua Tấn muốn nói chuyện với ông mà không được. Còn Lưu Linh thì được lưu danh nhờ bài Tửu đức tụng (ca tụng cái đức của rượu).

nửa sai. Vậy tính toán hay không thì kết quả cũng như nhau. Chỉ người nào không tính toán gì cả, là giữ được trọn mà không mất. Cũng là thái độ vô vi, thuận theo tự nhiên nữa.



Tư tưởng chính trị.

Vô vi thì ăn dật, không ham danh, không nhận chức tước, trách nhiệm nào cả. Liệt tử muốn qua Tê, nửa đường nghỉ lại mà quay về (bài II 14) là vì vậy.

Và lại đã chủ trương hòa đồng với vạn vật thì tất không nghĩ tới việc « trị ngoại vật », trị nước nữa :

« Người nào tự cho là khéo trị ngoại vật, ngoại vật vị tất đã trị, mà thân người đó đã khổ rồi : còn kẻ khéo trị nội tâm, thì ngoại vật chưa chắc đã loạn mà tính tình mình được yên vui. »

Bài VII 8 tuy là một ngụ ngôn người đời sau viết thêm vào, nhưng câu chúng tôi mới dẫn ở trên, trích trong đoạn kết bài đó, vẫn có thể coi là hợp với tư tưởng của Liệt tử.

Ý trong câu đó còn chưa được khẳng định bằng ý trong bài II 1 : Hoàng Đế trị dân mười lăm năm, được dân chúng tôn thờ ; ông trị dân thêm mười lăm năm nữa thì nước lại muốn loạn mà tâm hồn ông mờ ám, mê loạn thêm. Ông bèn bỏ việc nước, bỏ hết cơ mưu, trai tâm ba tháng trong một ngôi nhà ở giữa sân, rồi một hôm ông nằm mộng thấy lại chơi nước Hoa Tư Thị, « nước đó không có vua, tự nhiên mà trị, dân không có thị dục, tự nhiên mà sống ». Tỉnh dậy, ông bỗng giác ngộ, và ông theo đạo vô vi, giữ ngôi thêm hai mươi tám năm nữa, thiên hạ thật bình trị, khi ông qui tiên, trăm họ đều khóc, trên hai trăm năm không dứt.

Đó, tư tưởng về chính trị của Liệt tử ở cả trong bài đó.

Bài VIII 4 (Trị nước cần biết người hiền) dẫn lời của Liệt tử :

« Người hiền biết dùng người, nên tuy già mà không suy, trí giảm mà không loạn. Cho nên trị nước khó ở chỗ biết được người hiền, mà không tự cho mình là hiền ».

Bài đó có thể không phải là ngụ tác, nhưng dù vậy chẳng nữa thì cũng chỉ có thể là một lời khuyên các vua chúa đương thời đã quá đi sâu

vào con đường hữu vi, chứ không thể bảo là diễn đúng chủ trương về chính trị của Liệt tử được.

Còn những bài II 21 (Nhân nghĩa hơn sức mạnh), V 9 (Luật quân bình), VII 9 (Làm cách nào cho hết trộm cướp) thì hiển nhiên là tư tưởng của Khổng phái, người đời sau đã thêm vào.

..

Trong tiết này chúng tôi đã thử chứng minh rằng bộ *Liệt tử* tuy xét qua, có vẻ thiếu nhất trí, nhưng tựu trung vẫn có những ý chính, liên quan với nhau, thành một hệ thống, một triết thuyết.

Triết thuyết đó chủ trương vô vi, hư tĩnh, hòa đồng với vạn vật, trọng nhân sinh, bình dân, không quan tâm tới những cái siêu hình óc người không hiểu nổi, có phần lạc quan chứ không bi quan, có phần tích cực (ở điểm luyện tâm, luyện đức tin, tập trung tinh thần) chứ không tiêu cực. Nó gần đạo Lão, mà cách phô diễn (dùng nhiều ngụ ngôn chứ ít lí thuyết) lại gần Trang. Không chê Khổng tử lắm, có cảm tình với Khổng là khác mà có chỗ lại cơ hồ như chịu ảnh hưởng

của Mặc (như bài VII 7. — không coi trọng sổng tử). Như vậy đủ cho chúng ta kết luận rằng Liệt là gạch nối giữa Lão và Trang.

Học thuyết đó không sâu sắc bằng Lão, không rạch rỡ bằng Trang, đó là lẽ thứ ba khiến cho ít học giả nhắc tới. Nhưng theo chúng tôi, Liệt tử vẫn xứng đáng đứng dưới Lão, Trang, trên nhiều triết gia khác thời đó, và ngang hàng với Dương tử.

IV.-- TƯ TƯỞNG CỦA DƯƠNG TỬ

Từ Hải chỉ ghi ít hàng về Dương Chu :
 « Người nước Vệ thời Chiến Quốc, tên tự là Tử Cư, có người nói là đã theo học Lão tử, có người lại nói là sinh sau Mặc tử, không có sách lưu truyền, chỉ còn ít đoạn tản mạn trong các cuốn *Liệt tử*, *Mạnh tử*. Ông chủ trương thuyết vị ngã, dù nhờ một sợi lông mà làm lợi thiên hạ ông cũng không chịu, trái ngược hẳn với thuyết kiêm ái của Mặc tử ».

Địa vị, ảnh hưởng của Dương Chu rất quan trọng, không ai viết về triết học sử Trung Hoa thời Tiên Tần mà không nhắc tới ông, khác hẳn Liệt tử thường bị bỏ quên.

Ngay Mạnh Tử, sinh sau Dương Chu khoảng 70 năm, mà cũng phải buồn rầu nhận rằng ảnh hưởng của Dương Chu quá mạnh, học thuyết của Dương và Mặc lan tràn khắp thiên hạ, « thiên hạ không theo Dương thì theo Mặc » (trong chương Đẳng Văn Công hạ). Vậy Khổng, Mặc và Dương đã chia nhau cái thế chân vạc ở thời đó. Mặc chủ trương kiêm ái, nghĩa là theo Mạnh tử không biết đạo cha con, còn Dương chủ trương có nhờ một sợi lông mà làm lợi thiên hạ thì cũng không chịu, nghĩa là không biết đạo vua tôi, nên ông bất đắc dĩ phải tự lãnh cái trách nhiệm dả hai nhà đó, kẻ thù của đạo Khổng, mặc dầu ông đâu có ham tranh biện.

Hàn Phi tử cũng nói về Dương, bảo là « không vì cái lợi lớn của thiên hạ mà chịu nhờ một sợi lông chân của mình, khinh vật mà trọng đời sống (của mình) » (Thiên Hiền học).

Lữ thị Xuân Thu bảo « Dương Chu quý thân mình » (Thiên Bất nhị).

Hoài Nam tử viết : « Học thuyết của Dương Chu là bảo toàn sinh mệnh và thiên chân của mình ».

Nhưng không có bộ nào cho biết gì hơn về Dương Chu. Duy có thiên VII tức thiên Dương

Chu trong *Liệt tử* là nói rõ về hành vi cùng tư tưởng của Dương. Ngoài thiên đó ra còn tám thiên khác trong các thiên *Hoàng Đế*, *Lực mệnh*, *Tiêu phũ* cũng nhắc tới Dương Chu. Vì vậy mà *Liệt tử* ngoài cái giá trị tài liệu về Liệt Ngự Khấu, một giá trị rất lớn là bộ sách duy nhất cho ta hiểu về Dương Chu.

Một điểm này rất đặc biệt nữa là trong *Liệt tử* bảy chương kia không có tính cách nhất quán (chúng tôi sẽ xét thêm trong tiết sau), duy thiên Dương Chu là rất nhất trí, gồm 20 bài và mười bảy bài viết về Dương Chu. Tại sao vậy? Tại một người nào đó đã viết riêng về Dương Chu, rồi đời sau gom vào bộ *Liệt tử* chẳng Gom cho khỏi mất? Hay vì thấy tư tưởng của Dương có điểm hợp với tư tưởng của Liệt? Hay chỉ vì thói cầu thả?

*
*
*

Về niên đại của Dương Chu, có thuyết cho rằng ông là môn đệ Lão tử. Có lẽ người ta đã căn cứ vào bài II 15 kể truyện Dương Chu một lần đi xuống phía Nam, gặp Lão Đam ở nước Lương, bị Lão Đam mắng là có vẻ tự mãn, khoa

trương quá, « không thể dạy được. » Nhưng bài đó khó tin được vì thái độ của Dương Chu tự hạ quá : tụt dép ở ngoài cửa phòng, quì mà lết lại gần Lão tử để xin được dạy bảo.

Và lại bài đó trái ngược hẳn với bài sau II 16 ; trong bài này Dương tử rất nhũn, khuyên đệ tử : « Các con nên nhớ, hành động như hiền nhân, mà đừng có thái độ tự cho mình là bậc hiền thì tới đâu mà chẳng được người ta quý. »

Vậy bài II 15 (có lẽ cả bài II 16 nữa) chỉ nên coi là một ngụ ngôn khuyên chúng ta đức nhũn thôi.

Bài VII 13 kể truyện Dương Chu yết kiến vua nước Lương, theo Hồ Thích cũng không đáng tin vì « trẻ quá, đại khái Dương Chu không thể thấy Lương xưng vương được ».

Bài VII 10 có thể tin được vì diễn chủ thuyết của Dương : nhờ một sợi lông trên mình đề cứu đời cũng không chịu. Trong bài đó, người đối thoại với Dương Chu là Cầm tử, một môn sinh của Mặc tử. Lại căn cứ vào lời Mạnh tử bảo ở thời ông thiên hạ không theo họ Mặc thì theo họ Dương, chúng ta có thể đoán rằng Dương tử sống sau Mặc tử và trước Mạnh tử ; Hồ Thích cho vào khoảng từ — 440 và — 360,

cũng hợp với Vũ Đồng : — 440 — 380.

Chúng ta không được biết gì về đời sống của Dương Chu ngoài những điều này : ông là một ăn sĩ, không hề ra làm quan mà dạy học, tính tình điềm đạm, không tranh luận với ai, khoáng đạt mà cũng hiền từ.

Hạng ăn sĩ như ông thời nào cũng có, nhất là thời loạn lại càng nhiều.

Trong *Luận ngữ* đã chép bốn năm truyện về hạng người lánh đời, không màng tới thế sự, như truyện người cuồng nước Sở là Tiếp Dư khuyên Khổng tử thôi đừng lo việc chính trị nữa ; truyện Kiệt Nịch bảo Tử Lộ đừng tính chuyện cải tạo xã hội nữa ; truyện Tử Lộ gặp một ông già bừa cỏ, hỏi có gặp « thầy tôi » không, ông già đáp : « Bọn các anh tay chân chẳng làm gì cả, năm giống lúa không phân biệt được, ta biết thầy của các anh là ai ? »

Ngay trong *Liệt tử* cũng có vài truyện như vậy, như bài I 5, I 6 mà nhân vật cũng là Khổng tử, Tử Cống với những ông lão nhà quê, có lẽ là do người đời sau phỏng theo *Luận ngữ*. Cứ theo bài IV 11 thì thời Đặng Tích và Tử Sản

(thể kỉ thứ — VI) (1) ở nước Trịnh, đã có một nhóm người ăn dật họp nhau sống tại một miền gọi là Phổ Trạch, dạy bảo nhau, đoàn kết với nhau.

Dương Chu thuộc vào hạng người « mai danh » đó, cho nên sách vở ít chép về đời sống của ông. Chắc ông cũng không trứ tác, không chủ tâm lập một học thuyết mà thiên *Dương Chu* cũng vị tất là của môn đệ ông viết.

Theo thiên đó, Dương Chu không hề bàn về vũ trụ, về trí thức như Liệt tử, chỉ diễn nhân sinh quan của ông, đôi khi có nhắc tới chính trị thì chỉ là đề chứng tỏ cái hại của « hữu vi » thôi.

• • •

Chủ thuyết của ông là *quí sinh, trọng kỉ*. Trong bài VII 15 ông bảo :

« Con người bản chất giống trời đất, có đức tính của ngũ hành, là loài tối linh trong vạn vật ... Thân ta không phải là của ta, nhưng đã sinh ra rồi thì không thể không bảo toàn nó được... (mà) trí khôn quí ở chỗ nó bảo tồn được thân ta »

(1) Con số nào có dấu âm (—) ở trước là trở thời trước công nguyên,

Vì quí đời sống của mình, trọng thân mình, nên ông chủ trương *vị ngã*. Trong bài VII 11 ông thuật lời một ần sĩ, Bá Thành Tử Cao :

« Ông Bá Thành Tử Cao không chịu mất một sợi lông của mình để làm lợi cho thiên hạ, bỏ nước mà ở ần cày ruộng... Người xưa, mất một cái lông mà làm lợi cho thiên hạ thì cũng không chịu, mà có ai đem cả thiên hạ phụng dưỡng thân mình thì cũng không nhận. Nếu mọi người đều không chịu mất một sợi lông của mình, mọi người đều không muốn làm lợi cho thiên hạ thì thiên hạ sẽ bình trị »

Cầm tử, nghe vậy, hỏi lại ông :

— «Nhờ một sợi lông của ông để cứu đời, ông chịu không ?

Ông đáp :

— «Đời đâu có thể cứu được bằng một sợi lông.»

Cầm tử lại hỏi nữa :

— «Cho rằng cứu được đi, thì ông chịu không ? » Thấy Cầm Tử chậm hiểu, ông không đáp nữa.

Ông cho rằng sinh vật nào cũng có bản năng tự tồn ; cứ theo bản năng của mình và không ngăn cản bản năng của người khác, vật khác

thì mọi vật được thuận thiên tính mà phát triển, không xảy ra chuyện gì rắc rối. Nhưng từ một thời nào đó, con người phải tập hợp, quần cư thành một đoàn thể để đối phó với thiên nhiên, với thú dữ, với kẻ thù... do đó mà ngoài việc tự bảo tồn mình, còn phải bảo tồn đoàn thể (gia tộc, bộ lạc, quốc gia...), và loài người phải đề cao những đức hợp quần, hi sinh cho gia đình, cho vua chúa, cho tổ quốc.... Đó là nguồn gốc của loạn ; cá nhân mất tự do, bị đoàn thể, kẻ cầm quyền chi phối, mà đoàn thể này can thiệp vào đời sống của đoàn thể khác, gây ra chiến tranh, mà cái quý nhất của con người là sinh mệnh hóa ra bị coi rẻ nhất.

Nhân loại đã tới tình trạng đó rồi, không còn cứu vãn được nữa, trung với nghĩa đều vô dụng :

- a. Trung với vua không đủ để làm cho vua được yên mà đủ làm nguy cho bản thân mình, giữ nghĩa không đủ để làm lợi cho người mà đủ làm hại cho đời sống của mình. Sự an ổn của người trên không nhờ đức trung (của người dưới), vậy nên bỏ tiếng trung đi ; sự ích lợi của người khác

không do ta giữ nghĩa, vậy nên bỏ tiếng nghĩa đi. » (Bài VII 19).

Không chịu nhờ một sợi lông của mình để cứu đời là vì hai lí do đó : 1 — phải quý thân mình, mọi người quý thân mình thì xã hội sẽ trị ; 2 — xã hội đã tới cảnh hỗn loạn như đời Chiến Quốc, dầu hi sinh tính mệnh mình cũng không cứu được nữa.

Chủ trương đó trái ngược hẳn với họ Mặc và cũng cực đoan như họ Mặc : Mặc cực đoan mà tích cực, Dương cực đoan mà tiêu cực.

Thuyết nào cực đoan thì cũng khó thực hiện được, nhưng có cái lợi là mở một cửa sổ mới để người ta thấy một chân trời mới mà suy tư, và hai cực đoan trái ngược nhau sẽ đưa tới sự dung hòa. Có thể rằng chính nhờ Dương tử mà sau mới có thuyết của Lão tử, của Trang tử.

Lão tử, Liệt tử chủ trương vô vi, một thứ vô vi trung dung hơn Dương tử, và Lão tử cũng khuyên ta nên « quý sinh khinh lợi », nên coi thân mình quý nhất trong thiên hạ (Quý dĩ thân vi thiên hạ — chương XIII), còn Trang tử thì nói : « phải giữ vẹn hình thể, duy trì thiên chân, đừng vì (ngoại) vật mà làm lụy hình hài » (toàn

hình bảo chân, bất di vật lụy hình).

Dương Chu còn là người đầu tiên xướng xuất chủ nghĩa cá nhân, nhưng chủ nghĩa đó không hợp với dân tộc Trung Hoa nên chỉ thịnh trong những thời loạn : thời Chiến Quốc và thời Ngụy, Tấn.



Quý kỉ thì tự nhiên cũng phải quý vật vì vật cũng có sinh mệnh, có bản năng của nó, cho nên trong bài VII 15, Dương Chu khuyên ta không nên tàn bạo với các sinh vật khác :

« Chúng ta phải cậy vào ngoại vật để tự nuôi sống, nhưng phải dùng mưu trí chứ không ỷ vào sức mạnh được. Cho nên trí khôn quý ở chỗ nó bảo tồn được thân ta, mà sức mạnh đáng khinh ở chỗ nó tàn bạo với các sinh vật khác »... Làm chủ vật và làm chủ thân ta, tự ý muốn làm gì cho thân mình và vạn vật cũng được, họa may bậc thánh nhân mới được vậy ».

Bậc thánh nhân ở đây tức là bậc đại trí, biết sử dụng vạn vật để tự nuôi mình, bảo toàn thân mình. Bậc đó còn thấp hơn bậc chí nhân :

« Cõi thân mình là vạn vật, coi vạn vật là thân mình thì chỉ bậc chí nhân mới được vậy. Đó là tột bậc của sự hoàn thiện ».

Thực là một lời nhân từ, có thể đã ảnh hưởng tới thuyết « hòa đồng với vạn vật » của Liệt tử và thuyết « tề vật » của Trang tử. Hàn Phi trong thiên *Hiền học* bảo Dương tử là kẻ sĩ « khinh vật » : lời phê phán đó sai. Dương tử chỉ không muốn làm lợi cho vật thôi, chứ không khinh vật ; ông quý sinh mệnh của ông thì cũng quý sinh mệnh của vạn vật, bắt đắ dĩ phải nhờ vạn vật nuôi sống mình, chứ vẫn coi sự dùng sức mạnh để đàn áp, tàn hại các loài vật là dễ tiện.



Quý sinh thì tất phải nghĩ tới việc *dưỡng sinh*, nhưng dưỡng sinh không có nghĩa là cầu bất tử.

« Mạnh Tôn Dương hỏi Dương tử :

— Có người quý đời sống và yêu thân mình mà mong được bất tử, được không ?

Dương tử đáp :

— Không có cái lẽ bất tử được.

— Thế thì mong kéo dài thêm đời sống, được không ?

— Không có cái lẽ kéo dài thêm đời sống được. Đời sống không phải cứ quý nó mà duy trì được nó, thân không phải cứ yêu nó mà nó sống được lâu. »

Nghĩa là có số mệnh. Nhân lực không thắng được thiên mệnh. Bài này đặt vào thiên VI *Lực mệnh* cũng rất hợp. Rồi Dương Chu nói thêm :

« Vả lại, kéo dài thêm đời sống để làm gì ? Các tình yêu ghét, xưa cũng như nay..., việc đời vui hay khổ, xưa cũng như nay, trị và loạn thay đổi nhau, xưa cũng như nay. Một khi đã nghe rồi, thấy rồi, trải qua rồi thì sống trăm năm cũng đã chán, sống thêm làm chi cho khổ ? »

Mạnh Tôn Dương thấy thái độ đó có vẻ bí quan, hỏi thêm :

— « Nếu vậy thì chết sớm còn hơn là sống lâu, mà nên nhảy vào lưới gươm đâm lửa ư ? »

Dương Chu đáp :

— Không phải vậy ! Đã sinh ra thì cứ thản nhiên nhận cuộc sống, và thỏa mãn hết thị hiếu của mình mà đợi lúc chết ; sắp chết

thì cứ thản nhiên nhận sự chết, sống hết đời mình cho tới khi tiêu diệt. Cái gì cũng thản nhiên, cái gì cũng chấp nhận, thì còn mong gì nó tới sớm hay muộn nữa ? »

Vậy thực ra Dương Chu không bi quan, vẫn nhận rằng đời có những cái vui, thị hiếu của con người có thể thỏa mãn mà hưởng lạc được. Thái độ của ông là thái độ đạt quan cũng như Liệt tử.

Bài VII₂ cũng diễn ý đó. Mới đầu ông tính đời người thọ lắm là được trăm năm mà trừ tuổi thơ, tuổi già, trừ những lúc ngủ, những lúc đau ốm, lo sợ vân vân, rốt cuộc còn lại độ mười năm, mà trong mười năm này, được sống thực ung dung, vui vẻ chỉ được độ một giờ ! Ấy là chưa kể mình muốn hưởng lạc mà vị tất đã được, bị xã hội khuyên ngăn, cấm đoán. Rồi cuối bài ông kết luận rằng cứ như người thời thái cổ mà lại khôn : biết đời sống chỉ là tạm thì cứ hành động theo lòng mình, không trái những thị hiếu tự nhiên, không bỏ lỡ cái gì làm vui cho cuộc sống... tuổi thọ nhiều hay ít, không quan tâm tới. « Tòng tâm nhi động, bất vi tự nhiên sở hiếu » là nhân sinh quan của ông.

Câu đó làm cho người ta tưởng rằng ông túng dục (buông thả lòng dục). Không phải vậy,

Vì đã túng dục thì tất thương sinh mà không thọ, không hưởng lạc được ; đã quý sinh thì không túng dục.

Trong bài VII 5, ông còn tỏ ra thái độ trung dung là khác :

« Nguyên Hiễn sống nghèo khổ ở nước Lỗ, mà Tử Cống (cũng là môn sinh của Khổng Tử như Nguyên Hiễn) thì buôn bán, làm giàu ở nước Vệ. Nguyên Hiễn vì nghèo mà tồn sinh, Tử Cống vì làm giàu mà lụy thân, vậy thì nghèo đã không nên, giàu cũng không nên. Nên làm sao đây ? Nên làm sao cho vui vẻ, an nhàn tấm thân ? Kẻ biết sống vui thì tránh cảnh nghèo, kẻ biết sống an nhàn thì tránh sự làm giàu. »

Thủy tổ của đạo nhàn ở phương Đông chúng ta, phải kể Dương Chu chứ không phải Lão, Trang. Các nhà nho ăn dật của ta dù đồ dật mà cũng không chịu làm quan, sống vui vẻ với vài mẫu ruộng, vài sào dâu, một khu vườn, một cái ao, là môn đồ của Dương Chu cả.

Muốn so sánh ông với một triết gia phương Tây thì tôi sẽ lựa Epicure, sanh ở Hi Lạp sau ông non một thế kỉ, cũng cho rằng sống để hưởng

lạc, nhưng cũng thanh bạch, tiết độ, mà cũng bị đời sau hiểu lầm là túng dục.

Chúng ta đã thấy Dương Chu rất ghét sự cấm đoán của xã hội, chỉ làm lụy thân ông. Mà một cái lụy lớn nhất là hư danh. Trong hơn hai mươi bài, có tới năm sáu bài ông đã kích thối ham danh.

Ông bảo bốn hạng người : ham sống lâu, ham danh, ham vị và ham tiền là những kẻ «trốn» (tự nhiên), vì họ phải tùy thuộc vào ngoại vật, vào người khác, sợ đủ thứ, mà mất tự do. Và ông dẫn một câu ngôn ngữ : « Người nào không lập gia đình, không làm quan thì tình dục mất đi một nửa ; người nào không quan tâm tới cái ăn cái mặc thì chẳng có bốn phận vua tôi ». (bài VII 16).

Mạnh Tử mắng Dương Chu là vô quân : đúng. Dương vô tổ quốc ; theo bài này, ông còn muốn vô gia đình nữa. Cái gì làm lụy cho ông thì ông không thích, mà quá trọng kỉ thì dễ thành vị kỉ. Trong ba triết học lớn của Trung Quốc, chỉ duy Khổng giáo là rất trọng gia đình, còn Mặc và Lão đều không bận tâm tới.

Ông chê hết thấy các bậc hiền nhân, thánh nhân thời trước là « coi trọng tiếng khen tiếng chê một thời làm cho tinh thần, hình hài tiêu

tụy, muốn lưu lại cái danh hảo mấy trăm năm sau khi chết, nhưng chết rồi có cách nào làm cho nắm xương tàn tươi lại, tái sinh mà hưởng lạc được không ? » (bài VII 14).

Nghiêu, Thuấn, Kiệt, Trụ chết rồi thì cũng như nhau, mà khi sống, Nghiêu, Thuấn chỉ vì ham tiếng tốt phải chịu biết bao nỗi cực khổ, còn Kiệt, Trụ được hưởng biết bao nỗi sung sướng. (bài VII 12 và VII 3).

Đáng chê nhất là Bá Di, ham cái tiếng thanh khiết, không chịu ăn lúa nhà Chu vì chê vua Vũ Vương là bất nhân, mà đến nỗi chết đói ở núi Thù Dương ; và ông Liễu Hạ Huệ, ham cái tiếng trong trắng, gái đẹp ngồi vào lòng mà không hề động tâm, đến nỗi phải tuyệt tự. « Cái trong trắng, cái thanh khiết làm mê muội con người đến bậc đó » (bài VII 4).

Giọng gay gắt nhất là bài VII 1 trong đó ông bảo các bậc hiền nhân mà có danh đều là giả dối hết :

« Hễ thực thì không có danh, hễ có danh thì không thực, những người có danh đều là nguy hết (Thực vô danh, danh vô thực, danh giả, nguy nhi dĩ hĩ). Hồi xưa vua

Nghiêu vua Thuấn giả dối đem thiên hạ nhường cho Hứa Do và Thiệu Quyền (hai ần sĩ này đều từ chối), nên mới giữ được thiên hạ mà hưởng lộc tới trăm tuổi. Bá Di, Thúc Tề thực tâm nhường ngôi nước Cô Trúc, cho nên mới mất nước, chết đói ở núi Thú Dương. Coi đó thì biết được thành thực và giả dối khác nhau ra sao ».

Vậy những kẻ nào có danh mà vẫn sống sung sướng đều là phường giả dối, còn những kẻ có danh mà sống khổ sở thì không giả dối, nhưng ngu dại, đều đáng chê cả.

Tóm lại quý sinh, dưỡng sinh theo Dương Chu là mai danh, ở ần, không cho ai biết tới mình, cứ thỏa mãn thị hiếu tự nhiên, theo mệnh trời, không cầu sống lâu, càng không nên mong giàu, nhưng nghèo quá thì cũng khó mà vui được. Ông cho sống chỉ có mục đích : tìm một hạnh phúc tự nhiên, giản dị. Nhưng các triết gia khác bàn đông bàn tây, làm cho loài người hoang mang như người láng diềng của ông mất con cừu mà tìm không ra vì đường lắm ngã rẽ.



Hồ Thích căn cứ vào câu : « Thực vô danh, danh vô thực, danh giả, ngụy nhi dĩ hĩ » mà cho rằng Dương Chu chủ trương chỉ thừa nhận cái thể, tức cái thực thôi, không thừa nhận cái tên để gọi chung các thể ; nghĩa là Hồ Thích cho chữ *danh* trong câu dẫn trên của Dương Tử có nghĩa là tên chứ không phải chỉ có nghĩa là *danh tiếng*. Tên một vật gì đó, chẳng hạn cái bàn, là do người ta đặt ra, là « nhân vi », cho nên bảo « danh giả, ngụy nhi dĩ hĩ » — chữ *ngụy* gồm chữ *nhân* và chữ *vi*. Mà cái tên đó, không phải là cái vật có thực, vì tiếng bàn chỉ chung các đồ đạc ta dùng làm chỗ viết lách, hay chỗ ăn, chỗ chơi, chứ không chỉ riêng một đồ đạc nào cả. Ý niệm cái bàn là một ý niệm trừu tượng, nói cái bàn thì ta không biết nó bốn chân hay ba chân, tròn hay vuông, cao hay thấp, bằng gỗ hay bằng sắt..., vì vậy mà bảo « danh vô thực ».

Chúng tôi đọc kĩ tất cả những bài Dương Chu nói về danh, không thấy có nghĩa đó, chỉ thấy Dương dùng chữ danh với nghĩa : tiếng tăm. Mà ngoài Hồ Thích ra, chúng tôi cũng không thấy một học giả nào khác hiểu chữ danh của Dương theo cái nghĩa là tên để gọi vật.

Nếu quả thực cách giải thích của Hồ Thích

mà đúng thì Dương Chu đã có một chủ trương thật mới mẻ, không giống một nhà nào khác : Không từ trọng danh (hiểu theo nghĩa là tên), nhưng cho rằng người ta dùng sai nhiều tên, cần phải « chính danh » lại, chẳng hạn một nhà cầm quyền yêu dân, hiền minh thì mới gọi là vua, kẻ hại dân mà gọi là vua thì sai, dù kẻ đó ở ngôi chí tôn. Mặc tử rất trọng thực dụng, chê bọn người ham danh tiếng mà không xét cái thực (dự nghĩa chỉ danh như bất sát kì thực) chứ không hề chê cái tên là vô dụng ; Lão tử cho rằng danh không diễn tả được cái đạo vĩnh cửu bất biến (Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh) và chỉ muốn bảo ngôn ngữ là một dụng cụ rất thô thiển, chứ không hề chủ trương không dùng danh ; môn đệ của Mặc tử, tức phái Mặc gia cho rằng muốn hiểu biết thì phải dùng danh, nên rất chú trọng đến danh, và bảo : «Gọi cái thực là lấy cái danh mà mô tả cái thực (Cử, nghi thực dã). Mà Công Tôn Long, Tuân tử sau này đều cho danh là cần thiết, phải diễn chế danh cho nó diễn đúng được thực, mà lại giản dị, phân biệt được những vật bề ngoài tuy khác nhau mà bên trong giống nhau, hoặc bề ngoài giống nhau mà bên trong khác nhau.

Dương Chu đã chết trên hai ngàn năm, ai mà quyết được cách giải thích của Hồ Thích đúng hay không, cho nên chúng tôi xin ghi lại ở trên đề đọc giả phán đoán.

Dù sao vấn đề đó cũng không quan trọng, Dương Tử lưu danh tới ngày nay không nhờ thuyết «danh vô thực, thực vô danh» đó mà chỉ nhờ mỗi một câu : «Bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ, bất vi dã». Câu đó lại vốn không phải của ông, nếu không phải là lời chung của nhiều ẩn sĩ đương thời, thì cũng là lời của Bá Thành Tử Cao như chính ông đã nhận.

Mà Bá Thành Tử Cao thì chẳng ai nhắc tới. Đó mới thực là «thực thì vô danh» mà «danh thì vô thực» chẳng ?

Dương Tử mạt sát cái danh kịch liệt, từ xưa tới nay, không nhà nào hơn, mà cái danh nó lại cứ sẵn tới niu chặt lấy ông. Nó là một thiếu nữ trơ trẽn chẳng ?

Mà nó tới bằng một con đường cũng khác thường. Người làm cho Dương tử lưu danh hậu thế chính là kẻ thù tàn nhẫn nhất của ông : Mạnh Tử.

Trong lịch sử triết học, có nhiều truyện lí thú thật !

V.— BÀN DỊCH CỦA CHÚNG TÔI

Chúng tôi chỉ kiểm được ba bản *Liệt tử* :

1.— *Liệt tử chú thích* của nhà xuất bản Hoa Liên — Đài Bắc 1969.

2.— *Liệt tử* — Đường Kinh Cảo tuyển chú — của nhà Thương Vụ ấn thư quán — Thượng Hải 1937.

3.— *Le vrai classique du vide parfait* — Benedykt Gryn timer dịch ra tiếng Pháp của nhà Gallimard 1961.

Chúng tôi dùng bản số 1, hai bản kia chỉ để kiểm lại. Bản số 2 bỏ ba thiên : Hoàng Đế, Chu Mục vương và Lục mệnh. Bản số 3 bỏ vài bài không dịch mà chỉ tóm tắt, nhưng có đánh số từng bài, còn hai bản kia không.

Bản số 1 là một bản cò, do Trương Trầm chú thích hiệu đính qua loa. Nhà Hoa Liên in lại mà không thay đổi gì cả. Cách trình bày y như hồi xưa, chia làm tám thiên :

I. — Thiên Thụỵ (1).

(1) Nhan đề này khó hiểu, các bản chữ Hán và các từ điển Từ Hải, Từ Nguyên đều không giảng, (xem liếp chú thích trang 77)

II.— Hoàng Đế

III.— Chu Mục vương

IV.— Trọng Ni

V.— Thang văn (Vua Thang hỏi)

VI.— Lục mệnh (Sức người và mệnh trời)

VII.— Dương Chu

VIII.— Thuyết phù (2).

chỉ cho biết thụy là một thứ ngọc khuê ngọc bích dùng làm dấu hiệu. Dấu hiệu đó các vua thời xưa ban cho các đại thần. Nó vừa là một bảo vật đẹp, vừa đem phúc lại cho người đeo. Theo Benedykt Gryn-pas, thiên thụy là phần của vũ trụ mà chúng ta nhìn thấy được, nhờ thấy nó mà các thánh nhân mới tìm hiểu được Đạo. Cho nên thiên I này bàn về vũ trụ và đạo.

(2) Thuyết phù, cũng không sách nào giảng. Phù là cái thẻ tre, viết chữ vào rồi chẻ làm đôi, mỗi người giữ một mảnh. Ngày xưa khi phong các chư hầu hay sai đại thần đi đâu, đều dùng cái phù làm tin, bẻ ghép hai mảnh lại mà ăn khớp nhau thì là phải. Theo Gryn-pas, thuyết phù có nghĩa là « giảng cái phù », nghĩa là những truyện trong thiên này người viết chỉ nói một nửa ý thôi, người đọc phải suy nghĩ mà đoán được nửa ý kia, như ghép hai mảnh thẻ lại với nhau vậy.

Ý nghĩa các thiên khác đều dễ hiểu.

Mỗi thiên không phân ra thành bài như bản số 2, cứ in liên tiếp nhau, không xuống hàng nữa. Chúng tôi chia thành bài, đặt cho mỗi bài một nhan đề, lại ghi thêm câu đầu bằng chữ Hán của mỗi bài để đọc giả dễ tìm trong bản chữ Hán.

Được hết thấy trên 140 bài, chúng tôi bỏ bớt khoảng ba chục bài không quan trọng, ít lí thú hoặc trùng nhau, còn giữ lại trên 110 bài rồi đánh số : số La mã chỉ số thiên, số Ả rập chỉ số bài.

Nhưng sự sắp đặt trong bản chữ Hán rất lộn xộn, không hợp lí chút nào cả, do đó nhan đề mỗi thiên không hợp với nội dung. Như thiên đầu : *Thiên thụ* gồm 13 bài mà chỉ có 5 bài nói về vũ trụ, về đạo, còn 8 bài kia nói về sự sống, chết, cách làm giàu. Thiên *Hoàng Đế* gồm 21 bài chỉ có một bài nói về Hoàng Đế còn 20 bài kia nói về Khổng tử (4 bài) Dương Chu (2 bài) Lão tử, Chu Tuyên vương, vân vân. Mà thiên *Trọng Ni* gồm 15 bài cũng chỉ có 4 bài nói về Khổng tử, còn thì nói về Quan Doãn Hỉ, Liệt Tử, Đặng Tích, vân vân.

Chỉ có thiên VII *Dương Chu* là có tính cách nhất trí nhất, cho nên Hồ Thích đã bảo cả cuốn ông tin có mỗi thiên đó,

Vì vậy chúng tôi đã phải sắp đặt lại, trước hết gom hết cả những bài về Dương tử ở trong các thiên II, VI, VII, VIII, bỏ những bài trong thiên VII không nói tới Dương Chu (mặc dầu nội dung có thể hợp với tư tưởng Dương Chu), mà cho vào một phần riêng, phần III nhan đề là *Dương Chu*.

Còn tất cả các bài khác cho vào phần II, thuộc về Liệt tử. Như vậy chúng tôi có ý xét riêng tư tưởng của Liệt tử và Dương Chu ; cho nên nhan đề bản dịch của chúng tôi là *Liệt Tử và Dương Chu*.

Trong phần về Liệt tử chúng tôi sắp lại các bài theo nội dung thành 6 chương :

- I.— Vũ trụ
- II.— Sinh tử và số mệnh.
- III.— Đạo
- IV.— Tình và mộng
- V.— Huyền thoại, truyền thuyết
- VI.— Cổ sự, ngụ ngôn.

Như vậy có chương dài, gồm 40 bài như chương cuối, có chương rất ngắn chỉ gồm 5 bài

như chương IV ; nhưng nội dung mỗi chương tương đối nhất trí hơn, hợp với nhan đề hơn.

Trong một cuốn gồm trên 110 bài, rõ ràng là do nhiều người trong mấy trăm năm viết hoặc gom lại, cơ hồ thấy truyện gì hay cũng thu thập, cho thêm vào, thì nội dung nhất định là cực kì phức tạp, không có cách nào sắp đặt lại cho thật hợp lý được. Cách sắp đặt của chúng tôi tất có chỗ gượng ép, chúng tôi thú nhận vậy.

Và lại, nhiều khi khó phân biệt được truyện nào là cổ sự, ngụ ngôn, hay truyền thuyết. Truyền thuyết là những truyện người đời trước kể lại, không chắc là đúng sự thực, rồi cứ truyền đời nọ tới đời kia, sau có người chép lại. Những truyện trong Nam Hải Dị Nhân của ta hầu hết là truyền thuyết. Bài II 2, III 5 trong Liệt tử là truyền thuyết.

Ngụ ngôn là một truyện bịa ra để ngụ một ý gì đó, thường là răn đời, hoặc dạy khôn cho đời, như những bài II 19. IV 8. rõ ràng là ngụ ngôn.

Còn cổ sự chỉ là một việc cũ, có phần tin được, như những bài I 5, I 6, VIII 12 có thể là cổ sự.

Tuy nhiên có một số bài coi là ngụ ngôn, cổ sự hay truyền thuyết cũng được. Như bài V 3. (Ngu công san núi) có tính cách ngụ ngôn rõ rệt, nhưng đoạn cuối lại có tính cách thần thoại, truyền thuyết. Bài III 10 (Trở về cố hương) hoặc bài VIII 18 (Cách cư xử với bọn cướp) có thể gọi là cổ sự (nếu ta cho là việc có thật) mà cũng có thể coi là ngụ ngôn (nếu ta cho là không có thật, thật hay không, làm sao mà biết chắc được?)

Lại thêm đại đa số các bài trong các chương I, II, III, IV cũng có thể sắp chung vào chương V hay chương VI.

Đó là đặc điểm của bộ *Liệt Tử*. Tuy là một tác phẩm về triết mà chỉ một phần 10 là lí thuyết, còn chín phần kia toàn là kể truyện: truyện cổ, truyện hoang đường, truyện có thật, truyện tưởng tượng... để đưa ra một tư tưởng, một chủ trương, một lời răn, một điều dạy khôn.

Do đó tác phẩm rất hấp dẫn, đọc rất vui, khác hẳn các bộ *Đạo Đức kinh*, *Mặc tử*, *Tuân tử*..., giá trị văn chương chỉ kém *Nam Hoa kinh* của *Trang tử*, từ đời Đường được tôn xưng là một kinh cũng đáng.

Chúng tôi đã đối chiếu cả ba bản, rán dịch cho sát, nhưng nhiều chỗ rất khó hiểu, phải tồn nghi. Việc chú thích cốt gọn, đề đọc giả đủ hiểu thôi.

Sàigòn ngày 8-1-1973

TimSach.Com.Vn

PHẦN II

LIỆT TỬ

TimSach.Com.Vn

CHƯƠNG I

VŨ TRỤ

MẸ CỦA VẠN VẬT I I

(Tử Liệt tử cư Trịnh phủ)

Thầy Liệt tử ở một khu vườn nước Trịnh (1), bốn chục năm mà không ai nghe danh, từ vua cho tới các quan khanh, đại phu đều coi thầy như người dân thường. Năm đó đói kém, thầy tính di cư qua nước Vệ (2). Đề tử hỏi :

(1) Một nước chư hầu nhỏ ở tỉnh Hà Nam ngày nay. Vì môn đệ viết nên gọi là Thầy Liệt tử (Tử Liệt tử).

(2) Cũng ở tỉnh Hà Nam ngày nay.

— Thầy đi không biết bao giờ mới về. Bọn đệ tử chúng con muốn xin được hỏi thầy : thầy có điều gì dạy chúng con không ? Thầy đã được nghe Hồ Khâu Tử Lâm (1) nói gì không ? ».

Thầy Liệt tử cười, đáp :

— Thầy Hồ có nói gì đâu ! Nhưng thầy có lần nói chuyện với Bá Hôn Mậu Nhân (2), ta đứng bên được nghe lóm, nay thử kể lại cho các anh.

Thầy Hồ nói :

« Có một vật sinh ra các vật khác mà không được vật nào sinh ra cả, biến hóa các vật khác mà tự nó không biến hóa. Vậy cái không được sinh ra có thể sinh (làm chủ tể) các vật được sinh ra, cái không biến hóa có thể biến hóa (làm chủ tể) các vật biến hóa. Mà cái được sinh ra không thể không sinh ra cái khác, cái được biến hóa không thể không biến hóa ; do đó mà sinh sinh, hóa hóa

(1) Hồ Khâu Tử Lâm là thầy học của Liệt tử, trong sách này thường nhắc tới. Bộ Lữ thị Xuân Thu và bộ Trang Tử cũng nhắc tới. Không lưu lại một học thuyết nào.

(2) Bạn học của Liệt tử, trong sách này thường nhắc tới. Chữ Mậu cũng đọc là Mậu, Mạc, nghĩa đều là lừa.

hoài, không thời nào không sinh, không thời nào không hóa. Do đó có âm dương, bốn mùa. Cái không được sinh ra, có thể (1) là duy nhất, vô thủy vô chung; cái không biến hóa thì qua lại không cùng (2); cái đạo của cái duy nhất không thể dò được.

Sách Hoàng Đế (3) có câu : « Thần hang bất tử (4), gọi là Huyền tần (5). Cửa của Huyền

(1) Bản của Trương Trạm (cũng đọc là Đam, Thâm) chép là « nghi độc » nghĩa là : đoán là duy nhất, có thể là duy nhất; bản của Đường Kính Cảo bảo chữ *nghi* đó phải đọc là *ngưng*, nghĩa là hình, khí, chất chưa phân.

(2) Benedykt Gryn timer dịch là : trong khoảng vô cùng. Chúng tôi theo chú thích của Trương Trạm và Đường Kính Cảo.

(3) Theo truyền thuyết, Hoàng Đế là một thánh quân, tên là Hiền Viên, làm vua một trăm năm (2698-2598), viết một cuốn sách gồm bốn thiên, gọi là *Hoàng Đế thư*, nay không còn.

(4) Hang thì trống rỗng, hư không; nên dùng cái hang để tượng trưng cái Hư Không, mẹ của vạn vật. Ý nói « hữu » từ « vô » mà sinh ra.

(5) Huyền tần là Mẹ nhiệm màu.

tần là gốc của trời đất, dằng dặc như bất tuyệt, tạo thành mọi vật mà không mệt ». (1). Vì vậy mà vật nào sinh ra các vật khác thì không được sinh ra ; vật nào biến hóa các vật khác thì không biến hóa. Nó tự sinh, tự hóa, tự thành hình, tự thành sắc, sáng suốt, tự có sức mạnh, tự tăng giảm. (2) Nó tự nhiên như vậy, chứ không phải cố ý mà sinh hóa, thành hình, thành sắc, sáng suốt, có sức mạnh, tăng giảm.

VŨ TRỤ THÀNH HÌNH 12.

(Tứ Liệt tử viết : Tích giả thánh nhân...)

Thầy Liệt tử bảo :

— Các thánh nhân đời xưa cho rằng âm dương điều hòa trời đất (tức vũ trụ). Cái hữu hình từ cái vô hình mà ra, vậy thì trời đất ở đâu mà ra ? Cho nên ta bảo rằng có cái Thái Dịch, cái Thái Sơ, cái Thái Thủy, cái Thái Tố.

Cái Thái Dịch (cái Biến đời lớn) là cái (trạng thái) chưa thành khí ; khi khí bắt đầu thành thì là cái Thái Sơ ; khi hình bắt đầu thành thì là

1) Câu này chép trong chương VI bộ Đạo Đức kinh.

2) Chữ Hán là *tiêu tức*. Grynepas dịch là tiêu diệt.

cái Thái Tổ. Khi có đủ khí, hình, chất rồi mà ba cái đó chưa tách rời nhau ra thì gọi là Hồn luân (1). Gọi là Hồn luân vì vạn vật còn hỗn hợp nhau, chưa rời nhau ra. Nhìn vào không thấy, lắng nghe không thấy, sờ nắm không được, cho nên gọi là Dịch (Biến đổi), biến đổi thì không có hình nào (nhất định) cả. Nó biến đổi mà thành ra Một ; Một biến thành ra Bảy ; Bảy biến thành ra Chín. Tới Chín là cùng, rồi lại trở về Một (2). Một là khởi thủy của các sự biến hình. Cái trong nhẹ bốc lên thành trời, cái đục và nặng lắng xuống thành đất ; còn cái khí xung hòa (3) thì thành người. Vậy trời và đất chứa cái tính của vạn vật, mà vạn vật hóa sinh.

VÔ VI THÌ TOÀN TRI TOÀN NĂNG 13.

(Tứ Liệt tử viết : Thiên địa vô toàn công)

Thầy Liệt tử nói :

— Trời đất không có đủ công dụng, thánh

(1) Cũn như hỗn mang.

(2) Lão Tử nói : « Đạo sinh ra Một, Một sinh ra Hai, Hai sinh ra Ba, Ba sinh ra vạn vật ». Đạo Đức Kinh. (Chương 42).

(3) Xung hòa nghĩa là ở trung gian mà ôn hòa.

nhân không có đủ mọi khả năng, vạn vật không vật nào dùng vào đủ mọi việc được. Chức vụ của trời là sinh ra và che vạn vật, chức vụ của đất là gây hình và chở vạn vật, chức vụ của thánh nhân là giáo hóa, chức vụ của mỗi vật thì tùy theo khả năng của nó.

Mà trời có sở đoản, đất có sở trường, thánh nhân có việc làm không được, và mỗi vật có cái tài riêng. Sao vậy ? Là vì trời sinh ra và che vạn vật thì không thể gây hình và chở vạn vật ; đất gây hình và chở vạn vật thì không thể giáo hóa vạn vật ; thánh nhân giáo hóa thì không thể làm trái với bản tính của vạn vật, mỗi vật đã có bản tính nhất định rồi thì không thể vượt được phạm vị của nó. Cho nên đạo của trời đất, không phải âm thì là dương, đạo giáo hóa của thánh nhân không phải là nhân thì là nghĩa ; bản tính của vạn vật không phải là nhu thì là cương (1) ; đều là theo bản tính mà không thể vượt khỏi phạm vị của mình.

Cho nên có cái sống đấy thì có cái sinh ra cái sống ; có cái hình đấy thì có cái khiến thành hình ;

(1) Câu này giống câu dưới đây trong *Chu Dịch—Thuyết Quái* : «Lập thiên chi đạo viết âm dữ dương; lập địa chi đạo viết nhu dữ cương; lập nhân chi đạo viết nhân dữ nghĩa».

có thanh âm đấy thì có cái khiến cho thanh thanh âm ; có màu sắc đấy thì có cái khiến cho thanh màu sắc ; có mùi vị đấy thì có cái khiến cho thanh mùi vị.

Cái từ cái sống mà sinh ra là cái chết, nhưng cái sinh ra cái sống thì bất tuyệt ; cái từ cái hình gây nên là cái thực (chất), nhưng cái khiến cho thành hình thì không hề có (thực chất) ; cái từ thanh âm gây nên là thính giác, nhưng cái khiến cho thành thanh âm thì không hề phát nên tiếng ; cái từ màu sắc gây nên là thị giác, nhưng cái khiến cho thành màu sắc thì không hề hiện ra ; cái từ mùi vị gây nên là vị giác, nhưng cái khiến cho thành mùi vị thì không hề lộ ra.

Tất cả những cái đó đều là vô vi mà ra cả. Vô vi có thể âm, có thể dương, có thể nhu, có thể cương, có thể dài, có thể ngắn, có thể tròn, có thể vuông, có thể sinh, có thể tử, có thể nóng, có thể lạnh, có thể nổi, có thể chìm, có thể là âm trầm, có thể là âm bổng, có thể hiển hiện ra, có thể biến mất, có thể tím đen, có thể vàng, có thể ngọt, có thể đắng, có thể tanh hôi, có thể thơm tho.

Vô vi tuy vô tri, vô năng mà không gì là không biết, không gì là không làm được.

VŨ TRỤ BIẾN CHUYỂN KHÔNG NGỪNG I 10. (Dục Hùng viết)

Dục Hùng (1) nói : « Sự vận chuyển không bao giờ ngừng. Trời đất biến chuyển bí mật, ai mà biết được ? Cho nên, vật giảm ở phía này thì tăng ở phía khác, đầy ở kia thì vơi ở đây. Tăng, giảm, vơi, đầy, sinh ra lẫn nhau rồi chết ; qua lại nối tiếp nhau mật thiết, ai mà thấy được sự biến chuyển.

Một cái khí không đột nhiên tăng lên, một cái hình không đột nhiên giảm đi ; (cứ biến chuyển từ từ) cho nên ta không thấy lúc nó đầy, không thấy lúc nó vơi. Cũng như người ta từ lúc sinh ra tới lúc già, dong mạo, hình thái, trí tuệ không ngày nào không thay đổi ; da, móng tay móng chân, tóc mọc ra rồi rụng liên liên, nhưng sự biến chuyển (từng ngày nhỏ quá) không thể thấy ngay được, mãi tới sau mới thấy.

ĐỪNG LO TRỜI ĐẤT SẬP I 11. (Kỉ quốc hữu nhân)

Nước Kỉ (2) có một người lo trời đất sập,

(1) Thầy học của Chu Văn Vương, được phong ở đất Sở.

(2) Một nước nhỏ thời Xuân Thu, tức là huyện Kỉ, tỉnh Hà Nam ngày nay.

không biết ở đâu cho yên, sinh ra mất ăn mất ngủ. Một người khác lo ngại cho anh ta, lại giảng giải :

— Trời chỉ chứa cái khí, không chỗ nào không có khí ; anh co duỗi hô hấp, suốt đời vận động trong (cái khí của) trời đó, vậy thì tại sao lại lo trời sập ?

Anh ta hỏi lại :

— Nếu quả trời chỉ chứa cái khí thì sao mặt trời, mặt trăng, các vì sao lại không rớt ?

Người kia đáp :

— Mặt trời, mặt trăng, các vì sao cũng chỉ là những ánh sáng trong cái khí tích tụ lại đó, dù chúng có rớt xuống thì cũng không làm cho ai bị thương được.

— Nhưng, còn đất sập thì sao ?

Người kia đáp :

— Đất chỉ chứa những khối (đặc) đè lấp những chỗ trống ở bốn phương, không đâu không có khối. Dù đi, dầm suốt đời thì cũng vẫn là di chuyển trên mặt đất, sao lại sợ đất sập ?

Anh ta giải được nỗi lo, mừng quá ; mà

người kia khỏi lo cho bạn nữa, cũng mừng quá.

Trường Lư tử (1) nghe kể chuyện đó, cười, bảo :

— Cầu vồng, mây và sương mù, mưa gió, bốn mùa, tất cả những cái đó đều là khí tích tụ trên trời mà thành. Núi đồi, sông biển, kim thuộc và đá, lửa và cây, tất cả những cái đó đều là những khối tích tụ trên đất mà thành. Đã biết là cái khí, cái khối tích tụ lại thì sao còn bảo rằng không thể sụp đổ ? Trời đất là những vật nhỏ trong quăng không trung, (nhưng) rất quan trọng trong vũ trụ chúng ta, khó mà tận cùng, hủy diệt được, lẽ đó cố nhiên. Lo trời đất hủy hoại thì thực quá lo xa ; nhưng bảo rằng chúng không bao giờ hủy hoại thì cũng không đúng. Trời đất không thể không hủy hoại được ; tới cái thời trời đất hủy hoại, mà ta lại sống nhằm thời đó thì làm sao mà không lo ?

Thầy Liệt tử nghe vậy, cười và bảo :

— Kẻ nói trời đất sẽ hủy hoại, là nói bậy ; mà kẻ nói trời đất không bao giờ hủy hoại cũng nói bậy nữa, trời đất hủy hoại hay không, điều

(1) Người nước Sở,

đó ta không thể biết được. Trời đất mà hủy hoại thì mọi người cùng chết ; trời đất mà không hủy hoại thì mọi người cùng sống như nhau hết (1). Sống thì không hiểu được sự chết, chết rồi thì không hiểu được sự sống ; thời vị lai không biết được thời dĩ vãng, thời dĩ vãng không biết được thời vị lai ; trời đất hủy hoại hay không thì quan tâm tới cái đó làm gì ?

VẬT BẤT CÙNG TÁC BẤT PHẢN IV 10

(Mục tương miêu giả)

Khi mắt sắp đui thì trông thấy cả sợi lông tơ
Tai sắp điếc thì nghe thấy cả tiếng con «nhuế»
(2) bay

Miệng sắp nhạt thì phân biệt được nước
sông Trí, sông Thằng,
Mũi sắp nghẹt thì phân được mùi củi khô,
Thân thể sắp cứng đờ thì rất lạnh lện ;
Tâm sắp mê loạn thì thấy rõ điều thị phi.
Cho nên vật không tới mức cùng cực thì
không trở lại.

(1) Nguyên văn : *Bỉ nhất dã, thử nhất dã.*

Hai bản chữ Hán đều giải thích như vậy ; bản Gryn-pas dịch là : Người chủ trương thế này, kẻ chủ trương thế kia, thì cũng như nhau.

(2) Một loài sâu bọ nhỏ, giống con ong, đen, hay đốt người.

CHƯƠNG II

SINH TỬ VÀ SỐ MỆNH

CHẾT LÀ TRỞ VỀ LÚC ĐẦU 14

(Tử Liệt tử thích Vệ)

Thầy Liệt tử đi qua qua nước Vệ, vừa đi vừa ăn. Môn đệ đi theo thấy một sọ người đã trăm năm, bèn vạch cỏ, chỉ cho Liệt tử thấy. Liệt tử quay lại nói với (môn đệ là) Bách Phong : « Ta với cái sọ này biết rằng không có gì thực là sinh, thực là tử (1). Cái sọ đó có thực cho chết

(1) Ý muốn nói : Xét bề ngoài thì có sinh có tử; nhưng xét cho tới cùng thì chỉ là biến hóa, không có sinh, không có tử.

là buồn không ? Ta có thực cho sống là vui không ? » (1)... (2) Sách Hoàng Đế có câu : «Hình mà động thì không sinh ra một hình khác mà sinh ra cái bóng ; thanh âm mà phát thì không sinh ra một thanh âm khác mà sinh ra tiếng vang ; cái «vô» mà động thì không sinh ra cái «vô» mà sinh ra cái «hữu».

Đã là hình thì phải có chỗ tận cùng, mà trời đất có tận cùng không ? (Có vẻ như) trời đất cùng tận cùng với ta. Nhưng như vậy trời đất có thật là tận cùng không thì ta không biết được. Đạo (3) có tận cùng không ? Nó vốn không có khởi thủy, làm sao có tận cùng được ? Nó có hết không ? Nó vốn là không có (vô) thì làm sao mà hết được ?

Cái gì có sinh thì lại trở về cái bất sinh (tức cái chết) ; cái gì có hình thì lại trở về cái vô

(1) Đoạn này có trong thiên Chí Lạc của Trang tử.

(2) Ở đây chúng tôi có bỏ một đoạn dùng nhiều tên cây, tên vật, đại ý rằng trong vũ trụ chỉ có sự biến hóa thôi.

(3) Chữ Đạo ở đây như chữ Đạo trong Đạo Đức kinh, trở bản thể của trời đất, cái lẽ tuyệt đối, chứ không có nghĩa chúng ta thường dùng.

hình. Nhưng cái bất sinh vốn không phải là bất sinh ; cái vô hình vốn không phải là vô hình.

Theo lí, cái gì sống thì phải hết (chết) ; cái gì phải hết thì không thể không hết được, cũng như cái gì sống thì không thể không sống được ; vậy kẻ nào muốn sống hoài không chết là kẻ mê muội, không hiểu lẽ trời.

Tinh thần thuộc về trời, hài cốt thuộc về đất ; thuộc về trời thì trong mà tán, thuộc về đất thì đục mà tụ. Khi tinh thần lìa thể xác rồi thì mỗi cái đều trở về nguồn gốc riêng của mình, cho nên gọi là « qui ». « Qui » (ma qui) tức là « qui », (1), là về, về cái gốc của nó.

Hoàng Đế bảo : « Tinh thần về nhà cửa của nó rồi, hài cốt về cái cội nguồn của nó rồi, thì làm sao ta còn tồn tại được nữa ? ».

Con người từ lúc sanh tới lúc chết, trải qua bốn sự biến hóa lớn : tuổi thơ, tráng niên, già

(1) Người Trung Hoa thường hay dùng hai tiếng phát âm giống nhau để định nghĩa ; như : *y giả, y dã*, nghĩa là phép trị bệnh (*y*) phải lấy (*y*) mà đoán ; hoặc *ngừa giả, nghị dã* ; việc *ngừa* là việc đáng làm (*ng nghị*).

rồi chết. Trong tuổi thơ, khí và chí chuyên nhất, thực là hòa hợp, cho nên ngoại vật không làm thương tổn được, mà cái đức thật đầy đủ (1) ; tới tráng niên, khí huyết tràn trề, dục vọng và tư lự phát lên mạnh, bị ngoại vật tấn công, cho nên đức suy ; tới tuổi già, dục vọng và tư lự giảm đi, muốn nghỉ ngơi, không cạnh tranh nữa nên ngoại vật không tranh thắng với mình ; tuy không được như tuổi thơ, nhưng cũng khác tráng niên rồi. Tới lúc chết thì là nghỉ ngơi, trở về lúc đầu (2).

VUI SỐNG 15

(Khổng Tử du ư Thái Sơn)

Khổng Tử đi chơi núi Thái Sơn, gặp Vinh Khải Kì bận cái áo lông bằng da hươu, quần dây lưng bằng thừng, vừa gảy đàn cầm vừa hát, lang thang trên cánh đồng Choanh (3).

(1) Trước Liệt tử, Lão tử cũng nói : Hàm đức chi hậu, tử ư xích tử : nuôi cái đức cho đầy, như đưa con đồ. Họ trọng đức hồn nhiên của trẻ.

(2) Bài này có trong Nam Hoa kinh, thiên Chí Lạc.

(3) Thuộc nước Lỗ, nay ở Sơn Đông.

Khổng Tử hỏi : Cụ có gì mà vui vậy ?

Đáp : Ta có nhiều cái vui lắm. Trời sinh ra muôn loài, chỉ có người là quý, mà ta được làm người, đó là một cái vui. Đàn ông so với đàn bà, đàn ông được trọng, đàn bà bị khinh, vậy đàn ông là quý, mà ta lại là đàn ông, đó là hai cái vui. Có những kẻ sinh ra không được thấy mặt trời mặt trăng, còn bọc trong cái tã đã chết rồi, ta nay đã được chín chục tuổi, đó là ba cái vui. Nghèo là cảnh thường của kẻ sĩ, và chết là số phận của mọi người. Ở vào cảnh thường mà được số phận chung của mọi người, có gì mà buồn ?

Khổng Tử bảo : Đạt quan như vậy, sáng suốt thay !

VUI CHẾT I 6

(Lâm Loại niên thả bách tuế)

Lâm Loại (1) đã trăm tuổi. Đương mùa xuân, bận áo lông, đi mót lúa ở những ruộng đã gặt rồi, vừa đi vừa hát. Khổng Tử trên đường qua nước

(7) Trong cuốn *Cao sĩ truyện*, ghi Lâm Loại là ẩn sĩ người nước Ngụy.

Vệ, thấy Lâm Loại ở trên một cánh đồng, quay lại bảo đệ tử :

— Nên hỏi chuyện ông lão đó. Ai muốn đi nào ?

Tử Cống (1) xin đi, bắt kịp ông lão ở trên một cái đồi, đối diện ông lão, thở dài, hỏi :

— Cụ không có điều gì ân hận sao mà vừa mót lúa vừa ca hát ?

Lâm Loại vẫn vừa đi vừa hát. Tử Cống lại hỏi nữa. Sau cùng Lâm Loại ngừng lên đáp :

— Ta có gì mà phải ân hận ?

Tử Cống bảo :

— Hồi trẻ cụ có kém siêng không ? Lớn lên cụ có sống không kịp thời không ? (2) Già mà không có vợ con, và bây giờ cái chết nó sắp tới, có gì đâu mà vui, mà vừa mót lúa vừa ca hát ?

Lâm Loại cười đáp :

— Cái ta cho là vui thì mọi người đều cho là buồn. Hồi trẻ ta không siêng, lớn lên ta sống

(1) Một môn đệ của Khổng Tử, tên là Đoan Mộc Tử (Cống là tên tự) có tài biện thuyết, thích buôn bán, làm quan ở nước Lỗ, nước Vệ.

(2) Nghĩa là không ganh đua cho bằng người,

không kịp thời, cho nên ta mới thọ được như vậy; già ta không có vợ con, cái chết nó sắp tới, cho nên ta mới vui được như vậy.

Tử Cống bảo :

— Ai cũng muốn sống lâu, ai cũng ghét chết, sao cụ lại cho chết là vui ?

Lâm Loại đáp :

— Sống với chết như qua với lại. Chết ở đây biết đâu chẳng phải là tái sinh ở nơi khác ? Làm sao (1) ta biết được rằng hai cái đó không như nhau ? Ta lại làm sao biết được đau đớn khó nhọc cầu sống chẳng phải là mê muội ? Lại làm sao biết được bây giờ chết đi chẳng hơn là hồi trước sống ?

Tử Cống nghe xong không hiểu, về thưa với Khổng Tử. Khổng Tử bảo : — Ta biết trước rằng nên hỏi chuyện ông lão đó, quả nhiên như vậy. Nhưng ông ấy mới hiểu một phần thôi, chưa hiểu hết lẽ.

(1) Có bản không có chữ *an* là làm sao, và nghĩa ngược lại. Ta biết được rằng hai có đó không như nhau.

CHẾT LÀ NGHỈ 17
(Tử Cống quyền ư học)

Tử Cống học mệt rồi, thưa với Trọng Ni (Khổng Tử) :

— Con muốn được nghỉ.

Trọng Ni bảo :

— Sống thì đâu có được nghỉ.

Tử Cống hỏi :

— Vậy thì con không có lúc nào được nghỉ sao ?

— Có chứ. Nhìn những nắm mồ ngồn ngang cái thấp cái cao kia, chỗ nghỉ ngơi đó.

Tử Cống bảo :

— Sự chết lớn thay, người quân tử chết là được nghỉ, kẻ tiểu nhân chết là hết, không làm bậy được nữa.

Trọng Ni nói thêm :

— Tứ (1), anh hiểu rồi đấy. Người ta đều biết sống là vui mà không biết sống là khổ ; biết già thì mới mệt mà không biết già là an nhàn ; biết chết là buồn mà không biết chết là nghỉ.

(1) Tên tục của Tử Cống.

CHẾT LÀ VỀ 18 (1)

(Án Tử viết : Thiện tai !)

Án Tử (2) nói : « Sáng suốt thay quan niệm của cồ nhân về cái chết : người nhân (hiền) chết là được nghỉ, kẻ bất nhân chết là hết làm bậy ».

Chết là được về (3). Cồ nhân bảo những người chết là « những người trở về ». Bảo như vậy tức là bảo rằng người đương sống là « người đi đường ». Đi đường mà không biết lối về thì sẽ lạc nhà, không có nhà. Một kẻ không có nhà thì mọi người chê ; vậy mà khắp thiên hạ, không ai có nhà cả thì không ai chê ! Có người bỏ quê hương, rời cha mẹ, anh em, vợ con, phá tán tài sản, đi lang thang bốn phương trời mà không về, thì người đó ra sao ? Người đời chắc cho hắn là

(1) Bài này có sách sắp chung với bài trên 17.

(2) An tử tên là Anh làm tướng quốc nước Tề ở đầu thế kỷ thứ sáu trước công nguyên, có độ lượng, giỏi trị nước. Có bộ *Án Tử Xuân Thu* nhưng không chắc của An tử viết.

(3) Nguyên văn : *Tử dã giả, đức chi kiến dã*. Trương Trầm giải nghĩa : chữ *đức* đó là *đắc* (được), *kiến* nghĩa là về.— Đường Kinh Cảo giải nghĩa : *đức* là *đắc*, *kiến* là giới hạn.— Benedykt Grynopas dịch khác hẳn : chết làm cho cái đức rõ rệt ra.

cuồng dăng. Lại có kẻ quá trọng hình hài và đời sống, muốn được tài giỏi, tiếng tăm, khoa trương với đời mà không biết ngừng, hạng đó nữa ra sao ? Người đời chắc khen là kẻ sĩ đa trí, đa mưu. Hai hạng trên đều lằm lằm cả, mà hạng trên bị chê, hạng dưới được khen. Chỉ bậc thánh nhân mới biết khen chê cho đúng thôi.

SỐNG LÀ GỠ I₁₂
(Thuấn vấn Chung viết)

Ông Thuấn hỏi ông Chung (1) :

— Có thể đạt được, nắm được đạo không ?

Đáp :

— Ngay cái thân của anh cũng không phải là của anh, thì làm sao anh nắm được đạo ?

Lại hỏi :

— Thân của tôi mà không là của tôi thì là của ai ?

Đáp :

— Nó là cái hình hài trời đất giao cho anh đấy. Đời sống không phải là của anh, nó là

(1) Thuấn đây là vua Thuấn, minh quân thời cổ (—2255—2206). Chung, không rõ là ai. Có lẽ đây chỉ là một chuyện bịa làm ngụ ngôn.

sự điều hòa trời đất giao cho anh đấy. Tính mệnh không phải là của anh, nó là sự kết hợp trời đất giao cho anh đấy. Con cháu không phải là của anh, chúng là sự lột xác trời đất giao cho anh đấy. Cho nên khi đi, chúng ta không biết đi đâu, khi ở, không biết ở đâu, khi ăn, không biết ăn gì (1). Trời đất là cái khí nó vận động. Làm sao có thể nắm được làm của mình ? (2).

CÁI THỂ KHÔNG THỂ KHÁC ĐƯỢC VI 3

Chúng tôi bỏ phần đầu về tình tri kỉ của Quán Di Ngô (tức Quán Trọng) và Bảo Thúc Nha mà nhiều độc giả đã biết và Tư Mã Thiên đã chép trong bộ Sử Kí (trang 335-337 bản dịch của nhà Lá Bối):

Dưới đây chúng tôi chỉ dịch từ : Thử thể xưng Quán, Bảo thiện giao giả.

*
* *

Người đời đều khen Quán Trọng và Bảo Thúc là những bạn tốt và Công tử Tiểu Bạch biết dùng người tài năng. Nhưng thực ra không phải vậy (...)

(1) B.G. dịch là : không biết ăn ra sao.

(2) Truyện này có chép trong thiên Tri Bắc du của Trang Tử,

Bảo Thúc không phải có cái đức đề cử người hiền, (tức Quản Trọng), ông ta không thể không đề cử người hiền được. Công tử Tiều Bạch không phải có cái đức dùng kẻ thù của mình (tức Quản Trọng), ông ta không thể không dùng kẻ thù được (1).

Đến khi Quản Di Ngô đau, Tiều Bạch (2) hỏi :

— Trọng phụ đau nhiều rồi, phải nói thẳng như vậy (3). Nếu Trọng phụ không qua khỏi thì quả nhân biết giao việc nước cho ai ?

Di Ngô hỏi lại :

— Nhà vua muốn giao cho ai ?

Tiều Bạch đáp :

— Giao cho Bảo Thúc Nha được không ?

— Không được. Ông ấy là bậc sĩ hiền và liêm khiết. Những người nào không được như ông ấy thì ông ấy coi như không phải là người ; nghe thấy

(1) Ý nói các hành động đó do hoàn cảnh hay số phận quyết định rồi, Bảo Thúc, Tiều Bạch, cũng như mọi người khác không có ý chí tự do.

(2) Tiều Bạch đã lên ngôi, tức Tề Hoàn Công.

(3) Nguyên văn : Khả bất huy vãn, Trương Trầm giải nghĩa là không cần kiêng mà không nói thẳng ra. B.G. dịch là : nhưng không có gì đáng lo.

ai có lỗi thì suốt đời không quên ; nếu giao việc nước cho ông ấy thì ở trên, gây khó khăn cho vua, ở dưới làm cho dân bất bình, thế nào cũng mang tội với vua, không được bền lâu.

Tiêu Bạch hỏi :

— Vậy thì lựa ai ?

— Không có ai khác thì lựa Thấp Bàng. Ông ấy ở chức cao mà quên rằng mình ở chức cao cho nên người dưới không chống đối, thẹn rằng mình không có đức bằng vua Hoàng Đế mà thương những người không bằng mình. Dem cái đức của mình chia xẻ với người khác (1), thì gọi là thánh nhân ; dem tiêu của mà chia xẻ với người khác thì gọi là hiền nhân. Cho rằng mình minh triết hơn người thì không bao giờ được lòng người ; cho rằng mình minh triết kém người thì không bao giờ không được lòng người. Ở trong nước cũng như ở trong nhà, ông ấy không muốn nghe thấy trông thấy mọi điều (2). Không có ai khác thì lựa Thấp Bàng. (3).

(1) Nghĩa là mình cải thiện người khác, khiến họ cũng có đức như mình.

(2) Vì không cần, cứ theo đạo mà trị dân là đủ.

(3) Đoạn này có trong Nam Hoa Kinh.

Như vậy Quán Di Ngô không phải bạc tình với Bão Thúc, (cái thể) không thể không bạc tình được; cũng không phải là có hậu tình với Thấp Bằng, (cái thể) không thể không hậu tình được. Có người lúc đầu mình quý trọng rồi sau lơ là; có người lúc đầu mình lơ là rồi sau quý trọng. Quý trọng hay lơ là lúc này lúc khác, cái đó không tùy thuộc ta. (1).

MỆNH TRỜI VI 5

(Khả dĩ sinh nhi sinh)

Có thể sống được (một cách vui vẻ) mà sống, đó là được trời thương. Tới lúc nên chết mà chết, là được trời thương. Có thể sống được mà không sống, là bị trời phạt. Tới lúc nên chết mà không chết, là bị trời phạt.

Có thể sống, có thể chết mà được sống được chết, là do mệnh trời. Không nên sống, không nên chết mà sống hoặc chết là do mệnh trời. Vậy thì sống sống chết chết, không do ta hay do ngoại vật, đều là số mệnh hết, trí óc ta không sao hiểu được. Cho nên bảo :

(1) Ý nói : Sự thể khiến như vậy, ta không thể hành động khác được.

Đạo trời tự tạo nên, sâu xa không biết tới
đâu là cùng,

Đạo trời tự vận hành, mệnh mông, không
phân biệt.

Trời đất không phạm được nó.

Thánh nhân không nghịch được nó.

Ma quỷ không lừa dối được nó.

Cái « tự nhiên » đó im lặng mà gây nên mọi
vật,

Làm cho mọi vật, quân bình, yên ổn, nó tự
đưa đón nó. (1)

BỐN HẠNG NGƯỜI VI 10

(Mi si, chiến sắt...) (2)

Bốn hạng người sống với nhau trong đời :
hạng thâm hiểm, hạng nông nổi, hạng thận trọng,
hạng nóng nảy : hạng nào cũng hành động theo ý
mình mà suốt đời không hiểu nhau, và đều tự
cho trí tuệ mình là sâu sắc nhất.

(1) B.G. dịch là : nó cứ thẳng đường mà đi.

(2) Bài này có nhiều tiếng cổ, Từ Hải, Từ Nguyên
không ghi, chúng tôi theo B.G. mà dịch phỏng.

Bốn hạng người sống với nhau trong đời :
hạng khéo nịnh, hạng ngu mà trực, hạng hay câu
nệ, hạng ngớ ngẩn ; hạng nào cũng hành động
theo ý mình mà suốt đời không giao du với
nhau, và đều tự cho mình là khéo léo hơn hết.

Bốn hạng người sống với nhau trong đời :
hạng tinh ranh, hạng vô sỉ, hạng phán đoán vội
vàng, hạng hay mĩa mai ; hạng nào cũng hành động
theo ý mình mà suốt đời không giác ngộ lẫn nhau,
và đều tự cho tài của mình là hơn cả.

Bốn hạng người sống với nhau trong đời :
hạng giả dối, hạng hay thêu dệt, hạng dửng dưng,
hạng khiếp nhược, hạng nào cũng hành động theo
ý mình mà suốt đời không phê phán nhau, và
đều tự cho là con đường của mình mới đúng.

Bốn hạng người sống với nhau trong đời :
hạng chiều đời, hạng tự chuyên, hạng tàn bạo,
hạng đứng một mình, không cần tới ai ; hạng nào
cũng hành động theo ý mình mà suốt đời không
thèm ngó nhau, và đều tự cho mình là biết theo
thời.

Thái độ và hình trạng mỗi người mỗi khác
nhau, không ai giống ai, nhưng đều theo con đường
số mệnh cả.

NÊN TRI MỆNH AN THỜI VI II

(Quý quý thành giả, tiểu thành dã).

Cái gì gần thành thì có vẻ đã thành rồi, nhưng chưa phải là thành ; cái gì gần bại thì có vẻ đã bại rồi, nhưng chưa phải là bại. Vì thấy nó có vẻ giống nhau, nên người ta lầm lẫn, mê muội (1). Không mê muội về chỗ giống nhau thì không sợ cái họa ở ngoài, không mừng vì cái phúc ở trong. Ngay những bậc sáng suốt cũng không biết tùy thời mà hành động, tùy thời mà ngừng lại.

Người nào tin ở mệnh trời thì không mừng, không sợ (2). Nếu mừng và sợ thì không thể so sánh với người bịt mắt, bịt tai, quay lưng vào sườn núi, nhìn xuống vực thẳm mà cũng không té (3).

Cho nên bảo rằng sống và chết do mệnh trời

(1) Chưa thành, mới chỉ gần thành ; chưa bại, mới chỉ gần bại, những tình trạng đó giống nhau, khiến cho người ta lầm lẫn.

(2) Nguyên văn « ư bỉ ngã vô nhị tâm ». Trương Trầm chú giải *bỉ ngã* đó là mừng và sợ. B.G dịch khác hẳn : ... thì đối với người cũng như đối với mình, không hai lòng.

(3) Ý nói : nếu mừng và sợ thì sẽ nguy.

cả, nghèo khổ là tại thời vận. Oán ghét sự chết yếu là không biết mệnh trời, oán ghét sự nghèo khổ là không biết thời vận. Chết mà không sợ, nghèo mà không buồn, là người tri mệnh an thời (1). Dù là người rất thông minh mà lường lợi và hại, xét hư và thực, dò lòng người thì cũng chỉ đúng được một nửa thôi, còn một nửa sai. Còn người ít thông minh, không lường lợi và hại, không xét hư và thực, không dò lòng người thì (kết quả cũng vậy) đúng được một nửa, còn một nửa sai. Vậy lường hay không lường, xét hay không xét, dò hay không dò, có khác gì nhau đâu? Chỉ có người nào không lường gì cả mà là lường tất cả, giữ được trọn mà không mất. Nhưng (thực ra) người đó cũng không biết đâu là giữ được trọn, đâu là mất. Tóm lại, còn hay mất, có hay không là sự việc tự nhiên xảy ra, chứ không dụng tâm mà được.

MUỐN SỐNG HOÀI LÀ BẤT NHÂN VI 12
(Tề Cảnh Công du Ngưu Sơn)

Vua Tề Cảnh Công đi chơi núi Ngưu Sơn,

(1) Nghĩa là biết mệnh trời mà thích nghi với hoàn cảnh.

khi tới phía bắc quốc đô, thì ứa lệ, than thở :

— Đẹp thay nước ta ! Cây cỏ tươi tốt, sum suê, đầm đề sương mai kia. Rồi đây ta phải chết mà bỏ nước này ư ? Nếu tự cò không ai chết (mà ta cũng sống hoài) thì ta quyết không bỏ nước này mà đi nơi khác. (1)

Viên sử quan họ Khồng và Lương Khâu Cứ đi theo hầu, đều nhỏ lệ, tâu :

— Bọn hạ thần chúng tôi đội ơn đại vương mà ăn rau và thịt, thường được ngồi xe xấu ngựa còm, mà còn không muốn chết, hưởng hũ đại vương.

Duy có Ân tử đứng bên là cười. Cảnh Công chùi nước mắt, quay lại hỏi Ân Tử :

— Hôm nay quả nhân đi chơi mà xúc cảm sinh buồn, Khồng và Cứ đều khóc theo quả nhân, riêng ông cười là tại sao ?

Ân Tử đáp :

— Nếu những bậc hiền tài cứ sống hoài thì các đức Thái Công và Hoàn Công còn sống đến ngày nay. Nếu những người dưng cảm mà sống

(1) Nguyên văn : Sử cò vô tử giả, quả nhân tương khứ tư nhi chi hà ? B.G. dịch khác hẳn : Nếu quả nhân phải từ biệt nước này thì sẽ đi đâu ?

hoài thì các đức Trang Công, Linh Công (1) còn sống đến ngày nay. Nếu tất cả các vị đó còn sống đến ngày nay thì nhà vua tất bận áo tơi, đội nón lá mà đứng ở giữa đồng, lo việc ruộng nương (2) chứ đâu được nhàn hạ mà nghĩ tới chết như vậy? Nhà vua đâu được lên ngôi như vậy? Nhờ cái lễ thay phiên nhau kẻ ở người đi, nên ngôi vua đó mới tới đại vương. Đại vương chỉ vì vậy mà khóc thì quả là bất nhân quá. Thần thấy một ông vua bất nhân, lại thấy những bề tôi nịnh hót này, mới riêng cười thầm.

Cảnh Công xấu hổ, nâng chén rượu lên uống để tự phạt mình, rồi phạt hai người bề tôi kia mỗi người hai chén.

CON CHẾT MÀ KHÔNG BUỒN VI 13

(Ngụy nhân hữu đông môn Ngô giả)

Nước Ngụy có một người họ Ngô ở Đông

(1) Thái Công, Hoàn Công, Trang Công, Linh Công đều là những vua trước của Tề, tức tổ tiên của Cảnh Công.

(2) Nguyên văn ; duy sự chi tuất. B.G. dịch là : trong cái cảnh đáng thương như vậy.

Môn, con trai chết mà không buồn. Người quản lí trong nhà hỏi :

— Ông yêu con không ai bằng, nay cậu ấy chết mà ông không buồn là tại sao ?

Họ Ngô đáp :

— Có hồi ta không có con, lúc đó ta không buồn. Nay nó mất thì cũng như hồi ta chưa có nó. Vậy có gì mà buồn ?

PHÉP DƯỠNG SINH VÀ TỔNG TỬ VII.7 (Án Bình Trọng vấn dưỡng sinh)

Án Bình Trọng hỏi Quản Di Ngô về phép dưỡng sinh. (1) Quản Di Ngô đáp :

— Cứ sống buông thả, đừng ngăn cản, cấm kị.

Án Bình Trọng hỏi :

(1) Án Bình Trọng tức Án Tử, sống sau Quản Di Ngô non 200 năm, cũng làm tướng quốc nước Tề (coi bài Quản Án liệt truyện trong Sử kí của Tư Mã Thiên), không hiểu làm sao hai người đó có thể nói chuyện với nhau được. Hai bản chữ Hán đều không hiệu đính hay chú giải gì cả.

— Cách thức ra sao ? (1)

Di Ngô đáp :

— Tai muốn nghe gì thì cứ nghe, mắt muốn nhìn gì thì cứ nhìn, mũi muốn ngửi gì thì cứ ngửi, miệng muốn nói gì thì cứ nói, thân thể muốn gì thì cứ tùy thích, lòng muốn làm gì thì cứ làm.

Tai thích nghe âm nhạc, mà không được nghe, thế là ngăn cấm thính quan ; mắt thích nhìn sắc đẹp mà không được nhìn, thế là ngăn cấm thị quan ; mũi thích ngửi hương thơm (như mùi lan, mùi tiêu) mà không được ngửi, thế là ngăn cấm khứu quan ; miệng muốn nói việc phải việc trái, mà không được nói, thế là ngăn cấm trí óc ; thân thể thích đồ ngon, đồ đẹp, mà không được như nguyện, thế là ngăn cấm sở thích ; lòng muốn phóng dật mà không được phóng dật thế là ngăn cấm bản tính. Những sự ngăn cấm đó đều là chúa tàn bạo. Bỏ những chúa tàn bạo đó đi mà vui vẻ đợi chết, (dù sống) một ngày hay một tháng, một năm hay mười năm, tôi cũng cho là biết dưỡng sinh. Kẻ nào bị những chúa tàn bạo đó câu thúc,

(1) Nguyên văn : Kỳ mục nại hà ? Có thể hiểu là : điều kiện hoặc cốt yếu ra sao ?

mà không cời bỏ được, đau đầu lo lắng, thì dù có sống lâu trăm năm, ngàn năm, vạn năm, tôi cũng không cho là biết dưỡng sinh.

Quản Di Ngô nói thêm :

— Tôi đã giảng phép dưỡng sinh cho ông rồi, còn phép tổng tử thì theo ông nên ra sao ?

Án Bình Trọng đáp :

— Phép tổng tử không quan trọng, có gì đâu mà bàn ?

— Nhưng tôi cũng xin được nghe.

— Mình chết rồi, việc tổng tử đâu có do mình nữa ? (1) Hỏa táng cũng được, thả trôi sông cũng được, chôn cất cũng được mà phơi ra giữa trời cũng được, bó thây bằng cỏ mà liệm xuống cái hầm cái hố nào đó cũng được, liệm bằng áo lễ áo thêu mà cho vào cái quách bằng đá cũng được, sao cũng được hết.

Quản Di Ngô quay lại bảo Bảo Thúc (2) :

(1) B.G. dịch là : Tôi chết rồi thì sao cũng được.

(2) Bảo Thúc là bạn thân của Quản Di Ngô. Có lẽ cả phần trên nên đòi An Bình Trọng ra làm Bảo Thúc ?

— Hoàng tử nói (1) : « Cái đạo sinh tử, hai ta đều biết rõ rồi vậy ».

KHÔNG GI BẰNG HƯỜNG LẠC VII 8 (Tử Sản tướng Trịnh)

Tử Sản (2) làm tướng quốc nước Trịnh, cầm quyền được ba năm, người tốt thì vui vẻ chịu sự giáo hóa của ông, còn kẻ xấu thì sợ những nghiêm cấm của ông. Nhờ ông, nước Trịnh thịnh trị lên và được chư hầu kính nể.

Tử Sản có một người anh là Công Tôn Triều và một người em là Công Tôn Mục. Triều thích rượu mà Mục hiếu sắc.

Nhà của Triều chứa ngàn hũ rượu, men rượu chất thành đống, cách nhà trăm bước đã thấy nồng nặc mùi hèm. Khi say, Triều không còn biết thế đạo an hay nguy, tình lý phải hay trái, trong nhà

(1) Hoàng tử là ai ? Không sách nào chú thích. Có lẽ nên bỏ ba chữ đó, như B.G. đã làm.

(2) Tên là Công Tôn Kiêu, học rộng, giỏi trị dân, sống ở giữa thế kỷ thứ VI trước T.L. mất năm — 522 khi ông làm tướng quốc nước Trịnh rồi, (khoảng — 554), Không Tử mới sanh.

có những gì, bà con họ hàng thân sơ ra sao, kẻ còn người mất, vui buồn ra sao, dù có tai họa lụt, cháy, binh đao ở trước mắt, cũng không biết nữa.

Phía nhà sau của Mục cất mấy chục phòng liền nhau, phòng nào phòng nấy đều chứa đầy những gái tơ mĩ miều. Khi đắm mình vào sắc dục thì Mục không tiếp xúc với người thân, không tiếp đãi bạn bè, trốn ở vườn sau, suốt ngày thâu đêm, ba tháng mới ra ngoài mà còn cho là chưa thỏa. Thấy trong miền cô gái tân nào diễm lệ, thì tặng đồ để mời lại, nhờ mối manh dụ dỗ, cho tới khi chiếm được mới thôi.

Tử Sản ngày đêm rầu rĩ vì ông anh với ông em đó, ngẫm bàn tính với Đặng Tích (1), bảo :

— Kiểu tôi nghe nói « Tu thân rồi mới trị được nhà, trị được nhà rồi mới trị được nước », nghĩa là phải tiến từ gần tới xa. Kiểu tôi trị nước cũng là được mà nhà thì loạn như vậy ! Thế là ngược đường sao ? Làm cách nào cứu hai người đó được ? Xin ông dạy cho ?

Đặng Tích đáp :

— Điều đó từ lâu tôi đã lấy làm lạ, mà không

(1) Đặng Tích : coi chú thích bài IV 11.

dám nói ra. Tại sao ông không răn bảo hai người đó ngay từ đầu, nhắc họ phải coi tính mệnh làm trọng, khuyên họ phải coi lễ nghĩa là quý ?

Tử Sản nghe lời Đặng Tích, gặp lúc rảnh, lại thăm anh và em, mà bảo :

— Con người sở dĩ quý hơn cầm thú là nhờ biết suy nghĩ ; suy nghĩ thì phải nhờ vào lễ nghĩa ; có lễ nghĩa rồi mới có danh vị. Nếu tình ý phóng túng, đam mê thì dục thì nguy tới tính mệnh. Anh và chú mà nghe lời tôi thì sáng tự hối, tôi đã được hưởng lộc (làm quan) rồi :

Triều (và Mục) đáp :

— Chúng tôi đều biết lẽ đó từ lâu, đã lựa lối sống từ lâu, đâu có đợi chú phải giảng giải. Hạnh phúc ở đời là điều khó gặp mà cảnh chết thì dễ gặp. Đem cái hạnh phúc khó gặp mà đổi cái chết dễ gặp, nghĩ kĩ xem có nên không ? Tôn trọng lễ nghĩa để khoe đức với người, làm trái tính tình của mình để cầu danh, thì bọn tôi cho là thà chết còn hơn. Bọn tôi muốn tận hưởng hạnh phúc ở đời trong khi còn sống, chỉ sợ bụng đầy rồi không ăn uống thêm được nữa cho khoái khẩu ; sức kiệt rồi, không hưởng sắc dục thêm được nữa cho sướng thân, chẳng lo cái chuyện mang tiếng xấu

hoặc nguy tới tính mệnh. Và lại chú lấy tài trị nước mà khoe với đời, muốn biện thuyết để làm rối loạn lòng của bọn tôi, đem trước lộc để dụ bọn tôi, chẳng phải là bì ời mà đáng thương sao ! Để tôi giảng cho chú nghe này : Người nào tự cho là khéo trị ngoại vật, ngoại vật vị tất đã trị mà thân người đó đã khổ rồi ; còn kẻ khéo trị nội tâm, thì ngoại vật chưa chắc đã loạn mà tính tình mình được yên vui. Cách trị ngoại vật của chú có thể tạm có kết quả trong một nước, nhưng chưa hợp với lòng người ; còn cách trị nội tâm của bọn tôi, có thể áp dụng rộng ra khắp thiên hạ, (nếu theo đúng) thì không còn cái đạo vua tôi nữa. Bọn tôi đã tính giảng cho chú cái thuật đó, ngờ đâu ngược lại, chú đòi đem thuật của chú thuyết bọn tôi !

Tử Sản hoang mang không biết đáp sao. Hôm sau cho Đặng Tích hay. Đặng Tích bảo :

— Ông sống với những bậc chân nhân mà không hay, vậy mà người ta cứ khen ông là bậc trí. Nước Trịnh mà được thịnh trị là ngẫu nhiên đấy, đâu phải là công của ông.

Về vấn đề Sinh tử và Số mệnh nên coi thêm các bài ; VI 6, VI 8, VII 2, VII 3, VII 6, VII 7, VII 10, VII 11.

CHƯƠNG III

ĐẠO

HIỆU NGHIỆM CỦA THUẬT VÔ VI — II 1

(Hoàng Đế tức vị thập hữu ngũ niên)

Hoàng Đế lên ngôi được mười lăm năm, mừng rằng thiên hạ tôn thờ mình. Ông giữ gìn tính mệnh (sinh lực), hưởng cái vui thanh sắc, hương vị, vậy mà nước da ông khô và đen sạm, tâm hồn ông mờ ám mê loạn. Thêm mười lăm năm nữa, ông lo lắng nhận thấy rằng nước muốn loạn; ông gắng sức, dùng hết trí lực sáng suốt để trị dân, nước da ông vẫn khô và đen sạm, tâm hồn ông vẫn mờ ám mê loạn. Ông thở dài than rằng :

— Ta lỗi lầm quá lắm ! Nuôi riêng cái thân ta thì tai hại như vậy, mà muốn trị dân thì cũng tai hại như vậy.

Thế rồi ông bỏ hết các cơ mưu, rời cung điện, đuổi kẻ hầu đi, hạ các chuông xuống, giảm các thức ăn, lui ra ở yên tĩnh trong một ngôi nhà tại giữa sân lớn của ông, trai tâm để làm chủ được hình hài, như vậy ba tháng không trông nom việc nước nữa.

Một hôm ông nghỉ trưa, nằm mộng thấy lại chơi nước Hoa Tư Thị. Nước này ở phía Tây Yêm Châu, phía bắc Thái Châu, không biết là cách nước Tề bao nhiêu vạn dặm. Không thể đi xe, đi thuyền hay đi chân mà tới nước đó được, chỉ có thể tới bằng tinh thần (thần du) mà thôi. Nước đó không có vua, tự nhiên mà trị. Dân không có thị dục, tự nhiên mà sống. Họ không ham sống, không ghét chết, cho nên không có ai chết yểu. Họ không yêu mình mà lãnh đạm với người, cho nên không yêu không ghét. Không ác cảm với người trái với mình, không thiện cảm với người thuận với mình, cho nên không có lợi, không có hại, không thích không tiếc. Họ không úy kị cái gì cả, xuống nước mà không chìm, vô lửa mà không

cháy, bị đánh không thấy đau ; gãi mà không thấy nhức, ngứa ; bay lên không như đi trên đất, nằm trên không như nằm trên giường ; mây và sương mù không che được mắt, tiếng sấm sét không làm khiếp được tai, cái đẹp cái xấu không làm động được lòng, núi hang không ngăn được bước chân, họ đi đi lại lại như các thần linh vậy.

Hoàng Đế tỉnh dậy, vui vẻ, giấc ngộ, cho vời Thiên Lão, Lục Mục, Thái Sơn Kê (1) lại, bảo :

— Ta nhàn cư ba tháng, trai tâm mà làm chủ được hình hài, suy nghĩ về cách dưỡng thân và trị nước mà không tìm ra được thuật nào cả. Một mỗi, ta ngủ thiếp đi, nằm mộng thấy vậy. Bây giờ ta biết rằng không thể nhiệt tình cầu đạo mà được đạo. Ta đã hiểu được rồi, đạt được rồi, nhưng không thể giảng cho các khanh được.

Hoàng Đế giữ ngôi hai mươi tám năm nữa, thiên hạ thật bình trị, gần như nước Hoa Tư Thị vậy. Rồi Hoàng Đế qui tiên. Trăm họ đều khóc, trên hai trăm năm không dứt.

KHÔNG PHÂN BIỆT MÌNH VỚI VẠN VẬT (Liệt tử sư Lão Thương)

Liệt tử học ông Lão Thương, làm bạn với

(1) Ba vị đại thần của Hoàng Đế.

ông Bá Cao tử, khi đã biết được nhiều về đạo của hai ông đó rồi thì cưới gió mà về (1). Doãn Sinh hay tin lại ở gần nhà Liệt tử, mấy tháng không được dạy bảo điều gì cả, một hôm nhân lúc Liệt tử nhân rồi, xin Liệt tử truyền đạo cho. Mười lần qua hỏi, mười lần không được Liệt tử chỉ bảo. Doãn Sinh giận, qua từ biệt Liệt tử, Liệt tử làm thỉnh.

Doãn Sinh mấy tháng không qua nữa, nhưng lòng vẫn thắc mắc muốn biết đạo, sau lại trở qua. Liệt tử hỏi :

— Bỏ đi rồi trở lại như vậy mấy lần là nghĩa gì vậy ?

Doãn Sinh đáp :

— Trước kia, Chương Đái (2) xin thầy dạy bảo, thầy chẳng buồn dạy, nên con bất bình với thầy. Bây giờ hết rồi, nên con trở lại.

Liệt tử bảo :

— Trước kia ta tưởng anh thông minh, không

(1) Sách Trang tử, thiên Tiêu dao du cũng nói : Liệt tử cưới gió mà đi (ngự phong nhi hành).

(2) Tên của Doãn Sinh,

ngờ tầm thường như vậy. Ngồi đó, ta sẽ chỉ cho ta đã học được gì ở thầy ta. Từ khi ta là môn đệ của thầy ta, là bạn của Bá Cao, sau ba năm, lòng không dám cân nhắc phải trái, miệng không dám nói đến lợi hại, lúc đó mới chỉ được thầy ta liếc mắt nhìn thôi. Sau năm năm, lòng ta mới lại cân nhắc phải trái, miệng ta lại nói đến lợi hại, lúc đó thầy ta mới tươi tỉnh cười với ta. Sau bảy năm, lòng ta tự nhiên suy tư, thấy không có gì là phải trái nữa ; miệng ta tự nhiên nói ra, không biết gì là lợi hại nữa, lúc đó thầy ta mới cho ta ngồi cùng chiếu. Chín năm sau, giải thoát được ý nghĩ trong lòng, và lời nói ngoài miệng, đã không phân biệt cái phải trái lợi hại của ta ở đâu mà cũng không phân biệt cái phải trái lợi hại của người ở đâu, cũng không phân biệt thầy ta là thầy, bạn ta là bạn nữa.

Hết phân biệt nội và ngoại (mình và vạn vật) rồi, thì cảm giác của mắt cũng như cảm giác của tai, của tai cũng như của mũi, của mũi cũng như của miệng, hết thấy đều hòa đồng với nhau. Lòng ta ngưng lại, hình hài ta được giải thoát, xương thịt như tan ra, ta không cảm thấy thân thể ta dựa vào cái gì cả, không cảm thấy chân ta đạp đất nữa. Ta theo gió mà qua đông qua tây, như lá

lìa cành, như hạt lìa cây, không biết ta chờ gió hay gió chờ ta nữa.

Còn anh, anh ở nhà thầy chưa được bao lâu mà đã hai ba lần tỏ ra bất mãn. Cái mảnh thân thể của anh, không khí không chịu nhận, một khúc xương cốt của anh, đất không chịu chở, như vậy làm sao anh cưỡi gió bay trong không khí được ?

Doãn Sinh rất xấu hổ, nín thở hồi lâu, không dám thốt một lời.

HÒA ĐỒNG VỚI VẠN VẬT II¹²

(Triệu Tương tử suất đồ thập vạn)

Triệu Tương tử (1) thống suất trăm ngàn người đi săn ở núi Trung Sơn. Họ dùng cỏ khô đốt rừng, cháy hừng hừng cả trăm dặm. Bỗng thấy một người từ trong vách đá chui ra, cùng bay lên đáp xuống với ngọn khói và tàn lửa, mọi người đều cho là quỷ. Lửa tắt rồi, người đó ung dung bước ra, như không có gì xảy ra cả.

Tương tử lấy làm lạ, giữ lại, xem xét kỹ lưỡng người đó, hình sắc, mặt mũi, đúng là người, hơi thở tiếng nói cũng đúng là người, rồi hỏi :

(1) Vua nước Triệu (thế kỷ thứ V trước TL),

— Anh có cái đạo (thuật) nào mà ở trong đá được, vô lửa được ?

Người đó hỏi lại :

— Đá là cái gì kia ? Lửa là cái gì kia ?

Tương tử đáp :

— Đá là chỗ mà lúc nãy anh chui ra ; còn lửa là chỗ lúc nãy anh vượt qua đó.

Người đó nói :

— Tôi không biết đấy.

TimSach.Com.Vn

Ngụy Văn hầu nghe chuyện đó hỏi Tử Hạ (1):

— Người đó là hạng người nào vậy ?

Tử Hạ đáp :

— Tôi được nghe thầy tôi (Khổng tử) dạy rằng người nào hòa đồng với vạn vật thì hòa đồng với vạn vật, vạn vật không làm thương tổn, trở ngại được mình, mà có thể xuyên vô kim thạch, đi trong nước lửa.

Văn hầu hỏi :

(1) Tên là Bốc Thương, học trò Khổng tử, đốc tín, thận trọng, hay bàn luận về những điều tinh vi.

— Sao thầy không làm như vậy ?

— Diệt lòng, bỏ trí, Thương tôi chưa làm được ; nhưng nếu nhàn thì cũng xin bàn về điều đó.

Văn hầu bảo :

— Thế còn phu tử (Khổng tử) sao không làm?

Tử Hạ đáp :

— Phu tử làm được mà không cần làm.

Văn hầu rất mừng.

ĐỪNG LÀM CHO NGƯỜI TA BIẾT MÌNH II¹⁴
(Liệt tử chi Tề)

Thầy Liệt tử đi sang nước Tề, nửa đường thì trở về, gặp Bá Hôn Mậu Nhân. Bá Hôn Mậu Nhân hỏi :

— Sao mà về đó ?

Đáp :

— Tôi sợ mà về :

— Sợ cái gì ?

— Tôi ăn tại mười nhà làm tương mà năm nhà không nhận tiền.

Bá Hôn Mậu Nhân bảo :

— Như vậy thì có gì mà sợ ?

— Sợ vì cái (đạo) tôi giữ trong lòng, không diễn ra (1), vậy mà nó hiện ra rục rở ở bề ngoài. Dùng cái bề ngoài mà làm chấn động nhân tâm, dễ dàng được người ta kính trọng như bậc trưởng lão, như vậy tai nạn sẽ tới. Những người bán tương đó chỉ sống bằng nghề bán thức ăn, lợi ở chỗ còn dư, (2) không được bao nhiêu, quyền thế lại chẳng có gì, mà còn đối xử với tôi như vậy, huống hồ ông vua một nước vạn cỗ xe, khó nhọc, đề hết tâm trí vào việc nước. Nhất định ông vua đó sẽ giao trọng trách cho tôi, bắt tôi gắng sức làm nhiều, vì vậy mà tôi sợ.

Bá Hôn Mậu Nhân bảo :

— Anh nhận xét sáng suốt đấy. Nhưng anh mà tự rút lui như vậy thì người ta sẽ càng chăm

(1) Nguyên văn : *Phủ nội thành bất giải*, thực tối nghĩa. B.G. dịch là : cái chân lí ở trong lòng tôi không tan (?). Có lẽ cũng có thể hiểu là : cái đạo trong lòng tôi còn mù mờ.

(2) Cũng như nấu cơm trọ : lợi ở chỗ mình khỏi phải mua thức ăn,

sóc tới anh (1).

Ít lâu sau, lại nhà (Liệt tử), thấy dép để đầy ngoài cửa (2), Bá Hôn Mậu Nhân đứng ngó về hướng bắc, cầm tỉ vào chiếc gậy, một lát rồi lặng thinh đi về.

Một người khách cho Liệt tử hay, Liệt tử không kịp xỏ dép, vội vàng xách dép chạy theo, tới cổng thì đuổi kịp, hỏi :

— Thầy (3) đã tới, có ý dạy cho tôi phương thuốc (4) gì chăng ?

Bá Hôn Mậu Nhân đáp :

— Trễ rồi. Ta đã bảo anh rằng người ta sẽ

(1) Chăm sóc đây có nghĩa là yêu quý, lui tới thường, nịnh nọt. Bá Hôn Mậu Nhân có ý chê Liệt tử rút lui như vậy cũng là một cách làm cho người ta đề ý tới mình.

(2) Dép của môn đệ hoặc hạng khách khứa trọng Liệt tử.

(3) Các bài I 1, II 5 cho biết Bá Hôn Mậu Nhân là bạn học của Liệt tử, có lần dạy Liệt tử thuật bán cung. Có lẽ Liệt tử trọng Bá Hôn Mậu Nhân như thầy.

(4) Nghĩa bóng : trở lời khuyên răn, phương thuốc tinh thần.

chăm sóc tới anh đó, quả nhiên như vậy. Không phải là anh (không) biết cách làm cho người ta sẵn sàng tới anh, mà là không biết cách làm cho người ta đừng sẵn sàng tới anh. Mà cần gì phải dùng cách dị thường để làm cho người ta cảm mộ mình trước như vậy. Không có lí họ thúc đẩy anh tỏ tài riêng của anh ra. Những người giao thiệp với anh không có gì để nói với anh cả. Những lời nhỏ nhen của họ, có hại như thuốc độc đấy. Anh mê muội không giác ngộ, thì làm sao có thể cải hóa anh được ? (1)

NHÂN NGHĨA HƠN SỨC MẠNH II 21

(Huệ Áng kiến Tống Khang vương)

Huệ Áng vô ý kiến Tống Khang vương. Khang vương đứng dậy tiếp, hăng hái nói liền :

— Quả nhân chỉ ưa dùng lực thôi, không muốn dùng nhân nghĩa, khách có điều gì dạy quả nhân không ?

(1) Mấy câu này mỗi bản dịch hoặc chú thích một khác. Chúng tôi theo bản dịch của Liou Kia-hway trong L'oeuvre complète de Tchouang tseu (Gallimard-1969) vì bài này có chép trong thiên Liệt Ngự Khẩu của Trang tử.

Huệ Áng tiếp :

— Thần có đạo (thuật) khiến cho một người đã dưng cảm rồi lại thêm có bị đâm cũng không vô, đã mạnh rồi lại thêm có bị đập cũng không trúng, có lẽ nào riêng đại vương không ưa đạo đó sao ?

Vua Tống bảo :

— Tốt lắm, đó là điều quả nhân muốn nghe.

Huệ Áng nói :

— Bị kẻ khác đâm mà không vô, bị kẻ khác đập mà không trúng, (tuy là không bị thương đấy, nhưng) vẫn còn là bị nhục. Thần lại có đạo khiến cho một người đã dưng cảm rồi mà kẻ khác lại không dám đâm, đã mạnh rồi mà kẻ khác không dám đập. Nhưng họ không dám không phải là không muốn. Thần lại có cái đạo khiến cho họ không có cả cái ý muốn đâm, đập nữa. Nhưng họ không có ý muốn đó, chưa phải là đã có lòng quý mến và giúp đỡ đại vương. Thần lại có cái đạo khiến cho không một người đàn ông, một người đàn bà nào không vui vẻ quý mến và giúp đỡ đại vương. Như vậy đại vương còn hiển minh hơn là có dũng lực. Thần cho là hơn hẳn bốn hạng trên. Có lẽ nào riêng đại vương không ưa đạo đó.

Vua Tống đáp :

— Đó là đạo quả nhân muốn có.

Huệ Áng bảo :

— Đó là đạo của họ Khổng và họ Mặc. Khổng Khâu và Mặc Dịch không có đất đai mà vẫn làm vua, không có bề tôi mà vẫn làm chúa. Đàn ông và đàn bà trong thiên hạ không ai là không nghênh cổ nhón gót đề ngó, giúp đỡ, bảo toàn họ. Nay đại vương là vị chúa một nước vạn cỗ xe, nếu thực muốn như vậy, thì trong bốn cõi, đại vương đều được mọi người giúp đỡ, còn hiển minh hơn Khổng, Mặc nhiều.

Vua Tống làm thinh không đáp. Huệ Áng vội vã bước ra. Vua Tống bảo kẻ tả hữu :

— Người khách đó khéo biện thuyết, quả nhân không biết đáp sao.

NỖI BUỒN CỦA KHÔNG TỬ IV I

(Trọng Ni nhân cư)

Trọng Ni ngồi không, Tử Cống vô hầu, thấy thầy có vẻ buồn, không dám hỏi, trở ra cho Nhan Hồi (1) hay. Nhan Hồi cầm cây đòn cầm lên gảy

(1) Tên tự là Uyên, được Khổng tử mến nhất trong số môn đệ và khen là có đức nhân. Mất hồi 31 tuổi, Khổng tử rất thương tiếc.

và ca. Không tử nghe thấy, quả nhiên gọi vô hỏi :

— Có gì mà vui một mình vậy ?

Hỏi hỏi lại :

— Tại sao thầy buồn một mình vậy ?

Không tử đáp :

— Hãy nói cho thầy nghe nỗi vui của anh trước đã.

Hỏi thưa :

— Con nghe có lần thầy dạy rằng hễ lạc thiên tri mệnh thì không có gì buồn cả, vì vậy mà con vui.

Không tử trầm ngâm một lát rồi bảo :

— Ta có nói như vậy sao ? Anh hiểu sai ý ta rồi. Lời ta nói hồi trước đó, bây giờ anh theo lời ta sắp nói đây mà sửa lại. Anh chỉ hiểu được cái lẽ lạc thiên tri mệnh thì không có gì buồn mà chưa hiểu được rằng tuy lạc thiên tri mệnh mà cũng vẫn buồn. Nay ta giảng hết cho anh nghe : cứ sửa thân mình, thành công hay thất bại cũng mặc, biết rằng thắng hay trầm không quan hệ gì tới ta, không để cho những biến loạn làm bận lòng, đó anh hiểu lạc thiên tri mệnh thì vô ưu là như vậy.

Trước ta đã sửa lại Thi, Thư, định lại Lễ, Nhạc, mong dùng những sách đó để trị thiên hạ, truyền lại hậu thế, chứ không phải chỉ sửa riêng cái thân ta, trị riêng nước Lỗ mà thôi đâu. Mà vua tôi nước Lỗ càng ngày càng mất trật tự, nhân nghĩa càng ngày càng suy, tình tình càng ngày càng bạc. Như vậy là đạo không thi hành được ở trong một nước, ngay bây giờ đây, nói chi tới thi hành khắp thiên hạ, trong các đời sau nữa.

Bây giờ ta mới biết rằng Thi, Thư, Lễ, Nhạc không giúp được cho loạn hóa trị, mà chưa tìm được phương nào cải cách xã hội được đây. Đó là cái lẽ lạc thiên tri mệnh mà vẫn còn buồn. Nhưng ta đã hiểu được một điều: cái chúng ta gọi là « lạc », là « tri » không phải cái cớ nhân gọi là « lạc », là « tri ». Cớ nhân cho rằng « vô lạc », « vô tri » (1) mới thực là « chân lạc », « chân tri ». Được vậy thì không cái gì là không vui, không cái gì là không biết, không cái gì là không buồn, không cái gì là không làm. Thi, Thư, Lễ, Nhạc, cần gì phải bỏ đi, cần gì phải sửa lại ?

Nhan Hồi hướng về phương Bắc, (2) chấp

(1) Nghĩa là không cố ý cầu lạc thiên tri mệnh, mà hồn nhiên lạc thiên tri mệnh.

(2) Có ý tôn trọng Khổng tử như bề tôi tôn trọng vua, vì vua thời đó ngồi quay mặt về phương Nam.

tay vái thầy :

— Con cũng hiểu được lẽ đó.

Rồi trở ra kể lại cho Tử Cống nghe. Tử Cống hoang mang, như mất hồn, về nhà suy nghĩ lung bảy ngày, quên ngủ quên ăn, tới nổi gầy trơ xương. Nhan Hồi thường lại khuyên bảo. Sau cùng Tử Cống trở lại nhà thầy, lại gầy đờn, ca hát, học kinh Thư, suốt đời không ngừng.

BIẾT BẰNG TRỰC GIÁC IV²

(Trần đại phu sinh Lỗ)

Vị đại phu nước Trần đi sứ sang nước Lỗ, lại thăm riêng Thúc Tôn thị (1). Thúc Tôn thị bảo :

— Nước chúng tôi có một bậc thánh.

Vị đại phu đó hỏi :

— Phải ông Khổng Khâu không ?

— Phải.

— Làm sao biết được là thánh ?

Thúc Tôn thị đáp :

— Tôi thường nghe Nhan Hồi bảo Khổng

(1) Chữ thị này nghĩa là họ. Chỉ gọi họ chứ không gọi tên, cũng như gọi ông Nguyễn, ông Trần.

Khâu có thể bỏ cái tâm (không dùng cái tâm) mà vận dụng hình hài (tức ngũ quan) được.

Vị đại phu nước Trần bảo :

— Nước tôi cũng có một vị thánh nhân, ông biết không ?

— Thánh nhân ư, ai đó ?

— Một đệ tử của Lão Đam tên là Cang Thương tử (1), học được cái đạo của Đam, có thể dùng tai mà trông, dùng mắt mà nghe.

Lỗ hầu (2) nghe vậy, kinh hoàng, sai một vị thượng khanh đem hậu lễ qua mời Cang Thương tử. Cang Thương tử nhận lễ và tới, Lỗ hầu lễ độ hỏi, Cang thương tử đáp :

— Người ta đồn bậy. Tôi có thể không dùng tai mắt mà nghe, trông được, nhưng không thể dùng tai thay mắt, mắt thay tai được.

Lỗ hầu bảo :

— Vậy thì còn lạ lùng hơn nữa ; cách nào vậy, xin cho quả nhân được nghe.

Cang Thương tử đáp :

— Cơ thể tôi hòa hợp với cái tâm, tâm hòa

(1) Trong sách *Trang tử* gọi là Canh Tang tử.

(2) Tức vua nước Lỗ.

hợp với khí, khí hòa hợp với thần, thần hòa hợp với cái « vô ». Có một hình thẻ rất nhỏ nào xuất hiện, một thanh âm rất nhỏ nào thoảng qua, dù ở xa tít ngoài cõi bát hoang (1) hoặc ở gần, tại sát mí mắt mà liên can đến tôi là tôi biết liền. Nhưng tôi không hiểu là do cảm giác của ngũ quan (2) hay của các bộ phận trong người (3), (tôi chỉ biết rằng) cái biết đó tự nhiên phát ra vậy thôi.

Lỗ hầu mừng lắm, một hôm kể lại với Không Tử. Không Tử cười mà không đáp.

KHÔNG NÓI MÀ CŨNG LÀ NÓI IV 5 (Tứ Liệt tử kí sư Hồ Khâu Tử Lâm)

Thầy Liệt tử sau khi cùng với bạn là Bá Hôn Mậu Nhân thôi học Hồ Khâu Tử Lâm rồi, lại ở Nam Quách (4), số người lại xin học có hằng trăm

(1) Những nơi cực xa, hoang vu ở tám phương.

(2) Nguyên văn là : thất không, tứ chi, tức bảy lỗ (mắt, mũi, tai, miệng...) và hai tay hai chân.

(3) Nguyên văn là tâm phúc, lục tạng : tâm, bụng, sáu bộ phận trong mình. Theo y học Trung Hoa chỉ có ngũ tạng thôi, tức tâm, can, tì, phế, thận. Có lẽ thận kể là hai (thận thủy, thận hỏa) nên mới thành lục tạng.

(4) Quách là lớp thành ngoài. Nam Quách là thành ngoài phía nam, cũng như ở ngoại ô phía nam.

(1), tôi hoài không ngớt, Liệt tử không biết là bao nhiêu nữa. Thầy trò sáng nào cũng thảo luận với nhau, xa gần không ai không biết tiếng. (2) Nam Quách tử (3) ở sát vách hai chục năm mà hai người không bao giờ qua thăm hỏi nhau, gặp nhau ngoài đường thì làm như là không trông thấy nhau. Môn đệ tin chắc rằng Liệt tử với Quách Nam tử hiềm khích nhau.

Có một người từ nước Sở lại, hỏi Liệt tử :

— Tiên sinh có hiềm khích gì với Nam Quách tử đấy ?

Thầy Liệt tử đáp :

— Nam Quách tử bề ngoài như mọi người (4) mà lòng thì hư tình, tai không nghe, mắt không thấy, miệng không nói, tâm không biết, hình hài lơ lơ, qua thăm ông ấy làm gì. Nhưng chúng ta thử qua xem sao.

(1) Trương Trầm chú giải là : ngày nào cũng đến (nhật sở, chứ không phải bách sở).

(2) Nguyên văn : *vô bất văn*, B.G: dịch là (Liệt tử) chẳng cần biết là ai.

(3) Tức là : ông Nam Quách (lấy chỗ ở mà gọi tên).

(4) Nguyên văn : *mạo sung*. các sách đều chú giải : *sung* là *toàn* (đầy đủ), chúng tôi dịch thoát như vậy.

Thế là Liệt tử cùng với bốn chục môn đệ qua nhà Nam Quách tử, quả nhiên thấy ông ấy trơ trơ như pho tượng, không thể tiếp xúc, chuyện trò được. Nam Quách tử liếc ngó Liệt tử, vẻ xa vắng như tinh thần thoát khỏi thể xác. Rồi Nam Quách tử bỗng bảo mấy đệ tử đứng hàng cuối của Liệt tử: « Ta khen các người cương quyết hùng tâm chuyên cần học đạo ».

Bọn môn đệ Liệt tử hoảng hốt ra về, người nào cũng có vẻ hoang mang. Liệt tử bảo :

— Người nào đã đạt ý thì không nói ; người nào đã biết rõ chân lý rồi thì cũng không nói. Không nói mà cũng là nói, không biết mà cũng là biết. Không có một lời nào với chẳng nói, không có một trí thức nào với chẳng biết, thì cũng là nói, là biết. Mà như vậy cũng là không có gì không nói, không có gì không biết ; mà cũng là không nói gì cả, không biết gì cả. Có vậy thôi, các anh sợ cái nỗi gì ?

NGHỆ THUẬT DU LỊCH IV 7

(Sơ Tử Liệt tử hiếu du)

Mới đầu, thầy Liệt tử thích du lịch. Hồ Khâu tử bảo :

— Ngự Khấu thích du lịch ; du lịch có gì đâu mà thích ?

Liệt tử đáp :

— Cái vui du lịch là được coi những cái mới. Nhưng người khác du lịch để ngắm những cảnh mới, còn con du lịch để xem xét sự biến đổi. Du lịch ! Du lịch ! Ai biết được thực là du lịch thì phải ra sao ?

Hồ Khâu tử bảo :

— Cách anh du lịch với cách người khác du lịch thì cũng vẫn như nhau, mà sao bảo là khác ? Ai nhìn cảnh thì cũng thấy sự biến đổi của nó. Anh thích ngắm vật mới mà không biết rằng cái bản ngã của ta cũng thay đổi hoài.

Người nào chỉ nghĩ du lịch để ngắm cảnh ngoài thì không biết chú trọng tới nội tâm mình. Ngắm cảnh ngoài là muốn cho vạn vật hoàn toàn, xét nội tâm mình là muốn thỏa mãn ở trong lòng. Thỏa mãn ở trong lòng là đạt cái mức cao nhất của du lịch, cầu cho vạn vật hoàn toàn thì không đạt được mức đó.

Từ đó, Liệt tử suốt đời không du lịch nữa, tự cho rằng mình không biết cách du lịch.

Hồ Khâu tử bảo : « Cái mức cao nhất của sự

du lịch ở đâu? Ở chỗ không biết mình đi đâu. Cái mức cao nhất của sự quan sát sự vật là không biết mình nhìn cái gì nữa. (Đừng cố ý du lịch, cố ý quan sát thì) vật nào cũng là cơ hội cho mình du lịch, quan sát được. Tôi cho du lịch là như vậy, quan sát là như vậy. Cho nên bảo: Phải đạt cái mức cao nhất của du lịch! Phải đạt cái mức cao nhất của du lịch!»

HƯ TÂM THÌ ĐƯỢC ĐẠO IV 5

(Quan Doãn Hi viết)

Quan Doãn Hi (1) bảo: « Lòng mình mà vô chấp (2) thì hình, vật (ở ngoài) sẽ hiện rõ ra. (Lòng mình) động thì như nước, tĩnh thì như gương, ứng với vạn vật như tiếng vang. Cho nên đạo như hình ảnh của vật, vật trái với đạo chứ đạo không trái với vật. Người nào đã được hoàn thiện như đạo thì không dùng tới tai, cũng không dùng tới mắt, cũng không dùng tới sức mạnh, cũng không dùng đến tâm; còn người nào dùng mắt, tai, sức mạnh, tâm mà muốn được như đạo, thì không

(1) Coi chú thích bài VII 11.

(2) Không nghĩ tới gì cả, không muốn gì cả, tức như hư tâm.

phải cách. Nhìn thẳng ở trước mắt (để tìm đạo) mà không ngờ nó ở phía sau mình. Khi dùng cái đạo thì nó đầy cả vũ trụ (1). Không dùng nó thì không biết nó ở đâu.

Dụng tâm cầu đạo thì thấy nó ở xa, chứ nó vốn không ở xa ; vô tâm cầu đạo thì thấy nó ở gần, chứ nó vốn không ở gần (2). Cứ yên lặng thì được đạo, giữ cái thiên tính còn toàn vẹn (tự nhiên) thì được đạo.

Kẻ trí (sáng suốt) mà quên các tình dục đi, kẻ có tài mà không dùng tài, những kẻ đó mới thật là sáng suốt, thật là có tài. Đạt được vô trí (nghĩa là bỏ cái trí đi) thì làm gì còn có tình dục? Đạt được cái vô năng (không dùng tài) thì làm gì còn có hành động ? Chứa chất vật quý (?) cũng như chứa chất bụi cát vậy, như vậy dù vô vi (không làm gì) mà cũng vẫn là trái đạo vậy.

LUẬT QUÂN BÌNH V 9

(Quân, thiên hạ chi chí lý dã)

Quân bình là luật rất lớn trong thiên hạ,

(1) Lục hư : trên dưới và bốn phương.

(2) Bài này ý nghĩa rất khó hiểu. Chúng tôi chầm chước lối giải thích của Đường Kinh Cảo mà dịch. B.G. dịch khác hẳn.

ngay về vật hữu hình cũng vậy. Treo hai vật vào một sợi tóc, nếu không quân bình mà một vật nặng một vật nhẹ thì sợi tóc sẽ đứt, như vậy là sợi tóc không ở điểm quân bình. Nếu quân bình thì không có lẽ gì mà đứt được, cho nên không đứt (1). Người thường không hiểu lẽ đó, nhưng cũng có người hiểu được.

Chiêm Hà (2) chỉ dùng mỗi một sợi tơ làm dây câu, một cái gai cong nhọn (3) làm lưỡi câu, thân cây trúc nhỏ ở Sở làm cần câu, cắt một hạt lúa làm mồi mà câu ở cái vực sâu trăm nhần (4), chỗ nước chảy xiết, đem về được đầy một xe cá, mà dây câu không đứt, lưỡi câu không đuổi ra, cần câu không gãy gập lại. Vua Sở nghe nói, lấy làm lạ, cho gọi tới hỏi. Chiêm Hà đáp :

— Thần nghe nói, cổ đại phu Bồ Thu tử giỏi bắn, dùng một cây cung yếu, cột một sợi dây vào mũi tên để cho gió đưa đi, mà bắn được hai con đang (5) bay tít trên mây xanh, như vậy

(1) Chỗ này nguyên văn khó hiểu, có vẻ lung tung. Chúng tôi dịch ý.

(2) Người nước Sở nổi tiếng câu giỏi.

(3) Nguyên văn : mang châm.B.G. dịch là cái lông nhỏ ở đầu bông lúa,

(4) Nhần : 8 thước,

(5) Tựa như con sếu.

là nhờ ông tập trung tinh thần và giữ sự quân bình khi cử động cánh tay. Thần phỏng theo cách đó mà học câu năm năm mới thấu được hết thuật câu. Khi thần ngồi trên bờ sông mà cầm cần câu, lòng thần chỉ nghĩ tới cá thôi, không nghĩ tới gì khác ; khi liệng câu thả mồi, thì cánh tay thần cử động không nặng quá, không nhẹ quá để mọi vật khỏi loạn. Khi cá thấy mồi ở lưỡi câu, chúng tưởng là những hạt bụi chìm hoặc những bọt tụ lại, nên không nghĩ ngờ gì cả mà lạiớp. Vậy yếu có thể chế được mạnh, nhẹ có thể thắng được nặng. Đại vương trị quốc mà thực sự theo được cách đó thì có thể vận dụng thiên hạ trong bàn tay, có việc gì khó khăn đâu ?

Vua Sở khen : « Hay ! »

THẾ NÀO LÀ BẠC CHÍ NHÂN ? VI 9 (Hoàng Đế chỉ thư vân)

Sách Hoàng Đế có câu : « Bạc chí nhân (1) sống ở đời cũng như chết, cử động mà như bị trói buộc (2), không biết tại sao lại sống, tại sao

(1) Tức như bậc thánh nhân trong đạo Nho : trở con người toàn thiện.

(2) Nghĩa là không cử động. Ý muốn nói : hoàn toàn vô tâm.

lại không sống ở đời, tại sao lại cử động, tại sao lại không cử động, người đời dòm ngó mình thì cũng chẳng thay đổi thái độ, không dòm ngó mình thì cũng vậy. Một mình mình tới, một mình mình lui, một mình mình ra, một mình mình vô, ai mà ngăn cản được ?

LỢI VÀ HẠI CỦA DANH VII 20

(Dục tử viết : Khí danh giả vô ưu)

Dục tử (1) nói :

— Từ bỏ cái danh đi thì khỏi phải lo nghĩ. Lão tử nói : « Danh là khách của thực ». Mà người đời đau đầu chạy theo cái danh hoài.

Danh vốn không thể bỏ được, danh vốn không thể coi là khách được. Ngày nay ai có danh thì được tôn vinh, vô danh thì chịu hèn nhục ; tôn vinh thì an dật vui sướng, hèn nhục thì lo lắng, khỗ sở. Lo lắng, khỗ sở thì lại hại tới bản tính, an dật vui sướng thì thuận với bản tính, quả có liên hệ với nhau như vậy. Vậy thì làm sao lại bỏ danh ? Làm sao lại coi danh là khách ? Ghét chẳng

(1) Tức Dục Hùng. Coi bài 1 10.

là ghét sự giữ cái danh mà làm lụy cái thực ; giữ cái danh mà làm lụy cái thực thì sẽ có lúc phải chịu nỗi nguy vong mà không có cách cứu, chứ đâu phải chỉ là chuyện an dật vui sướng với lo lắng, khổ sở mà thôi đâu (1).

NHƯ HÌNH VỚI BÓNG VIII 1

(Tử Liệt tử học ư Hồ Khâu Tử Lâm)

Thầy Liệt tử học với Hồ Khâu Tử Lâm. Hồ Khâu Tử Lâm bảo :

— Anh phải tập đứng ở phía sau thì mới có thể nói rằng giữ được thân mình.

Liệt tử hỏi :

— Xin thầy cho nghe thế nào là đứng ở phía sau.

Đáp :

— Quay lại nhìn cái bóng của anh thì biết.

Liệt tử quay lại nhìn bóng của mình, hễ vận thân mình thì cái bóng cong, đứng thẳng lại thì

(1) Nguyên văn : khởi đồ dật lạc ưu khổ chi gian tai ? B.G. dịch là : Chúng ta có nên quyết định theo hoặc là dật lạc, hoặc là ưu khổ hay không ?

cái bóng cũng thẳng. Vậy cong hay ngay là tùy thân thể chứ không tùy cái bóng. Biết co hay duỗi tùy vật chứ không tùy ta, như vậy là đứng ở phía sau mà được ở phía trước (1)

*
*
*

Quan Doãn bảo thầy Liệt tử :

— Lời mà đẹp thì tiếng vang cũng đẹp, lời mà xấu thì tiếng vang cũng xấu ; thân mình cao thì bóng dài, thân mình lùn thì bóng ngắn. Danh cũng như tiếng vang, mà thân hình cũng như cái bóng. Cho nên bảo : « Thận trọng lời nói thì người ta sẽ biết mình (2), thận trọng hành vi thì người ta sẽ theo mình ».

Bậc thánh nhân xét cái gì phát ra mà biết cái gì nhập vô (3), xét việc đã qua mà biết việc sẽ tới, như vậy là tiên tri.

Đức độ hay không là ở ta, mà phán xét ta là ở người. Người ta yêu mình, thì tất là vì mình

(1) Nguyên văn : xử tiên. B.G. dịch là giữ được cái thân mình.

(2) Nguyên văn : Tương hữu tri chi. B.G. dịch là : mình sẽ hòa hợp với vạn vật.

(3) Nguyên văn : Kiến xuất dĩ tri nhập. B.G. dịch là : mà biết được cái gì sẽ xảy ra.

đã yêu người ta ; người ta ghét mình thì tất là vì mình đã ghét người ta. Vua Thang, vua Vũ (2) yêu thiên hạ, cho nên được làm vua ; Kiệt và Trụ ghét thiên hạ cho nên mất ngôi vua. Như vậy là sự phán xét của thiên hạ. Đã hiểu cái lẽ « đức độ » và « phán xét » rồi mà hành động không theo lẽ đó thì không khác gì muốn ra ngoài mà không do cửa, muốn đi mà không theo đường. Hành động như vậy mà mong có lợi, chẳng là khờ ư ?

Xét đức của Thần Nông Hữu Viêm (1), rồi tra khảo sử các đời Ngu, Hạ, Thương, Chu (2), suy ngẫm lời các hiền nhân, pháp sĩ (3), cái lẽ tồn vong hưng phế của thời trước không khi nào không theo cái đạo đó (tức đạo thương người thì được người thương lại, ghét người thì bị người ghét lại).

(1) Theo truyền thuyết, Thần Nông là một ông vua thời thượng cổ, dạy dân Trung Hoa cách cấy ruộng—Hữu Viêm : Đường Kinh Cảo chú giải là Đại Đình Thị, một vua thời thượng cổ, tức Viêm Đế, hiệu là Thần Nông, trước vua Hoàng Đế.

(2) Ngu (Thuấn) Hạ (Vũ), Thương (Thành Thang) Chu (Vũ Vương) là bốn triều đại thời thượng cổ.

(3) Pháp sĩ ở đây không trở các pháp gia mà có lẽ trở hạng sĩ làm khuôn phép cho đời.

PHẢI BIẾT NGUYÊN NHÂN VIII 3

(Liệt tử học xạ, trúng dã)

Liệt tử học bắn (may mà) bắn trúng, hỏi Quan Doãn tử.

Doãn tử bảo :

— Anh biết tại sao anh bắn trúng không ?

Đáp :

— Thưa không.

— Vậy thì chưa được.

Liệt tử về tập bắn thêm ba năm nữa, rồi lại cho Quan Doãn tử hay. Doãn tử hỏi :

— Anh đã biết tại sao anh bắn trúng không?

— Thưa biết.

— Vậy thì được ! Nhớ lấy, đừng quên. Chẳng phải riêng việc bắn như vậy đâu, việc trị nước và tu thân cũng vậy. Cho nên bậc thánh nhân không quan tâm tới sự tồn vong (đắc-thất) bằng cái lẽ tại sao lại tồn vong.

TRỊ NƯỚC CẦN BIẾT NGƯỜI HIỂN VIII 4

(Liệt tử viết : Sắc thịnh giả kiêu)

Liệt tử nói :

— Dung nhan đẹp hơn người thì kiêu căng, sức mạnh hơn người thì hung hăng, chưa có thể nói đến đạo với hai hạng người đó được. Người tóc đã hoa râm mà nói về đạo còn lắm, huống hồ là hành đạo ! Kẻ nào hung hăng (hiếu thắng) thì không được người ta khuyên bảo, không được ai khuyên bảo thì cô độc, không có người giúp. Người hiền biết dùng người (1), nên tuy già mà không suy, trí giảm mà không loạn (2). Cho nên trị nước khó ở chỗ biết được người hiền, mà không tự cho mình là hiền.

KHÔNG UA TRÍ XẢO VIII 5

(Tống nhân hữu vị quân...)

Một người nước Tống lấy ngọc chạm trở thành một lá dó, để dâng vua, ba năm mới xong. Đầu nhọn, chỗ mỏng, sống, cuống, lông, gai đều tinh vi, láng bóng, để chung với các lá dó thật, không sao phân biệt được. Người đó nhờ tài khéo mà được vua Tống khen, cấp lương bổng cho.

(1) Nguyên văn : Hiền giả nhiệm nhân. B.G. dịch là người hiền được người ta tin.

(2) Nguyên văn : trí tận nhi bất suy. B.G. dịch là truyền bá sự sáng suốt của mình mà không làm lẫn.

Thầy Liệt tử nghe nói, bảo : « Trời đất khi sinh vạn vật mà phải mất ba năm mới thành một cái lá thì ít cây có lá lắm ! Cho nên thánh nhân trông vào cái đạo để cải hóa chứ không trông vào trí xảo ».

THẤY LỢI NGHĨ ĐẾN HẠI VIII 6

(Tử Liệt tử cùng, dung mạo hữu cơ sắc)

Thầy Liệt tử nghèo khổ, mặt xanh xao vì đói. Một người khách (1) cho Tử Dương nước Trịnh hay (2) :

— Liệt Ngự Khấu là bậc sĩ đạt đạo, ở nước ông mà phải nghèo khổ, vậy ra ông không quý kẻ sĩ sao ?

Tử Dương tức thì sai một ông quan đem lúa lại tặng Liệt tử. Liệt tử ra tiếp, vái hai vái mà từ chối. Sứ giả ra về rồi, Liệt tử trở vô. Bà vợ lờm ông, đập vào ngực, bảo :

— Thiếp nghe nói vợ con một người đạt đạo thì được vui vẻ sung sướng. Nay cả nhà

(1) Một người không nhận chức ở triều đình, được vua đãi như khách,

(2) Tử Dương trong Sử kí của Tư Mã Thiên, gọi là Tử Tử Dương, tướng quốc nước Trịnh.

đều đối, được tướng quốc biết mà cho lúa, thầy không nhận, thế chẳng phải là làm trái với số mệnh sao ?

Thầy Liệt tử cười mà đáp :

— Tướng quốc đâu phải tự biết ta. Vì nghe lời người khác mà cho ta lúa, thì rồi cũng sẽ nghe lời người khác mà bắt tội ta (1). Vì vậy mà ta không nhận (2).

Rồi đột nhiên, dân trong nước nổi loạn, giết Tử Dương (3).

TimSach.Com.Vn

(1) B.G. dịch khác: Vì nghe lời người khác mà cho ta lúa, là xúc phạm tới ta, lại thêm cái lỗi tin lời người khác nữa.

(2) Không rõ trong *Cổ học tinh hoa* quyển II trang 81 (Vĩnh Thịnh — 1951) Nguyễn Văn Ngọc và Trần Lê Nhân theo bản nào mà thêm: « Vả chẳng chịu bổng lộc của người, hoặc khi người mắc nạn, không liều chết giúp người là bất nghĩa. Mà nếu liều chết giúp kẻ vô đạo thì còn gọi là nghĩa thế nào được ».

(3) Truyện này có chép trong thiên *Nhượng vương* của Trang tử.

— Về Đạo, nên coi thêm các bài 11 6, 11 9, 11 10.

CHƯƠNG IV

TÌNH VÀ MỘNG

BÀN VỀ TÌNH VÀ MỘNG III⁴

(Giác hữu bát trưng)

Trạng thái tình có tám biểu hiện (1); trạng thái mộng có sáu điểm (2). Tám biểu hiện đó là gì ? Là chuyện cũ (3), hành động, được, mất, buồn,

(1) Nguyên văn là «trưng» B.G, dịch là: effet (tác động).

(2) Nguyên văn là «chiêm» ; có lẽ nên hiểu là trường hợp.

(3) Nguyên văn là «cổ», Trương Trầm chú giải là «cổ sự», B.G. dịch là: Intuition (trực giác)

vui, sinh, tử. Tám biểu hiện đó ở trong cõi hình thể.

Sáu điều là gì ? Là chính mộng (ở yên mà mộng), kinh ngạc mà mộng, nhớ nhung nghĩ ngợi mà mộng, thức mà mộng (mơ mộng), vui mà mộng, lo lắng mà mộng. Sáu thứ mộng đó do thần giao mà có (ở trong cõi tinh thần).

Ai không biết những cảm biến đó phát sinh từ đâu thì khi việc xảy ra, không hiểu được nguyên nhân ; ai biết những cảm biến đó phát sinh từ đâu thì khi việc xảy ra, hiểu được nguyên nhân. Hiểu được nguyên nhân thì không còn kinh ngạc, xót xa nữa.

Bất kì một cơ thể nào, dù doanh, hư (1), hoạt động hay nghỉ ngơi, đều cảm thông với trời đất, cảm ứng với vạn vật. Cho nên khi khí âm mạnh thì mộng thấy qua sông lớn, mà hoảng sợ ; khí dương mạnh thì mộng thấy qua đám lửa rực mà cảm thấy nóng bỏng. Khí âm và khí dương đều mạnh thì mộng thấy sống hoặc chết.

No thì mộng thấy mình cho người ta ; đói thì mộng thấy mình lấy của người. Người nào có tật sỏi nổi thì mộng thấy lêncao ; người nào (trái lại)

(1) Nghĩa là đầy vơi, thịnh suy.

có tật trầm trọng thì mộng thấy chết đuối. Quấn dây lưng mà ngủ thì mộng thấy rắn ; chim ngậm tóc mà bay, thì ai có những sợi tóc đó sẽ mộng thấy bay. Lại gần cái «âm» thì mộng thấy lửa, sắp đau thì mộng thấy ăn ; sau khi uống rượu thì buồn, sau khi hát múa thì khóc.

Thầy Liệt tử bảo :

— Tinh thần người ngủ gặp cái gì thì cái đó là mộng, cơ thể tiếp xúc cái gì thì cái đó là thực; cho nên ngày nghĩ tới cái gì thì đêm mộng tới cái đó, thế là tinh thần và cơ thể gặp nhau (1). Cho nên tinh thần mà ngưng lại (2), thì tư tưởng và mộng tự nhiên tiêu tan. Tin điều mình thấy khi tỉnh thì không nói (3), tin điều thấy trong

(1) Chúng tôi theo chú giải của Trương Trầm. B.G. dịch khác : cho nên ý tưởng trong ban ngày và mộng ban đêm đều ảnh hưởng tới cơ thể hoặc tinh thần.

(2) B.G. dịch là : tinh thần mà tập trung ; nhưng tập trung có nghĩa là suy tư mãnh liệt, thì tư tưởng làm sao tiêu tan được ? Theo chúng tôi «ngưng lại» có nghĩa là không suy tư gì cả.

(3) B.G. dịch là «Thực sự cảm thấy (cái thực) thì không phải là hư ngôn (vain mot). Nguyên văn : tin giác bất ngữ.

mộng thì là không sáng suốt, chỉ là sự biến hóa qua lại của sự vật thôi. Bạc chân nhân (1) thời xưa khi tỉnh thì quên mình đi, khi ngủ thì không nằm mộng, lời đó có thể tin được (2).

MỘNG ĐỀ BƯ THỰC III 6 (Chu chi Doãn thị đại trị sản)

Ở nước Chu có một người họ Doãn, gia sản rất lớn, bọn tôi tớ hầu hạ từ sáng đến tối không được nghỉ. Có một người đầy tớ già, đã kiệt lực mà lại phải làm rất nhiều. Ban ngày chú ta hồn hèn làm việc, ban đêm mệt mỏi ngủ li bì, tinh thần phiêu tán, đêm nào cũng nằm mê thấy mình làm vua, cai trị muôn dân, nắm hết mọi việc trong nước, đi lui đi tới trong cung điện, muốn làm gì thì làm, sung sướng vô cùng. Tỉnh dậy lại làm cái thân tôi tớ.

Có một người thấy chú ta vất vả, tỏ lời an ủi. Chú ta đáp :

— Đời người dù sống trăm năm thì cũng một nửa là ngày, một nửa là đêm. Tôi, ban ngày làm

(1) Chân nhân tức như người đắc đạo.

(2) Nguyên văn : «cơ hư ngữ tại», B.G. không dịch. Chúng tôi đoán nghĩa như vậy.

thân nô lệ, khổ thì khổ thực. Nhưng ban đêm được làm vua, còn gì sướng bằng ? Còn oán hận nổi gì ?

Còn ông họ Doãn kia, lòng bận việc đời, trí lo sản nghiệp, tâm thần và thể xác đều mệt mỏi, đêm nào cũng ngủ li bì, nằm mê thấy mình làm tội tở, tất tả làm hết mọi việc, mà còn bị đánh, bị mắng, cực khổ trăm chiều. Trong mộng, ông ta mê sáng, hồn hèn suốt đêm, sáng dậy mới hết.

Họ Doãn thấy vậy lo buồn, hỏi ý kiến một người bạn. Người này đáp :

— Địa vị của bác đủ vẻ vang rồi, tài sản của bác dư dật hơn người ta nhiều rồi. Ban đêm có nằm mê thấy làm tội tở, thì cũng là vui khổ thay phiên nhau, đó là lẽ thường. Muốn cho lúc tỉnh với lúc mộng cùng sướng cả, thì đâu được ?

Nghe bạn nói vậy, ông ta nói tay cho tội tở, giảm việc làm ăn, lo lắng của mình, mà tật (mộng mị) bớt nhiều.

MỘNG HAY THỰC ? III 7 (Trịnh nhân hữu tân ư dã giả)

Một người nước Trịnh ra đồng kiếm củi, gặp một con hươu chạy trốn, rình đón, đập chết

được. Sợ người khác thấy, anh ta giấu nó trong cái hào cạn, lấy cành cây phủ lên, mừng rỡ lắm.

Nhưng rồi anh ta quên mất chỗ giấu, cho rằng mình đã nằm mộng, vừa đi vừa lầm bầm (một mình) về chuyện đó. Một người nghe lóm được, theo lời anh ta nói mà tìm được con hươu đem về.

Tới nhà, bảo vợ :

— Một gã kiếm củi, nằm mộng thấy bắt được một con hươu mà quên không biết giấu nó ở đâu ; anh tìm ra được này. Gã đó đúng là nằm mê.

Người vợ nói :

— Hay là chính anh mộng thấy người kiếm củi bắt được con hươu, chứ có người kiếm củi nào thực đâu ? Nay quả thực anh được con hươu, thì mộng của anh đúng rồi.

Người chồng bảo :

— Anh đã thực bắt được con hươu thì cần gì biết anh nằm mê hay gã đó nằm mê.

Người kiếm củi về nhà, rầu rĩ vì mất con hươu, đêm đó nằm mộng thấy chỗ giấu nó và

mộng thấy người đã chiếm được nó. Sáng dậy, cứ theo đúng trong mộng mà tìm ra được người đó, trách mắng, đòi lại con hươu. Việc đưa lên quan sĩ sư (1). Quan sĩ sư bảo người kiếm củi :

— Anh mới đầu quả thực bắt được con hươu, rồi nghĩ lầm mà bảo là nằm mộng ; hay là mới đầu quả thực anh nằm mộng bắt được con hươu, rồi nghĩ lầm mà bảo là chuyện thực ? Còn anh kia, có thực là lấy con hươu của anh mà tranh giành lại không ? Vợ anh ấy lại bảo chồng nằm mộng thấy con hươu của người ta, chứ không ai được hươu cả. Nhưng quả có con hươu đây thì ta tính chia hai, và trình lên vua Trịnh để ngài phán.

Vua Trịnh phán :

— Ta ngờ rằng quan sĩ sư cũng lại nằm mê thấy rằng mình cắt con hươu ra làm hai nữa.

Rồi nhà vua hỏi quan tướng quốc Quan tướng quốc tâu :

— Mộng hay không mộng, thần không thể quyết đoán được. Phân biệt được mộng hay không thì phải là Hoàng Đế hay Khổng tử. Nhưng

(1) Quan tòa,

Hoàng Đế và Khổng tử đã chết thì ai mà phân biệt được. Thôi thì cứ làm theo lời ông sĩ sư là xong.

QUÊN HẾT LẠI SƯỞNG III 8
(Tống Dương Lí Hoa tử)

Một người tên là Hoa tử ở đất Dương Lí nước Tống, khi đứng tuổi mắc bệnh quên, sáng lấy cái gì thì tối đã quên rồi, tối cho ai cái gì thì sáng đã quên rồi, đi đường thì quên mình định đi đâu, ở nhà thì quên ngồi, lúc này quên lúc trước, lúc sau quên lúc này. Cả nhà rầu rĩ lắm.

Nhờ thầy bói cho, quẻ không dạy gì cả ; nhờ thầy pháp cúng cho, không hết ; nhờ thầy lang trị cho, cũng trơ trơ.

Nước Lỗ có một nho sinh (1) tự giới thiệu là có thể trị được. Vợ con Hoa tử hứa nếu trị được thì xin tặng nửa gia tài.

Nho sinh đó bảo :

— Bệnh đó vốn không thể bói mà biết được, không thể cúng mà hết được, không thể dùng thuốc mà trị được. Tôi thử sửa tâm tính ông ấy, đòi trí lự ông ấy, may ra đỡ được chăng.

(1) Tựa như thầy đồ

Thế rồi nho sinh đó cởi hết áo của Hoa tử ra, thấy ông ta đòi mặc ; bắt ông ta chịu đói, thấy ông ta đòi ăn ; nhốt ông ta vào chỗ tối, thấy ông ta đòi ra chỗ sáng. Và nho sinh đó vui vẻ bảo con Hoa tử :

— Bệnh có thể trị được đấy ; nhưng phương của tôi bí truyền, không thể cho người khác biết được. Xin ngăn hết các người chung quanh, để tôi ở riêng với ông nhà bảy ngày.

Người nhà làm theo, không biết nho sinh đó trị cách nào mà căn bệnh đã mấy năm đó nhất đán khỏi hẳn.

Hoa tử khi đã tỉnh rồi, nổi giận dùng dùng, đuổi vợ, đánh con, vác cây mác đuổi nho sinh. Người Tổng níu lại, hỏi tại sao, Hoa tử đáp :

— Trước kia tôi quên hết, thanh thản, không biết trời đất có hay không nữa. Nay bừng tỉnh, những gì xảy ra mấy chục năm nay, còn hay mất, thua hay được, vui buồn, yêu ghét, bởi bởi muôn mối trong lòng, tôi sợ những nỗi còn mất, thua được, vui buồn, yêu ghét lại sẽ làm rối loạn lòng tôi nữa ; có muốn quên một lát, phỏng còn được nữa không ?

Tử Cống nghe chuyện đó, lấy làm lạ, hỏi Khổng tử. Khổng tử bảo :

— Anh không hiểu được đâu.

Rồi quay lại bảo Nhan Hồi :

— Chép lại chuyện đó đi (1).

THIÊN HẠ ĐỀU MÊ CẢ III 9

(Tần nhân Phùng thị hữu tử)

Người họ Phùng nước Tần có một người con trai hồi nhỏ rất thông minh, mà lớn lên mắc tật mê loạn : nghe tiếng hát thì bảo là tiếng khóc, nhìn màu trắng thì bảo là màu đen, ngửi mùi thơm thì bảo là mùi thối, nếm vị ngọt thì bảo là vị đắng, làm điều quấy thì bảo là điều phải. Trời đất, bốn phương, lửa nước, nóng lạnh, trong óc anh ta đều đảo lộn, sai lầm hết.

Một người họ Dương bảo cha thanh niên đó :

— Vị quân tử nước Lỗ (Khổng tử) nhiều tài nghệ, may ra trị được bệnh đó, sao bác không qua hỏi xem.

Người cha bèn sang nước Lỗ, khi đi qua nước Trần, gặp Lão Đam (Lão tử), kể bệnh của con cho Lão Đam nghe. Lão Đam bảo :

— Làm sao chú biết được rằng con chú mê

(1) Vì Nhan Hồi có đức hơn Tử Cống. Tử Cống ham làm giàu.

loạn ? Ngày nay khắp thiên hạ đều mê hoặc về phải trái, hôn ám về lợi hại. Kẻ bị bệnh đó nhiều quá tới nỗi không ai thấy nữa. Và lại một người mê loạn, không đủ làm cho cả nhà khuynh đảo được ; một nhà mê loạn, không đủ làm cho cả làng khuynh đảo được ; một làng mê loạn không đủ làm cho cả nước khuynh đảo được ; cả nước mê loạn không đủ làm cho cả thiên hạ khuynh đảo được ; mà khi cả thiên hạ mê loạn thì còn ai làm cho nó khuynh đảo được nữa ? Ví thử khắp thiên hạ đều như con chó hết thì ngược lại chính chó mới là người mê loạn ; và còn ai hiểu chính được cái ý niệm về vui buồn, thanh âm, màu sắc, mùi vị, phải trái nữa ? Ngay lời tôi vừa nói với chú đó, cũng vị tất là không mê loạn, huống hồ cái ông quân tử nước Lỗ kia, còn mê loạn hơn ai hết (1), thì còn trị bệnh mê cho ai được nữa ? Thôi chú nên về nhà gấp đi, đừng phí tiền ăn đường nữa.

(1) Chê Khổng tử mong dùng nhân nghĩa để cứu đời.

CHƯƠNG V

HUYỀN THOẠI VÀ TRUYỀN THUYẾT

XỨ THẦN TIÊN II₂

(Liệt Cô Xạ Sơn)

Dãy núi Cô Xạ ở Hải Hà Châu (1). Trên núi có thần nhân hít gió uống sương (mà sống) chứ không ăn ngũ cốc. Lòng họ như dòng suối sâu, thân thể họ như gái tân.

Họ không thiên vị, không yêu riêng ai. Tiên thánh là bề tôi của họ. Họ không sợ không giận

(1) Một đảo ở giữa biển, theo một huyền thoại trong Sơn Hải kinh.

Sứ giả của họ là những người trung hậu, thuần phác. Họ không ban ân huệ, mà mọi vật đều tự túc ; không thu nhặt gom góp mà không thiếu thứ gì.

Âm dương luôn luôn điều hòa, mặt trăng mặt trời luôn luôn sáng tỏ, bốn mùa bao giờ cũng thuận, gió mưa bao giờ cũng hòa ; vật thực cứ đúng thời là có, mùa màng năm nào cũng trúng, đất cát không bị thương tổn (1) người không chết yểu, vạn vật không bị bệnh tật, qui không xuất hiện, hết linh (2).

TRUYỀN THUYẾT VỀ CÁC XỨ LẠ III 5

(Tây cực chi nam ngưng hữu quốc yên)

Ở phía nam góc cực tây có một nước không biết cảnh giới tới đâu, gọi là nước Cồ Mãng. Ở đó khí âm và khí dương không giao nhau, cho nên không có lạnh, không có nóng ; ánh sáng mặt trời mặt trăng không chiếu, cho nên không có ngày, không có đêm. Dân chúng không ăn, không

(1) Nguyên văn : trát thương. B.G. dịch là : dịch lệ.

(2) Truyện này có chép văn tắt trong thiên Tiêu dao du của Trang tử.

mặc mà ngủ nhiều, năm mươi ngày mới tỉnh dậy một lần, cho việc làm trong mộng mới là thực, còn những cái thấy khi tỉnh là sai.

Ở giữa cái khoảng bốn bề, có một nước trung ương (1). Nước đó trải ra ở phía bắc và phía nam sông Hoàng hà, ở phía đông và phía tây núi Thái sơn, trên vạn dặm. Khí âm và khí dương điều hòa với nhau, cho nên cứ hết lạnh thì tới nóng, hết nóng tới lạnh; tối và sáng phân biệt, cho nên hết đêm tới ngày, hết ngày tới đêm. Dân chúng có người trí kẻ ngu, vạn vật phồn thịnh, tài nghệ nhiều vẻ, vua tôi thân nhau, lễ nghĩa và pháp luật dựa lẫn nhau. Không sao kể hết được ngôn hành của họ. Họ thức rồi ngủ, ngủ rồi thức, cho việc họ làm khi thức là thực, còn những cái thấy khi ngủ là sai.

Ở phía bắc góc cực đông có một nước gọi là Phụ Lạc. Ở đó hơi đất thường nóng; ánh sáng mặt trời và mặt trăng chiếu nhiều quá, đất đai không sinh được lúa tốt, dân chúng ăn rễ và trái cây, không biết nấu nướng. Tính tình họ cứng cỏi hung hãn, kẻ mạnh áp bức kẻ yếu, họ chỉ quý

(1) Tức Trung Hoa. Người Trung Hoa thời đó cho rằng bốn bề chung quanh nước họ là biển.

kẻ thắng mà không biết trọng nghĩa. Họ lẳng xẵng
hoài, ít nghỉ ngơi, thường thức mà không ngủ.

VUA NGHIÊU TRỊ NƯỚC IV 14

(Nghieu trị thiên hạ ngũ thập niên)

Vua Nghiêu (1) trị thiên hạ năm chục năm
rồi mà không biết thiên hạ có bình trị không.
Không biết hằng ức hằng triệu người dân đó có
tôn phụng mình không. Ông hỏi các người chung
quanh (các cận thần), họ không biết ; hỏi những
người ở ngoài vô triều, họ cũng không biết ;
hỏi dân quê, dân quê cũng không biết. Ông bèn
cải trang vi hành ở Khang Cù (2), nghe thấy trẻ
con hát bài này :

(1) Theo truyền thuyết, vua Nghiêu là một minh
quân, nhân từ, giữ ngôi từ 2357 đến 2255, nước rất
thái bình. Ông không truyền ngôi cho con mà truyền
cho một người hiền trong nước là ông Thuấn, ông
này giữ ngôi từ 2255 đến 2233. Đạo Khổng trước hết,
rồi tới đạo Lão, đạo Mặc và cả các Pháp gia đều coi
Nghiêu, Thuấn là những ông vua kiểu mẫu, những
bậc thánh. Mỗi phái đều đề cao chính trị của hai
ông đó theo chủ trương của mình.

(2) Khang cù có nghĩa là đường lớn đưa đi khắp
nơi.

Nuôi khắp dân ta
 Đều là công lớn của người ; (1)
 Dân chẳng biết gì cả
 Chỉ theo mệnh trời (2).

Vua Nghiêu mừng lắm, hỏi :

— Ai dạy các con hát bài đó ?

Chúng đáp :

— Quan đại phu dạy chúng con.

Vua Nghiêu tìm hỏi quan đại phu, quan đại phu đáp :

— Đó là một bài thơ cổ.

Vua Nghiêu trở về cung, vời ông Thuấn lại, nhường ngôi cho (3). Ông Thuấn nhận.

TRUYỀN THUYẾT VỀ TRỜI ĐẤT V I

(Chúng tôi bỏ nửa trên đại ý Hạ Cách đáp vua Thang rằng vũ trụ vô cùng vô tận ; mà bắt đầu dịch từ : « Thang hựu vấn : Tứ hải chi ngoại.. »)

Vua Thang(4) lại hỏi (quan đại phu Hạ Cách):

(1) Trương Trầm chú giải là : khiến cho vạn vật đạt được cực (thiện).

(2) B.G. dịch là « theo mệnh nhà vua ».

(3) Có nghĩa là công thành rồi thì thân thoái.

(4) Ông vua đã diệt vua Kiệt mà chấm dứt nhà Hạ, mở đầu nhà Thương (1766-1753).

— Ở bên kia bốn bề có gì không ?

Hạ Cách đáp :

— Cũng như ở Tề Châu (tức Trung Quốc) này vậy.

— Lấy gì làm bằng cứ ?

— Tôi đã đi về phía đông, tới nước Dinh (1) nhân dân ở đó cũng như ở đây ; hỏi người ở đó về phía đông nước Dinh ra sao, họ đáp cũng như ở nước Dinh ; tôi đi về phía tây, tới nước Bân (2), nhân dân ở đó cũng như ở đây, hỏi người ở đó về phía tây nước Bân ra sao, họ đáp cũng như ở nước Bân. Cho nên tôi cho rằng bên kia tứ hải (bốn bề), tứ hoang (bốn cõi hoang), tứ cực, (bốn cõi cùng cực) (3) cũng không khác gì ở đây.

Cho nên cái lớn trùm cái nhỏ, không có cùng

(1) Nước Dinh đó ở vào khoảng Liêu Ninh Triều Tiên ngày nay.

(2) Nước Bân ở vào khoảng Thiểm Tây ngày nay.

(3) Sách Nhĩ Nhã có kể tên những dân tộc hoặc những nước ở chỗ mà người Trung Hoa thời đó gọi là «tứ hải», «tứ hoang», «tứ cực» «đông cực, tây cực, nam cực, bắc cực», chúng tôi nghĩ không cần chép lại.

cực. Cái bao trùm vạn vật, cũng là cái bao trùm trời đất. Bao trùm vạn vật, trời đất, cho nên không có cùng cực. Nhưng làm sao tôi biết được ở ngoài trời đất của chúng ta có một trời đất lớn hơn nữa không ? Điều đó ngoài sự hiểu biết của tôi.

Nhưng trời đất cũng là «vật», mà đã là vật thì không hoàn toàn, cho nên hồi xưa bà Nữ Oa luyện đá ngũ sắc để vá chỗ khuyết của trời, chặt chân của con ngao (1) để chống đỡ tứ cực. Về sau họ Cung Công tranh nhau ngôi Hoàng đế với Chuyên Húc (2), giận mà đạp núi Bất Chu, làm gãy mất cái trụ đỡ trời, đứt mất dây cột đất, cho nên trời mới nghiêng về phía tây bắc, và mặt trời mặt trăng, các ngôi sao chạy về phía đó ; còn đất thì khuyết ở phía đông nam, cho nên trăm sông lớn sông nhỏ đều đổ về phía đó.

NHỮNG CÁI LẠ TRONG VŨ TRỤ V₂

(Thang hựu vấn : Vật hữu cự tế hồ ?)

Vua Thang lại hỏi :

(1) Ngao là con ba ba rất lớn.

(2) Chuyên Húc : vua thời thượng cổ, cháu vua Hoàng Đế (2514-2436).

— Các vật có lớn nhỏ, dài ngắn, giống nhau khác nhau không ?

Hạ Cách đáp :

— Ở phía đông Bột Hải (1), không biết bao nhiêu ức vạn dặm, có một cái vực lớn, không đáy, gọi là Qui Khư. Tất cả nước ở bát hoành, cửu dã (2), tất cả nước ở Ngân hà đều chảy vào đó mà mực nước không lên không xuống. Giữa (3) có năm ngọn núi : Đại Dư, Viên Kiệu, Phương Hồ, Doanh Châu và Bồng Lai. Chu vi chân núi là ba vạn dặm, đỉnh núi bằng phẳng, chu vi chín ngàn dặm ; núi nọ cách núi kia bảy vạn dặm, mà như hàng xóm với nhau (4). Lâu đài trên núi đều bằng vàng ngọc ; các cầm thú đều màu trắng, các cây quý (5) đều sum suê, hoa quả đều thơm ngon, ăn vô thì trường sinh bất tử. Người ở trên

(1) Bột Hải, cái vịnh nằm ở trong khoảng từ khoảng bán đảo Liêu Đông, tới bán đảo Sơn Đông.

(2) Bát hoành cũng nghĩa như bát cực, tám góc cực xa. Cửu dã tức tám phương và trung ương — Chỉ nên hiểu là tất cả các nước dưới gầm trời.

(3) Có lẽ nên hiểu là ở giữa cái khoảng từ cái vực đó tới Trung Quốc.

(4) Nguyên văn : dĩ vi lân cư yên, B.G. không dịch

(5) Nguyên văn là châu, can, trở những thứ ngọc.

những núi đó đều là hạng tiên, thánh, sáng tối họ bay đi thăm nhau, nhiều không thể kể được. Mới đầu năm ngọn núi đó không dính vào đáy biển, thường trôi nổi, theo thủy triều mà lên xuống, không tạm đứng yên được ; các vị thánh tiên bất mãn, phản nản với Thượng Đế.

Thượng Đế sợ những ngọn núi đó trôi về tây cực, không có chỗ ở cho các vị thánh tiên, ra lệnh cho thần Ngu Cương (1) sai mười lăm con ba ba lớn ngóc đầu lên đội núi, chia nhau làm ba đoàn (2), cứ sáu vạn năm lại thay phiên nhau, từ đó năm ngọn núi mới đứng yên mà không lắc lư nữa.

Nhưng một hôm có một người khổng lồ ở nước Long Bá(...) (3) lại gài năm cái núi đó mà câu một lần được sáu con ba ba, vác trên lưng đem về, đốt mai để bói. Do đó mà hai ngọn Đại Dư và Viên Kiệu trôi về phía bắc cực, chìm xuống biển lớn, các tiên thánh tản mác đi có tới số ức. (?)

(1) Vị thần ở Tây Bắc, sai khiến các rùa thần.

(2) Mỗi đoàn 5 con, chia nhau mỗi con đội một trái núi.

(3) B.G. bỏ sáu chữ : «cử túc bất danh sở thiên», không dịch. Các sách đều không chú giải, chúng tôi cũng không hiểu nghĩa gì.

Thượng Đế nổi giận, thu hẹp nước Long Bá lại, và làm cho dân nước đó nhỏ con lại, nhưng tới đời Phục Hi, Thần Nông, người nước đó vẫn còn cao vài chục trượng.

Ở phía đông, cách Trung Châu (tức Trung Hoa) bốn chục vạn dặm, có nước Tiêu Nghiêu, người cao một thước năm tấc, ở góc đông bắc, có giống người tên là Trách, cao chín tấc (1).

Ở phía nam nước Kinh (tức nước Sở) có cây minh linh (2), mùa xuân là năm trăm năm, mùa thu là năm trăm năm. Thời thượng cổ có cây xuân lớn, mùa xuân là tám ngàn năm, mùa thu là tám ngàn năm. Trên đất thối có thứ nấm sáng sinh chiều chết. Mùa xuân và mùa hè có loài mông nhuế sinh ra trong lúc mưa và trời nắng lên thì chết (3).

Ở phía bắc Chung Bắc có một cái biển gọi

(1) Đó là những người lùn, ta nên nhớ thước (xích) Trung Hoa thời đó bằng một gang tay (theo Wiegner), vậy một thước rưỡi thời đó chỉ bằng khoảng 3 tấc tây, mà chín tấc chưa bằng hai tấc tây.

(2) B.G. dịch minh linh là loài ma quỷ của cõi âm.

(3) Có lẽ là loài mối ở xứ ta, cứ đầu mùa mưa thì bay ra.

là ao trời, biển đó có loài cá chiều ngang là mấy ngàn dặm, chiều dài xứng với chiều ngang, gọi là con cá côn ; có loài chim gọi là chim bằng, cánh như đám mây rủ ở trên trời, thân mình cũng xứng với cánh. Người đời đâu biết được những vật đó. Vua Đại Vũ (1) đi tới nơi mà thấy được, ông Bá Ích biết những loài đó mà đặt tên cho, ông Di Kiên (2) nghe nói mà ghi lại.

Ở cái khoảng giữa sông Giang và sông Phổ, có loài trùng rất nhỏ gọi là con tiêu minh, bay từng đoàn rồi đáp xuống lông mi mắt con muỗi mà không chạm nhau. Chúng ở nhờ, đi đi lại lại mà con muỗi không hay ; những người mắt cực sáng như Li Chu, Tử Vũ (3) giữa ban ngày, dụi mắt giương mi cổ nhìn mà cũng không thấy ; những người tai cực thính như Đệ Du, Sư Khoáng (4) giữa đêm (tĩnh mịch) cúi đầu lắng nghe mà cũng không thấy tiếng của chúng. Chỉ có vua

(1) Ông vua khởi nghiệp nhà Hạ (2205-2197). Cõi bài VII 12.

(2) Bá Ích, Di Kiên là những nhà bác học thời đó

(3) Li Chu ở thời Hoàng Đế, Tử Vũ cũng ở thời thượng cổ

(4) Sư Khoáng là nhạc sư của một ông vua nước Tấn

Hoàng Đế với ông Dung Thành tử ở trên núi Không Đông, cùng trai giới ba tháng, lòng như tắt, hình hài tiêu tụy, mới lần lần dùng tinh thần mà thấy rõ chúng lù lù như sườn núi Tung Sơn (1), lần lần dùng cái khí mà nghe thấy tiếng âm âm như sấm sét.

Nước Ngô và nước Sở có một loại cây lớn tên là cây dữu, lá xanh biếc, mùa đông mới nở hoa, trái đỏ và vị chua, vỏ nó trừ được bệnh sốt rét cơn. Người Tề Châu quý cây đó lắm, đem nó trồng ở phía bắc sông Hoài, nhưng nó biến tính đi mà thành cây chi (2). Loài cù dục (3) không vượt được sông Tề, loài hạc (4) vượt sông Ván thì chết, đó là do khí hậu vậy.

Các loài, tuy hình, khí khác nhau, nhưng đều được bẩm thụ cái tính riêng của trời đất, không thay đổi lẫn nhau; đời sống của mỗi loài đều hoàn toàn, thỏa mãn về phận của mình. Làm sao biết

(1) Một trong đám gồm năm núi (ngũ nhạc) danh tiếng ở Trung Hoa.

(2) Ta thường dịch là cây quít.

(3) Có lẽ là loài yềng, tập nói được tiếng người.

(4) Tựa như con cầy, mũi dài và nhọn, cũng gọi là con mạch (tapir). Không phải chim hạc.

được thế nào là lớn và nhỏ, là dài và ngắn, là giống nhau và khác nhau.

NGU CÔNG SAN NÚI V 3
(Thái Hình, Vương Ốc nhị sơn)

Hai ngọn núi Thái Hình và Vương Ốc (1) rộng bảy trăm dặm vuông, cao vạn nhần (2), xưa kia vốn ở phía nam Kí Châu và phía bắc Hà Dương (3). Ở gần Bắc Sơn, có ông Ngu Công (4), tuổi đã chín mươi, nhà đối diện với núi, bức mình rằng núi chắn lối, sự giao thông với miền ngoài hóa ra xa xôi bất tiện. Ông bèn hội họp con cháu trong nhà bảo :

— Ta với các con tận lực san bằng núi đó để có đường đi thẳng ra Dự Nam, tới Hán Âm (5), được không ?

(1) Núi Thái Hình tức núi Thái Hàng. Núi đó với núi Vương ốc nay ở Hà Nam.

(2) Một nhần là tám thước.

(3) Kí Châu nay ở Sơn Tây và Hà Bắc. Hà Dương nay ở Hà Nam.

(4) Ngu Công nghĩa là ông già ngu.

(5) Dự Nam ở phía nam Dự Châu. Hán Âm ở phía bắc sông Hán, nay ở Hồ Bắc.

Mọi người đều bằng lòng, duy có bà vợ tỏ ý nghi ngờ :

— Sức ông không san nổi ngọn đồi Khôi Phủ (1), làm sao san nổi núi Thái Hình và núi Vương Ốc ? Với lại san rồi, đem đất, đá đổ vào đâu ?

Những người khác đều đáp :

— Đổ xuống ở phía cuối Bột Hải, phía bắc Ân Thồ (2).

Thế rồi ông lão sai ba người con cháu đập đá, đào đất, đổ vào sọt, đội vác, khiêng lại đổ ở phía cuối Bột Hải. Một quả phụ (chồng tên là Kinh Thành), ở gần đó, có một đứa con trai mới thay răng sữa, cũng lại tiếp tay, tới hết đông, qua hè mới trở về nhà.

Ông lão Trí Tàu (3) ở Hà Khúc hay tin, chế nhạo và ngăn cản :

— Sao mà ngu thế ! Già nua, yếu đuối như vậy, không nhờ được một cọng cỏ trên núi, mà đòi san bằng đất với đá.

(1) Một ngọn đồi nhỏ.

(2) Theo Hoài Nam tử, Ân Thồ ở Đông Bắc Trung Hoa.

(3) Trí Tàu nghĩa là ông già sáng suốt, khôn.

Ông Ngu Công ở Bắc Sơn, thở dài, đáp :

— Chú thật vô tình, lòng không sao chuyển được, không bằng người đàn bà góa và đứa bé yếu ớt này. Tôi chết thì còn con tôi, con tôi lại sinh cháu, cháu tôi lại sinh chắt, chắt tôi lại sinh con, con nó lại sinh cháu ; con con cháu cháu, sinh hoài bất tuyệt, không lúc nào thiếu người, mà núi kia thì cứ như vậy chứ không tăng, vậy lo gì không san phẳng được ?

Ông Trí Tàu ở Hà Khúc không biết đáp sao.

Vị thần chỉ huy loài rắn (1) hay chuyện đó, sợ việc san núi không thành, tâu với Thượng Đế. Thượng Đế cảm động vì lòng thành của Ngu Công, sai hai người con của thần Khoa Nga đội hai trái núi đó, đặt một trái ở Sóc Đông, một trái ở Ung Nam. Từ đó ở phía nam Kì Châu và ở phía bắc Hà Dương Âm không còn ngọn núi nào ngăn cản bộ hành nữa.

KHOA PHỦ V 4

(Khoa Phủ bất lượng lực)

Khoa Phủ không tự lượng sức, muốn đuổi

(1) Theo truyền thuyết Trung Hoa, các thần núi, biển đều chỉ huy loài rắn.

bắt bóng mặt trời. Đuổi tới biên giới Ngung Cốc (1), khát quá, xuống uống nước sông Hà, sông Vị (2). Uống cạn hai sông đó mà chưa đã khát, Khoa Phủ muốn lên phương Bắc uống nước ở cái đầm lớn, giữa đường vì khát quá mà chết, để lại cây gậy. Gậy thấm đầy thịt xương tan rữa của ông mà đâm rễ, lá thành rừng Đặng, rừng này rộng mấy ngàn dặm.

MỘT NƯỚC THIÊN ĐƯỜNG V 6

(Vũ chi trị thủy thổ dã)

Hồi ông Vũ (1) đắp đập đào sông, có lần lạc đường, tới một nước ở bờ phía bắc Bắc Hải, không biết là cách Tề Châu mấy vạn dặm. Nước đó tên là Chung Bắc (2), không biết ranh giới tới đâu, không có gió mưa, không có sương, giá, không có các loài cầm thú, trùng, cá, cây cỏ, bốn

(1) Cũng gọi là Ngu Uyên, theo truyền thuyết là chỗ mặt trời lặn.

(2) Hà là sông Hoàng Hà, Vị là một con sông ở Thiểm Tây.

(3) Vua Vũ, sáng lập nhà Hạ, hồi còn làm bề tôi vua Thuấn, được vua Thuấn giao cho việc khai thông sông, đầm cho khỏi lụt.

(4) Nghĩa là ở tận cùng phương Bắc.

phương bằng phẳng, chỗ nào cũng là bình nguyên cao. Ở giữa nước đó có một ngọn núi gọi là Hồ Linh, coi như cái lọ, đỉnh núi có miệng như cái vòng tròn, gọi là « lỗ nước », nước ở trong phun ra, gọi là Suối thần. Nước thơm hơn là hương lan, hồ tiêu, vị ngon hơn là rượu « lao », rượu « lê », (1) một nguồn chia làm bốn dòng suối chảy xuống chân núi, rồi chảy qua khắp nước, không miền nào không tới. Khí đất ẩm áp, không sinh ra bệnh dịch. Dân chúng nhu thuận, có tính hay thỏa hiệp, không ganh đua ; lòng hiền hòa, cơ thể mềm mại, không kiêu căng không hiềm kị, già trẻ ở chung với nhau, không có vua, không có bề tôi. Đàn ông đàn bà ở lẫn lộn với nhau, không có mai mối, cưới gả. Họ ở theo bờ sông, không cấy không cấy. Khí hậu ẩm áp, nên họ không dẹt, không bận quần áo. Họ sống trăm tuổi rồi chết, không ai đau ốm, không ai chết yếu, dân số tăng lên vô kể. Ai cũng sung sướng, vui vẻ, không ai suy nhược già nua, buồn rầu đau khổ. Họ thích đàn hát, nắm tay nhau mà ca hát suốt ngày không dứt. Khi đói, mệt, họ uống nước Suối thần, và sức mạnh cùng tinh thần lại phục hồi ; nếu

(1) Hai thứ rượu ngon ngọt nhất.

uống quá thì say, mười ngày sau mới tỉnh. Họ tắm nước «suối thần», da dẻ tươi nhuận, mười ngày sau hương thơm mới hết.

Vua Chu Mục vương đi chơi lên phương Bắc, tới nước đó, ba năm quên về. Khi trở về cung điện, nhớ nước đó quá, rầu rĩ như mất hồn, không buồn ăn uống, không gần cung tần, mấy tháng sau mới nguôi.

PHONG TỤC CÁC XỨ LẠ V 7

(Cắt bỏ một đoạn đầu đại ý Qnản Trọng rủ Tề Hoàn Công đi chơi các nước ở Liêu Khẩu, Thấp Bằng can. Bắt đầu dịch từ « Nam quốc chi nhân bị phát như khóa ».)

Dân các nước phương Nam cắt tóc và khóa thân, người các nước phương Bắc chít khăn và bận áo lông, người Trung Quốc đội mũ và bận áo dài (...)

Ở phương đông nước Việt có nước Vinh (1)

(1) Chữ Hán gồm bộ xa (xe) bên trái và chữ vinh (lâu dài) bên phải, không sách nào trở cách đọc, Từ Hải, Từ Nguyên đều không ghi.

Mộc, khi sanh đứa con đầu lòng thì người ta xẻ ra mà ăn thịt, bảo như vậy có lợi cho những đứa sau ; hễ ông mà mất thì con cháu công bà đem bỏ ở một nơi xa, bảo không thể ở chung với vợ của quí (người đã chết) được.

Ở phía nam nước Sở, có nước của những người Viêm (1), khi cha mẹ mất thì cắt lấy thịt liệng đi, còn xương thì đem chôn, như vậy mới là báo hiếu.

Ở phía Tây nước Tần có nước Nghi Cừ, cha mẹ chết thì chắt củi mà thiêu, khói bốc lên, họ bảo là cha mẹ « lên cõi xa », như vậy mới là báo hiếu.

Những thói đó, người trên (ở các nước đó) cho là hợp pháp, người dưới cho là hợp tục, không lấy làm lạ.

(1) Viêm là nóng. Viêm nhân là người xứ nóng.

Chương này có lợi cho các nhà nhân chủng học, xã hội học vì các truyền thuyết ấy không phải hoàn toàn vô bằng cứ.

CHƯƠNG VI

CỐ SỰ VÀ NGỤ NGÔN

HAI CÁCH ĂN TRỘM 113

(Tề chi Quốc thị đại phú)

Một người họ Quốc ở nước Tề rất giàu ; một người họ Hường ở nước Tống rất nghèo, từ Tống qua Tề hỏi người kia về thuật làm giàu. Người họ Quốc bảo :

— Tôi giàu vì khéo ăn trộm. Làm nghề ăn trộm, năm đầu tôi đủ ăn, năm thứ nhì tôi phong lưu, năm thứ ba tôi giàu lớn, từ đó trở đi tôi lần lần mua được hết vườn ruộng trong miền.

Người họ Hường rất mừng. Anh ta biết rằng phải ăn trộm, nhưng không hiểu cách ăn trộm ra sao. Thế rồi anh ta leo tường vào lén nhà người ta, thấy cái gì, đụng cái gì vơ vét hết cái đó, không bao lâu bị bắt, xử tội, tịch thu luôn cả những của cải tích lũy từ trước.

Người họ Hường cho rằng người họ Quốc gạt mình, lại ngỏ lời trách oán. Người họ Quốc hỏi :

— Anh ăn trộm cách nào ?

Người họ Hường kể lại cách ăn trộm của mình. Người họ Quốc bảo :

— Ôi ! Sao mà anh lăm về cách ăn trộm tới mức đó. Nay, để ta giảng cho anh nghe. Ta nghe nói trời có bốn mùa, đất có huê lợi, ta ăn trộm thời tiết của trời, huê lợi của đất, sự ẩm ướt thấm nhuần của mây mưa, sản phẩm của núi trảm, để cho lúa của ta mọc, rồi chín mà gặt, để xây tường, dựng nhà mà ở. Ở trên đất, ta ăn trộm các loài cầm thú, ở dưới nước ta ăn trộm các loài cá, rùa, không thứ gì ta không ăn trộm. Lúa má, đất gồ, cầm thú, cá rùa, đều là do trời sinh cả, đâu có phải của ta, nhưng ta ăn trộm của trời thì không

bị tai họa. Còn như vàng ngọc, châu báu, thức ăn, vải lụa, hóa phẩm, là của người ta làm ra, chứa lại, đâu phải là của trời cho ; ăn trộm của người ta thì bị tội, còn oán ai nữa ?

Họ Hương rất hoang mang, cho rằng họ Quốc gạt mình lần nữa, gặp ông Đông Quách, đem ra hỏi lại. Ông Đông Quách bảo :

— Anh dùng cái thân thể của anh, chẳng phải là ăn trộm ư ? Anh ăn trộm sự điều hòa của âm dương để thành sinh lực của anh, thành hình hài của anh ; thân anh còn vậy, huống hồ là ngoại vật, có vật nào mà anh không ăn trộm ? Thực ra trời đất, vạn vật không rời nhau ra, phân biệt ra để chiếm hữu các vật đó, đều là lầm lẫn. Cách ăn trộm của họ Quốc, là cách « chung », cho nên không bị tai họa ; còn cách ăn trộm của anh là « riêng », cho nên bị tội. Tuy phân biệt chung và riêng, nhưng đều là ăn trộm cả. Dù không theo hai cách chung và riêng đó thì cũng vẫn là ăn trộm (1). Cái đức (đạo, luật) của trời đất là cái gì cũng có thể là chung được, cái gì cũng có thể là riêng

(1) Nghĩa là nội cái việc sống cũng đã là ăn trộm sự sống của trời đất rồi, cho nên không muốn ăn trộm cũng là ăn trộm.

được; biết được cái đức của trời đất thì thế nào là ăn trộm, thế nào không phải là ăn trộm ? (1)

HỀ TIN THÌ LÀM GÌ CŨNG ĐƯỢC II 6

(Phạm Thị hữu tử viết Tử Hoa)

Phạm Thị có một người con tên là Tử Hoa khéo gây tiếng tốt, trong nước ai cũng phục, được vua Tấn tin cậy, tuy không có chức vụ gì mà được ngồi bên phải ba vị khanh (2).

Tử Hoa thích ai thì người đó được vua ban tước liền, chê ai thì kẻ đó bị truất liền. Được lui tới tư dinh ông ta thì cũng như được ra vô triều đình.

Tử Hoa xúi bày cho bọn hiệp khách (3) trong nhà tranh nhau về trí ngu, về mạnh yếu, dù có kẻ bị thương tích trước mắt, ông cũng thản nhiên, suốt ngày đêm lấy trò đó làm vui, cơ hồ thành cái tục trong nước.

(1) Ý nói : mọi vật đều do tự nhiên, không phân biệt chung và riêng, thì còn phân biệt ăn trộm với không ăn trộm làm gì.

(2) Ba đại thần cũng như chức thượng thư đời sau.

(3) Tử Hoa nuôi khách trong nhà để gây tiếng tốt cho mình.

Hòa Sinh và Tử Bá là hai thượng khách của ông ta, đi ra ngoài cõi, trọ ở nhà một nông dân già tên là Thương Khâu Khai. Ban đêm, hai người đó nói với nhau về uy danh của Tử Hoa, có thể làm cho kẻ sống phải chết, kẻ chết được sống lại, kẻ giàu hóa nghèo, kẻ nghèo hóa giàu. Ông lão Thương Khâu Khai nghèo đói quần bách, nép ở cửa sò nghe lóm được, chuẩn bị lương thực, xếp vào giỏ, lại nhà Tử Hoa.

Bọn đàn em của Tử Hoa đều là hạng gia thế, bạn đồ lựa, ngồi xe đẹp. Họ ung dung bước tới, ngó ngang ngó ngửa, liếc thấy Thương Khâu Khai tuổi đã già, sức đã suy, mặt mũi sạm nắng, mũ áo lôi thôi, (...) (1), tỏ vẻ khinh bỉ, nhạo báng, xô đẩy, lôi kéo, làm tình làm tội ông già đủ thứ. Thương Khâu Khai không tỏ vẻ bức mình và bọn đó đùa giỡn riết rồi chán.

Rồi họ cùng với Thương Khâu Khai lên một cái đài cao, một người trong bọn nói đùa:

(1) Chúng tôi bỏ bốn chữ « 莫不識之 », không hiểu nghĩa gì. Trương Trâm chỉ phiên âm chữ 莫 là « nách » mà không giải nghĩa. Từ Hải phiên âm là « điệp », nghĩa là yên ổn, nghĩa đó không hợp với đoạn này. Từ Nguyên và Khang Hi tự điển đều không có. B.G. không dịch.

— Ai mà dám nhảy xuống dưới đất thì ta thưởng cho trăm lượng vàng. (1)

Mọi người đều tán thành. Thương Khâu Khai tin là thật, nhảy xuống đầu tiên. Thân thể ông như chim bay, đáp nhẹ xuống đất, xương thịt không bị thương gì cả. Bọn Phạm Thị cho là chuyện may mắn ngẫu nhiên, chưa phải là quái dị. Dịp khác, họ trở một chỗ sâu tại một khúc sông bảo dưới đó có châu bảo, xuống mò sẽ được. Thương Khâu Khai lại tin, lặn xuống, rồi nổi lên, quả nhiên vớt được châu bảo. Lúc đó mọi người mới bắt đầu nghi (có phép lạ nào đó), Tử Hoa mới ra lệnh đái ông già vào hạng thượng khách, được ăn thịt và bận đồ tơ lụa.

Chẳng bao lâu, kho của Phạm thị cháy lớn, Tử Hoa bảo ông già:

— Ông vô đám cháy khuôn ra được các găm vóc thì tôi sẽ tùy nhiều ít mà thưởng ông.

Thương Khâu Khai nhảy vô đám cháy, nét mặt thản nhiên, đi đi lại lại trong lửa rực, không bị khó chịu vì tro bụi, thân thể không bị bỏng.

(1) Bách Kim. Chữ *kim* này trở một đơn vị tiền tệ, có thể là một cân, một dật (24 cân), một lượng, một đồng tiền; lại có thể là vàng, là bạc hay là đồng.

Bọn Phạm thị cho rằng ông già đó «đắc đạo», xin lỗi ông :

— Chúng tôi không biết ông đắc đạo, có ý lừa gạt ông. Chúng tôi không biết ông là bậc thần nhân mà muốn làm nhục ông. Xin ông coi chúng tôi như bọn ngu, đĩc, đui, và dạy cho chúng tôi đạo của ông.

Thương Khâu Khai đáp :

— Tôi có cái đạo nào đâu. Chính lòng tôi cũng không biết sao lại được như vậy, nhưng có điều này tôi muốn cho các ông hay.

Hôm trước, hai ông khách lại tá túc trong nhà tôi, tôi nghe hai ông ấy khen uy thế của họ Phạm, có thể làm cho kẻ sống phải chết, kẻ chết sống lại, kẻ giàu hóa nghèo, kẻ nghèo hóa giàu, tôi thành tâm tin thực, nên không ngại xa mà lại đây. Lại đây, tôi tin mọi lời của các ông là đúng. Tôi chỉ sợ lòng tôi không thực chân thành, hành vi của tôi không xứng đáng, mà không nghĩ an hay nguy cho thân tôi, lợi hay hại cho tôi. Tôi chỉ nhất tâm, nhất niệm, cho nên vật không làm trở ngại cho tôi. Chỉ có vậy thôi. Bây giờ tôi mới biết rằng các ông muốn gạt tôi thì trong lòng tôi sinh ra nghi ngờ, lo sợ, nghe thấy, trông thấy cái gì là đâm ngại.

Nhớ lại hôm trước thoát chết đuối, chết cháy, tôi hoảng hốt, lo sợ, bưng bưng trong lòng. Từ nay tôi đâu dám lại gần nước và lửa nữa.

Từ hôm đó, bọn đàn em Phạm thị gặp ăn mày hay hạng thú y (1) ở ngoài đường, không dám làm nhục họ nữa, mà còn xuống xe vái là khác.

Tề Ngã (2) nghe chuyện đó, kể lại với Trọng Ni. Trọng Ni bảo :

— Anh có biết không ? Con người cực thành tín thì có thể cảm động được vạn vật, trời đất, quỷ thần, vượt sáu cõi (3) mà không gì ngăn được, chứ nào phải chỉ vô được chỗ nguy hiểm, vô nước, lửa mà thôi đâu. Ông Thương Khâu Khai tin lời gạt của bọn đó mà nước, lửa còn không làm hại ông được, huống hồ là hai bên cùng chân thành cả (thì việc gì mà không làm được ?). Các con nên nhớ điều đó.

(1) Hạng này xưa bị khinh rẻ, tiếng Trung Hoa gọi là « mã y », thầy lang ngựa.

(2) Môn đệ của Khổng Tử, tên là Tề Dư, tên tự là Ngã có khẩu tài, làm quan đại phu nước Tề, phải tội, bị giết cả ba họ.

(3) Lục hợp là trời đất (trên dưới), và bốn phương: đông, tây, nam, bắc.

CÁCH NUÔI THÚ DỮ II 7

(Chu Tuyên vương chỉ mục chính)

Viên quan mục súc của vua Tuyên vương nhà Chu có một người coi vườn thú tên là Lương Ương khéo nuôi các cầm thú rừng. Khi chú ta cho chúng ăn thì ngay những con hồ, chó sói, chim cắt, chim ngạc (1) cũng tỏ ra hiền. Mỗi cặp sinh đẻ thành bầy. Các giống khác nhau sống chung mà không cắn nhau, mổ nhau. Nhà vua sợ chú coi vườn đó chết đi, cái thuật nuôi cầm thú của chú cũng mất theo, sai Mao Khâu Viên học thuật đó. Lương Ương nói với Mao Khâu Viên :

— Công việc của tôi hèn mọn, có thuật gì truyền cho anh đâu. Tôi sợ nhà vua cho rằng tôi giấu nghề, nên tôi kể cho anh nghe cách tôi nuôi cọp. Bất kì loài nào, hễ thuận ý nó thì nó mừng, nghịch ý nó thì nó giận, tánh đó là tánh chung của loài có huyết khí. Vậy mừng hay giận có phải là vô cớ phát ra đâu ; (một con vật mà hóa dữ) thì luôn luôn là do ta phạm tới điều gì trái ý nó. Như nuôi cọp, tôi không dám cho nó ăn các con vật còn sống, vì nó sẽ vồ, giết con vật đó, mà nòi

(1) Loài chim có mỏ lớn, chân có màng, bắt tôm cá.

tánh hung dữ của nó lên. Tôi cũng không cho nó ăn trọn một con vật đã chết, vì nó sẽ xé xác con vật đó, mà nổi tánh hung dữ của nó lên. Tôi theo đúng giờ ăn, biết lúc nào nó đói, nó no ; tôi hiểu lí do khiến nó hung dữ mà theo ý nó. Cọp tuy không cùng loài với người, mà yêu người nuôi nó, chỉ vì người ta biết thuận ý nó ; nếu bị nó cắn chết thì chỉ tại làm trái ý nó (1). Cho nên tôi không dám làm trái ý nó, khiến cho nó nổi giận, mà cũng không theo bản năng của nó, kích thích nỗi vui của nó, vì vui hết rồi thì tất giận, giận hết rồi thì thường vui ; cả hai trường hợp đều không trung hòa (không quân bình).

Lòng tôi không muốn làm trái ý chúng cho chúng giận, kích thích chúng cho chúng vui, cho nên các loài cầm thú đều coi tôi như đồng loại của chúng. Cho nên chúng nhờn nhợt trong vườn mà không nhớ cảnh rừng cao, đầm rộng, ngủ trong sơn mà không đòi cảnh núi sâu hang thẳm. Lẽ tự nhiên như vậy.

(1) Đoạn nuôi cọp này có chép trong thiên Nhân gian thế của Trang tử, nhưng vẫn tốt hơn.

THUẬT LỘI TRONG NƯỚC II 9

(Không tử quan ư Lữ Lương)

Không tử ngấm thác nước ở Lữ Lương từ trên cao ba mươi « nhân » (1) đổ xuống, cuộn cuộn nổi bọt lên tới ba mươi dặm, ngay đến loài giải, ba ba, cá, kì đà, cũng không lội trong dòng đó được. Bỗng ông thấy một người đàn ông lội trong dòng, tưởng người đó có nổi khổ tâm mà muốn tự tử, bèn sai học trò đi theo bờ thác mà vớt. Nhưng thấy cách chỗ đó vài trăm bước, người đó nhoi lên bờ, vuốt tóc lại, vừa đi vừa hát ở chân đê.

Không tử đuổi kịp người đó, hỏi :

— Thác Lữ Lương từ trên cao ba chục « nhân » đổ xuống cuộn cuộn nổi bọt lên tới ba mươi dặm, ngay đến loài giải, ba ba, cá, kì đà cũng không lội trong dòng đó được. Mới đầu tôi thấy chú lội ở trong thác, tưởng chú có nổi khổ tâm mà muốn tự tử, sai học trò của tôi đi theo bờ mà vớt chú. Rồi chú nhoi lên, vuốt tóc lại, vừa đi vừa hát, ngờ chú là ma quỷ, lại gần coi kĩ

(1) Coi chú thích bài V 3.

thì thấy chú là người. Xin chú cho biết có cái «đạo» (thuật) gì để lợi trong nước không.

Người đó đáp :

— Không, tôi chẳng có đạo lợi nước nào cả. Mới đầu tôi tập lợi, lớn lên thành một bản tính, cuối cùng thành ra tự nhiên, gặp nước xoáy thì đề cho nó cuốn vô rồi lại đề nó đưa mình nổi lên, cứ theo cái «đạo» của nước, chứ không theo ý riêng của mình. Nhờ vậy tôi bơi lợi dễ dàng trong thác được.

Khổng Tử hỏi :

— Chú nói : «Mới đầu tôi tập lợi, lớn lên thành một bản tính, cuối cùng thành ra tự nhiên» là nghĩa làm sao ?

Đáp :

— Tôi sinh ở trên đất cao, thấy yên ổn ở trên đất, đó là bước đầu. Rồi tôi lớn lên ở trong nước, thấy yên ổn ở trong nước, như có bản tính sống dưới nước. Sau cùng tới lúc tôi không biết tại sao lại như vậy nữa, mà cho đó là điều tự nhiên (1).

(1) Truyện này có chép trong thiên Đạt sinh của Trang tử, Như chúng tôi đã nói trong thiên II phần I, truyện này được chép lại trong bài VIII 10, chỉ đoạn kết là thay đổi.

THUẬT BẮT VE SẦU II 10

(Trọng Ni thích Sờ)

Trên đường qua nước Sờ, ra khỏi một khu rừng, Trọng Ni thấy một người bắt ve sầu dễ dàng như nhặt vậy. Trọng Ni hỏi người đó :

— Ông bắt tài quá, có đạo (thuật) gì không ?

Đáp :

— Có, tôi có đạo bắt ve sầu. Trong năm sáu tháng tôi tập giữ sao cho hai viên đạn đặt trên đầu gậy không rớt xuống, lúc đó ít con ve sầu thoát được tay tôi (1). Khi để ba viên đạn trên đầu gậy mà không rớt thì mười con chỉ bắt hụt một con. Khi để năm viên đạn mà không rớt thì bắt chúng dễ như nhặt vậy. Tôi giữ cho thân thể lơ lơ như khúc cây, cánh tay như một cành khô ; chung quanh trời đất mênh mông, có biết bao nhiêu là vật mà tôi chỉ thấy cánh ve sầu thôi ; tôi không nhúc nhích một chút, có ai đòi đòi mọi vật để lấy cánh ve sầu, tôi cũng không đòi. Như vậy làm sao không bắt được chúng ?

(1) Người ta dùng nhựa dính bôi vào đầu gậy, chấm vào cánh ve sầu là bắt được nó.

Khổng tử quay lại bảo học trò :

— Tập trung tinh thần đừng cho phân tán thì không khác gì bậc thần, tức như ông lão này vậy (1).

Ông lão đó bảo :

— Thầy là hạng (quần dài) áo rộng (2), biết gì mà nói vậy ? Hãy sửa cái đạo (dùng nhân nghĩa) của thầy đi, (cho nó trở về đạo tự nhiên) rồi hãy nói như vậy.

MỘT CÁCH GẠT KHÍ II 19
(Tổng hữu thư công giả)

Nước Tống có một người khéo nuôi khí. Ông ấy yêu khí, nuôi được một bày khí, hiểu ý chúng mà chúng cũng hiểu ý ông. Ông giảm khẩu phần trong nhà đi để khí được ăn đầy đủ, nhưng gặp năm đói kém, thiếu thốn, ông đành phải hạn chế phần ăn của chúng. Sợ chúng phản kháng, mới đầu ông nói gạt chúng như vậy :

(1) Truyện này có chép trong thiên Đạt sinh của Trang tử.

(2) Ý nói : bọn nhà Nho, cũng như ta nói bọn thầy đồ.

— Tao cho chúng bay ăn hạt dẻ, sáng ba, chiều bốn, đủ không ?

Chúng đều nổi giận không chịu. Rồi ông bảo :

— Thế thì cho chúng bay sáng bốn, chiều ba, đủ không ?

Chúng đều phủ phục xuống, mừng lắm.

Các sinh vật khôn và dại, gặt nhau đều như vậy cả. Thánh nhân dùng trí mà gặt bọn dân ngu, cũng như người nuôi khí đó dùng trí mà gặt khí. Số hạt dẻ không hề đổi, mà khiến cho bày khí trước giận sau vui. (1).

TRỞ VỀ CỐ HƯƠNG III 10 (Yên nhân sinh ư Yên)

Một người nước Yên, sanh ở nước Yên, lớn lên ở nước Sở, tuổi già, trở về cố quốc. Khi đi qua nước Tấn, một người đồng hành gặt ông ta, trở thành (của nước Tấn) bảo :

— Thành nước Yên đấy.

Ông già đó cảm động, rầu rĩ.

(1) Truyện này có chép trong thiên Tề vật luận của Trang tử.

Người kia lại trở nền xã (1), bảo :

— Nền xã của tổ quốc bác đấy.

Ông già thở dài, bùi ngùi.

Lại trở một ngôi nhà bảo :

— Nhà của các cụ hồi trước đấy.

Ông già rũ rượi, nhỏ lệ.

Lại trở mấy năm mồ :

— Mồ của các cụ đấy.

Ông già khóc mướt.

Người kia cười rộ, bảo :

— Tôi gạt bác đấy, đây mới là nước Tấn mà.

Ông già mặc cỡ. Khi về tới nước Yên, thấy chính thành quách, nền xã của Yên, thấy chính nhà cửa, mồ mả của tổ tiên, thì lòng bi cảm của ông kém nhiều rồi.

KHÔNG TỬ XÉT CÁC MÔN SINH IV 4

(Tử Hạ vấn Không tử)

Tử Hạ (2) hỏi Không tử :

(1) Chỗ tế thần đất.

(2) Tên là Bốc Thương, đốc tín, cần thủ, hay bàn về những điều tinh vi.

— Nhan Hồi (1) là người ra sao ?

Không tử đáp :

— Hồi hơn ta về đức nhân.

Tử Hạ lại hỏi :

— Tử Cống (2) là người ra sao ?

— Tử biện thuyết giỏi hơn ta.

Tử Hạ lại hỏi :

— Tử Lộ (3) là người ra sao ?

— Do dũng cảm hơn ta.

Tử Trương (4) là người ra sao ?

— Sư trang nghiêm hơn ta.

Tử Hạ bèn đứng dậy hỏi :

— Vậy thì tại sao bốn anh đó phải học thầy ?

Không tử đáp :

— Ngồi xuống, ta giảng cho nghe. Hồi có

(1) Cõi chủ thích bài IV 1:

(2) Tên là Đoan Mộc Tử, có tài biện thuyết, thích buôn bán.

(3) Tên là Trọng Do, cũng có tên là Quí Lộ, giỏi binh bị, tính quả cảm, cương trực.

(4) Tên là Chuyên Tôn Sư, tính ung dung, nhún nhường.

đức nhân nhưng không biết quyền biến (1). Tứ có tài biện thuyết mà không biết giữ lời, Do dũng cảm mà không biết có lúc nên nhát, Sư trang nghiêm mà không biết hòa đồng với người. Đòi cái của ta (2) để lấy những đức của bốn anh đó thì ta không đòi. Vì vậy bốn anh đó phải một mực (3) thờ ta làm thầy (4).

KHÔNG BIẾT MÌNH LÀ THÁNH IV 8

(Long Thúc vị Văn Chí)

Long Thúc bảo Văn Chí (5) :

(1) Nguyên văn : *bất năng phản* ; có sách dịch là không biết nghĩ lại. B.G. dịch là không biết tranh luận. Nhưng có sách lại bảo chữ *phản* đó chính là chữ *nhân* (: nhận) in nhầm.

(2) Tức thái độ « vô khả, vô bất khả ».

(3) Nguyên văn : *thử kì sở dĩ sự ngộ nhi bất nhị dã*. Đường Kinh Cảo chú thích *bất nhị* là không có lòng ngờ gì cả. B.G. dịch là : không thờ một người nào khác. Có sách lại dịch là không có hai lòng.

(4) Truyện này chép đúng như vậy trong *Không từ gia ngữ*.

(5) Văn Chí là một thần y thời cổ, có sách nói là ở thời Chiến Quốc, đã trị bệnh cho Tề Uy vương; có sách nói là ở thời Xuân Thu, đã trị bệnh cho Tề Văn dương, làm cho Văn vương nổi giận mà hết bệnh.

— Y thuật của ông thật huyền diệu ! Tôi bị một bệnh, ông trị cho được không ?

Văn Chí đáp :

— Xin vâng, nhưng ông cho biết bệnh gì đã.

Long Thúc đáp :

— Người trong làng khen tôi, tôi không lấy làm vinh, người trong nước chê tôi, tôi không cho làm nhục ; được đã không mừng, mất cũng không buồn ; tôi coi sống với chết như nhau, giàu nghèo như nhau ; coi mọi người khác như loài heo, mà tự coi tôi cũng như mọi người khác. Tôi ở trong nhà tôi mà tự coi là quán trọ, coi làng tôi như nước ngoài (1). Ngoài mấy tật đó, tôi lại còn coi thường trước quí, chẳng sợ hình phạt ; thịnh suy lợi hại không làm thay đổi được lòng tôi, vui buồn cũng không làm động được lòng tôi, cho nên tôi không thể thờ vua giúp nước được, không thể thân với bà con bạn bè được, kiểm chế vợ con, sai khiến tôi tớ được. Tôi có bệnh gì vậy, ông ? Có phương nào trị được không ?

Văn Chí bảo Long Thúc quay lưng ra chỗ

(1) Nguyên văn là các nước Nhung, Man, đây chỉ nên hiểu là ngoại quốc.

sáng, rồi mình đứng ở phía sau hướng ra phía sáng mà xem xét. Xem kĩ rồi bảo :

— A ! Tôi thấy con tim của ông rồi, nó rộng một tắc vuông, gần như tim một bậc thánh. Sáu lỗ tim của ông đều thông, chỉ có một lỗ là nghẹt thôi (1). Ngày nay người ta cho cái trí sáng suốt của thánh nhân là một thứ bệnh, có lẽ đó là bệnh của ông chăng ? Y thuật nông cạn của tôi không trị được thứ bệnh đó.

ĐÁP NGƯỜI, BỊ NGƯỜI ĐÁP LẠI IV II

(Trịnh chỉ Phổ trách đa hiền)

Ở nước Trịnh, miền Phổ Trạch có nhiều người hiền (trở hạng ăn dật), mà miền Đông Lí thì có nhiều người tài (về việc trị nước). Trong bọn đệ tử ở Phổ Trạch, có một người tên là Bá Phong tử. Bá Phong tử đi qua Đông Lí, gặp Đặng Tích (2). Đặng Tích quay lại cười cười và nói với môn đệ :

(1) Người thời đó cho rằng trái tim bậc thánh có bảy lỗ, đều thông cả, nên rất minh trí.

(2) Đặng Tích làm đại phu nước Trịnh, đời Xuân Thu, đặt ra nhiều luật pháp rồi khắc lên các miếng tre (nên gọi là trúc hình), treo ở chỗ công cho dân biết. Ông thuộc phái Pháp gia. Có bộ *Đặng Tích thư* nhưng chắc là của người đời sau viết.

— Chúng ta thử trêu gã kia xem sao ?

Bọn đệ tử đáp :

— Thế thì thú lắm.

Đặng Tích bèn bảo Bá Phong tử :

— Các anh hiểu cái nghĩa nuôi người và được người nuôi không ? Không tự nuôi mình được, phải để cho người ta nuôi, đó là loài chó, loài heo ; còn người thì nuôi vật để sai khiến chúng. Các anh được ăn no, mặc ấm, là nhờ công của những người cầm quyền đó. Bọn các anh quần tụ nhau, khi vô sự thì được người ta nuôi trong chuồng, trong hàng rào, hữu sự thì bị đưa vào bếp, có khác gì loài chó, loài heo đâu.

Bá Phong tử làm thinh, nhưng một đệ tử ở sau tiến lên đáp :

— Quan đại phu có nghe ở Tề, Lỗ có nhiều người khéo léo không ? Người thì giỏi công việc đất, gỗ, người thì giỏi việc kim khí và đồ da, người thì giỏi âm nhạc, người thì giỏi sồ sách, tính toán, người thì giỏi cầm quân, người thì giỏi cúng tế ở tôn miếu, không thiếu một tài năng nào ; nhưng những người tài giỏi đó, không ai được cầm quyền trị dân, không sai khiến nhau. Mà những kẻ ở

chức trị dân, sai khiến người khác thì lại không biết gì cả, không có tài năng gì cả, họ sai khiến những người thông minh, có tài năng. Vậy bọn cầm quyền kia, chính nhờ chúng tôi mà có địa vị đấy. Có gì mà các ông tự đắc !

Đặng Tích không biết đáp sao, ngó bọn đồ đệ rồi rút lui.

NGƯỜI THỰC MẠNH THÌ KHÔNG CẬY SỨC MẠNH IV ¹²

(Công Nghi Bá di lực văn chư hầu)

Trong số các chư hầu, Công Nghi Bá nổi tiếng là có sức mạnh. Đường Khê Công tâu với vua Chu Tuyên Vương, Tuyên Vương sửa soạn lễ vật đề mời Công Nghi Bá tới.

Công Nghi Bá tới, Tuyên Vương coi hình dáng có vẻ yếu ớt, sinh nghi, hỏi :

— Sức của người ra sao ?

Công Nghi Bá đáp :

— Sức của thần có thể bẻ gãy cành con giọt sành mùa xuân, mang được cánh con ve mùa thu.

Tuyên Vương nổi giận, bảo :

— Sức bọn dũng sĩ của ta có thể xé da một

con tê, nắm đuôi chín con bò mà kéo (lùi lại), mà ta còn cho là yếu ; người bẽ gãy được cày con giọt sành mùa xuân, mang được cánh con ve mùa thu, mà nổi tiếng là mạnh trong thiên hạ, sao vậy ?

Công Nghi Bá thở dài, đương ngồi trên chiếu, đứng dậy, tâu :

— Câu hỏi của đại vương thật hay, thần xin cứ thực mà đáp : Thầy của thần là Thương Khâu tử, vào hạng vô địch trong thiên hạ, mà người thân trong nhà không ai biết, là vì không bao giờ dùng sức vậy. Thần thờ thầy tới khi thầy mất, có lần thần được thầy bảo : « Người nào muốn thấy những cái người khác không thấy thì phải nhìn những cái người khác không nhìn ; người nào muốn có những cái người khác không có thì phải làm những cái người khác không làm. Cho nên muốn tập trông thì mới đầu phải nhìn một chiếc xe cũi ; muốn tập nghe thì mới đầu phải lắng nghe tiếng chuông ». Cái gì dễ thực hiện ở trong thì không khó thực hiện ở ngoài. Không gặp cái khó ở ngoài, cho nên danh tiếng không truyền ra khỏi nhà. Nay thần nổi danh khắp chư hầu là làm trái lời giáo huấn của thầy mà để cho người khác biết tài năng của thần. Nhưng thần sợ

đĩ nổi danh không phải là vì thần cậy sức mạnh mà vì thần biết dùng sức mạnh, như vậy chẳng hơn là cậy sức mạnh ư ?

KHÔNG TỬ CŨNG LÚNG TÚNG V 8

(Không tử đông du)

Không tử đi chơi ở phía đông, thấy hai đứa nhỏ cãi nhau. Hỏi duyên cớ, một đứa đáp :

— Con bảo rằng mặt trời khi mới mọc thì ở gần chúng ta, mà giữa trưa, ở xa chúng ta.

Đứa kia bảo :

— Con thì cho rằng mặt trời khi mới mọc ở xa chúng ta mà giữa trưa thì ở gần.

Đứa thứ nhất cãi :

— Mặt trời mới mọc lớn như cái bánh xe, giữa trưa nhỏ như cái mâm, hoặc như cái chén. Ở xa thì nhỏ, ở gần thì lớn, chẳng phải vậy ư ?

Đứa kia đáp :

— Mặt trời mới mọc thì không khí mát mẻ, giữa trưa nóng như nước sôi. Ở gần thì nóng, ở xa thì mát, như vậy mới đúng chứ !

Không tử không giải quyết nổi. Hai đứa đó cười, bảo :

— Vậy mà người ta bảo rằng ông biết nhiều chứ.

ĐỔI TIM CHO NHAU V 10

(Lỗ Công Hồ, Triệu Tề Anh nhị nhân...)

Lỗ Công Hồ và Triệu Tề Anh đều đau, cùng mời Biền Thước (1) lại trị. Biền Thước trị cho đều hết, rồi bảo Công Hồ và Tề Anh :

— Bệnh trước của hai ông đều phát từ ngoài mà nhập vô tạng phủ, cho nên dùng thuốc trị được. Nhưng hai ông còn một bệnh nữa, mới sinh ra đã có và đều theo tuổi mà tăng lên, để tôi trị cho các ông nhé ?

— Hai người kia đáp :

— Xin hãy cho nghe là bệnh gì đã.

Biền Thước bảo Công Hồ :

— Ý chí của ông mạnh mà khí lực của ông yếu, cho nên mưu tính giỏi mà không biết quyết đoán ; còn ông Tề Anh ý chí yếu mà khí lực mạnh, cho nên ít mưu tính mà có tật cố chấp. Thay đổi tim cho nhau thì sẽ được quân bình.

(1) Biền Thước là một danh y bậc nhất thời Xuân Thu, tương truyền mồ xẻ như thần.

Biền Thước bèn cho hai người đó uống một thứ rượu thuốc rất mạnh, khiến họ mê man bất tỉnh trong ba ngày, rồi mổ ngực lấy tim ra, thay cho nhau và đặt trở lại vào ngực. Sau cùng cho họ uống một thứ thần dược, họ tỉnh lại như trước, và từ biệt Biền Thước ra về. Nhưng Công Hồ về nhà Tề Anh sống với vợ con Tề Anh, vợ con Tề Anh không thừa nhận ông ta ; Tề Anh cũng về nhà Công Hồ sống với vợ con Công Hồ, vợ con Công Hồ cũng không thừa nhận ông ta. Vì vậy hai nhà gây lộn nhau, nhờ Biền Thước phán xử. Biền Thước giảng lý do cho họ biết, họ thôi không gây lộn nhau nữa.

CÁC BẠC THÁNH VỀ ĐÀN V II

(Hồ Ba cồ cầm)

Khi Hồ Ba gảy đàn cầm thì chim múa, cá nhảy (vì vui mừng). Sư Văn nước Trịnh hay vậy, bỏ nhà theo Sư Tương (1) du học. Trong ba năm ông ta bấm dây đàn mà không thành khúc.

Sư Tương bảo :

(1) Hồ Ba, Sư Văn, Sư Tương đều là những người giỏi nhạc.

— Anh nên về đi ! (1)

Sư Văn đặt cây đàn xuống, thở dài, đáp :

— Văn tôi không phải là không gảy được đàn, không chơi thành khúc được ; ý chí của tôi không phải ở chỗ bấm dây cho thành tiếng hay. Nhưng trong lòng tôi có điều nghĩ chưa ra thì ứng vào cây đàn ở ngoài sao được ? Cho nên tôi không dám động ngón tay cho dây đàn rung lên. Xin đợi ít lâu, sẽ thấy tôi đạt được gì không.

Ít lâu sau, Sư Văn trở lại thăm Sư Tương, Sư Tương hỏi :

— Thuật gảy đàn ra sao rồi ?

Đáp :

— Tôi đã đạt được rồi, xin cho tôi thử.

Thế là, lúc đó đương mùa xuân, Sư Văn gảy dây thương (2) đề gọi nam nữ (3), tức thì gió mát nổi lên, cây cối kết trái, thời tiết vào thu. Sư Văn

(1) Ý nói : Không học đàn được đâu.

(2) Người Trung Hoa phân biệt năm thanh âm (ngũ âm) : cung, thương, đốc, chủ, vũ. Âm *thương* là âm *kim*, thuộc hai tháng đầu mùa thu; âm *đốc* là âm *mộc*, thuộc hai tháng đầu mùa xuân; âm *vũ* thuộc *thủy*, hai tháng đầu mùa đông; âm *chủ* thuộc *hỏa*,

(xem tiếp chú thích trang 213)

lại gảy dây dốc (2), đề kích động giáp chung (3) tức thì một luồng ấm áp chậm chậm tỏa ra, cây cối đều nở hoa. Dương mùa hè, Sư Văn gảy dây vũ (2), đề gọi hoàng chung (3) thì sương tuyết đều rơi, sông hồ đóng băng, thời tiết vào đông. Lại gảy dây chủy (2) đề kích động nhụy tâm (3), tức thì ánh mặt trời hừng hực làm tan hết băng giá. Cuối cùng, gảy dây cung (2) hòa điệu với bốn dây kia, thì gió lạnh phe phây, mây đẹp trôi qua, sương ngọt (cam lộ) trút xuống, suối thơm phun ra.

Sư Trương mừng quá, nhảy lên, bảo :
Nghệ thuật gảy đàn của anh thật huyền diệu.

(Tiếp theo chú thích trang 212)

hai tháng đầu mùa hè ; âm cung thuộc thổ, tháng cuối của mỗi mùa.

(3) Họ lại phân biệt 12 luật, gồm 6 dương luật (gọi tắt là luật) và 6 âm luật gọi là lữ. Sáu dương luật là hoàng chung, đại thiếu, cô tiền, nhụy tâm, di tắc, vô xạ. Sáu lữ là lâm chung, nam lữ, ứng chung, đại lữ, giáp chung, chung lữ.

Nam lữ thuộc về mùa thu

Giáp chung thuộc về mùa xuân

Hoàng chung thuộc về mùa đông

Nhụy tâm thuộc về mùa hè.

Ngay như Sư Khoáng gảy điệu thanh dốc, Trâu Diên thổi ống luật (1) (một thứ ống tiêu), cũng không hơn anh. Họ chỉ đáng xách đàn cầm, cầm ống tiêu mà đi hầu phía sau anh thôi.

CÁC BẬC THÁNH VỀ CA V 12 (Tiết Đàm học âu ư Tần Thanh)

Tiết Đàm học hát với Tần Thanh (2), chưa học hết nghệ thuật của Thanh, đã tự cho là biết đủ rồi, bèn từ biệt xin về nhà. Tần Thanh không giữ lại, trong bữa tiễn hành ở ngã tư (3) ngoài thành, gõ nhịp hát một khúc bi ca, tiếng hát làm cho cây lá trong rừng rung động, tiếng vang làm ngừng một đám mây đương bay. Tiết Đàm tạ

(1) Tương truyền Sư Khoáng gảy điệu thanh dốc thì mây trắng nổi lên, gảy nữa thì gió lớn và mưa trút xuống. Còn Trâu Diên, người nước Tề thời Chiến Quốc (một triết gia theo phái âm dương), thổi ống luật mà làm cho khí hậu đương lạnh hóa ấm, lửa mọc lên được.

(2) Tiết Đàm và Tần Thanh đều nổi tiếng về giọng hát ở nước Tề.

(3) Nguyên văn : cũ là con đường lớn đưa tới bốn phương.

lỗi, xin được trở lại học nữa, suốt đời không dám đòi về.

Tần Thanh nói bạn, bảo :

— Xưa, nàng Hàn Nga (1) đi về phía đông sang nước Tề, tới Ung Môn, hết lương thực, phải hát đề kiếm ăn, khi đi rồi mà dư âm còn vương vấn ở chung quanh cái đà, cái đòn nóc, ba ngày mới dứt, các người chung quanh cho rằng nàng chưa đi. Sau nàng tới một quán trọ, bị người trong quán làm nhục, nàng khóc tí tí, thảm thiết, tới nỗi già trẻ trong làng ngó nhau mà thương tâm nhỏ lệ, ba ngày không ăn, phải đuổi theo nàng, bắt kịp, mời nàng trở lại. Nàng trở lại, hát một khúc du dương tới nỗi già trẻ trong làng vui mừng nhảy múa, không tự ngăn được, quên hết nỗi thương tâm trước kia. Họ tặng nàng một số tiền lớn để lên đường. Nhờ vậy mà dân Ung Môn tới nay còn giỏi hát, giỏi than vãn, bắt chước được giọng của Hàn Nga.

YÊN SƯ VÀ NGƯỜI MÁY V 14

(Chu Mục vương tuần thú..)

Vua Chu Mục vương đi săn, vượt núi Côn

(1) Hàn Nga có nghĩa là người con gái nước Hàn

Lôn tới núi Yêm Sơn (1) rồi về. Trên đường về Trung Quốc, có người dâng lên một người thợ giỏi tên là Yền Sur. Mục vương bảo người thợ đó tiến lên đề hỏi :

— Người có tài gì ?

Yền Sur đáp :

— Đại vương sai làm gì, thần cũng xin thử. Nhưng thần đã chế tạo sẵn một cái máy, xin dâng đại vương coi.

Mục vương bảo :

— Ngày mai người đem máy đó lại, ta với người cùng coi.

Hôm sau Yền Sur vô ý kiến, nhà vua bảo lại gần, rồi hỏi :

— Người nào đi theo người đó ?

Thưa :

— Đó là người máy thần đã chế tạo, nó biết hát.

Mục vương ngạc nh ên ngó người máy đó, nó biết đi biết chạy, biết cúi biết ngửa, y người thực

(1) Tên này không có thực, có lẽ chỉ có nghĩa là núi chỗ mặt trời lặn (yêm : che).

vậy. Người thợ vắn cái cầm của nó, tức thì nó hát rất đúng, nâng cái tay nó lên thì nó múa rất hợp điệu ; nó làm được ngàn vạn trò đúng theo ý người. Nhà vua cho là người thực ; nàng Thịnh Cơ (sủng phi của vua) và tất cả bọn hầu hạ trong cung đều được coi.

Khi người máy đã làm hết các trò rồi, nó liếc mắt ra dấu với các thị nữ ở chung quanh nhà vua. Mục vương nổi giận dùng dùng, muốn đem chém Yền Sur, Yền Sur hết hồn, vội vàng tháo gỡ người máy ra cho nhà vua coi, các bộ phận toàn bằng da, gỗ, sơn, keo đủ các màu trắng, đen, đỏ, xanh. Nhà vua xem xét kĩ lưỡng : ở trong có gan, mật, tim, phổi, tì, thận, ruột, bao tử ; ở ngoài có gân cốt, tay chân, khớp xương, da tóc, lông, răng, toàn là giả cả, mà rất hoàn thiện ; người thợ lắp lại như cũ.

Nhà vua bảo thử bỏ trái tim đi xem sao thì miệng người máy không biết nói nữa ; bỏ gan đi thì mắt không trông được nữa ; bỏ thận đi thì chân không bước được nữa (1). Lúc đó vua Mục vương mới mừng, than thở :

(1) Y học Trung Hoa cho mắt mờ do gan suy, chân yếu do thận suy.

— Ôi, cái khéo của con người ngang với Hóa công chẳng ?

Rồi ra lệnh lấy hai cái xe chở người máy đó về.

Thang mây của Ban Thâu, con điều bay của Mặc tử (1), hai nhà đó đã tự cho là cực kì khéo rồi. Một hôm, đệ tử của họ là Đông Môn Cồ, Cầm Hoạt Li, nghe nói tài khéo của Yển Sư, kể lại cho họ, họ từ đó cho tới suốt đời, không dám khoe nghệ thuật của mình nữa, nhưng vẫn thường cầm cái thước vuông, cái thước tròn (2).

CÁC BẬC THÁNH BẢN V 15

(Cam Dăng cò chỉ thiện xạ giả)

Cam Dăng là người giỏi bắn thời cổ, khi giương cung lên là thú lẩn ra, chim rớt xuống. Đệ tử của ông tên là Phi Vệ, còn bắn giỏi hơn ông nữa. Kỉ Xương lại học nghệ thuật của Phi Vệ.

(1) Ban Thâu, tức Công Thâu Ban, chế được ngựa gỗ biết cử động và cây thang kéo ra được dễ tẩn công thành. Mặc tử cũng tra máy móc, theo đoạn này, thì ông đã nghĩ cách chế tạo một thứ máy bay.

(2) *Cử*, thước vuông, tức cái équerre. *Qui*, thước tròn, tức cái compas. Ý nói: vẫn còn chế tạo.

Phi Vệ bảo :

— Trước hết anh phải tập dừng chớp mắt đã, rồi sau sẽ nói tới chuyện học bắn.

Kì Xương về nhà, nằm ngửa dưới khung cửi của vợ, đưa mắt theo con thoi. Hai năm sau, mũi nhọn của cái dùi có chạm vào mí mắt, Kì Xương cũng không chớp mắt. Lúc đó mới lại thưa với Phi Vệ. Phi Vệ bảo :

— Chưa, còn phải tập nhìn nữa, nhìn sao cho vật nhỏ mà thấy lớn, vật không thấy mà thấy rõ, rồi lại cho ta hay.

Kì Xương vẽ dùng (lông) đuôi bò treo một con rận ở cửa sổ, quay mặt về phía nam mà nhìn, khoảng mười ngày sau thấy con rận lần lần lớn ra, ba năm sau thấy nó lớn bằng bánh xe ; nhìn các vật khác đều thấy lớn như núi cả. Lúc đó mới lấy cây cung bằng sừng nước Yên và mũi tên bằng cỏ bông châu Sóc (1), bắn xuyên qua tim con rận mà sợi lông treo nó không đứt. Rồi lại thưa với Phi Vệ. Phi Vệ nhảy lên, vỗ ngực bảo :

— Anh đã đạt được nghệ thuật bắn rồi.

(1) Châu Sóc ở phía bắc nước Tề, nay thuộc tỉnh Sơn Tây. Cũng có thể hiểu là cỏ bông ở phương Bắc

Kỉ Xương khi đã học được thuật bắn của Phi Vệ, nghĩ rằng trong thiên hạ chỉ có mỗi một người địch nổi mình, lập tâm giết Phi Vệ. Họ gặp nhau ở đồng trống, giương cung bắn nhau, hai mũi tên đụng nhau ở giữa đường, rớt xuống đất mà bụi trên mặt đất không bay lên. Phi Vệ hết tên trước, Kỉ Xương còn một mũi, bắn nốt. Phi Vệ dùng mũi nhọn của một cái gai mà đỡ trúng. Thế là hai người cùng khóc, liệng cung xuống, quì xuống đất vái nhau, nhận làm cha con, thích vào cánh tay mà thề không dạy cho ai bí quyết của mình.

NGHỆ THUẬT ĐÁNH XE V 16

(Tháo Phủ chỉ sư)

Thầy của Tháo Phủ là Thái Đẩu. Hồi Tháo Phủ mới theo thầy học đánh xe, giữ lễ rất khúm núm, mà ba năm, Thái Đẩu không dạy cho một lời. Tháo Phủ càng giữ lễ nghiêm cần hơn nữa, lúc đó Thái Đẩu mới bảo :

— Thơ cổ có câu : « Con người thợ giỏi làm cung mới đầu tập làm cái thúng đã ; con người thợ đúc giỏi mới đầu tập đúc cái búa đã » (1). Trước

(1) Ý nói : mới đầu tập làm việc dễ đã, sau mới tập việc khó.

hết anh hãy coi ta đi, mà đi như ta, rồi sau mới cầm được sáu dây cương, chế ngự được sáu con ngựa.

Tháo Phủ thưa :

— Con xin vâng lời.

Thái Đẩu bèn lấy các khúc cây, bề ngang chỉ vừa đặt chân lên, tính xem bước chân dài ngắn ra sao mà đặt thành đường đi, rồi dẫm lên mà chạy qua chạy lại, không trật bước nào. Tháo Phủ tập ba ngày đã rất thành thạo.

Thái Đẩu than :

— Anh mãi tiếp thật, tập mau nhỉ ? Thuật đánh xe cũng chỉ như vậy thôi. Cái thuật đi của anh (trên khúc cây), nhập vào chân anh rồi thì ứng vào lòng anh. (Đem thuật đó) suy ra thuật đánh xe, biết điều hòa dây cương, hàm thiếc, gò hay lơ ra ở mỗi mép con ngựa sao cho vừa phải ; hiểu rõ cách đánh ngựa trong lòng mình, thì tiết điệu khi mau khi chậm sẽ ứng ra ở bàn tay cầm kéo dây cương ; hiểu thấu ở trong lòng thì cử động ở ngoài sẽ hợp với ý ngựa. Nhờ vậy mà biết tiến lui theo phép tắc, quẹo hay chạy vòng quanh đúng qui củ mà không trật đường, tiến rất xa mà không hao khí lực. Như vậy là thực đạt được thuật đánh

xe : thuật đó đạt được ở chỗ sử dụng hàm thiếc, rồi ứng vào dây cương ; đạt được ở chỗ sử dụng dây cương, rồi ứng vào bàn tay ; đạt được ở bàn tay rồi thì ứng vào lòng. Như vậy không cần dùng mắt để nhìn, dùng roi để thúc ngựa, lòng được nhân, thân thể ngay ngắn (1), mà sáu dây cương không loạn, hai mươi bốn móng ngựa (2) bước đúng không sai, quẹo vòng, tiến lui đều đúng mực, sau đó có thể khiến cho bánh xe và xe chạy khít đường, móng ngựa dẫm vào đúng chỗ, không phân biệt núi hang là hiểm trở mà đồng cao đồng lầy là bằng phẳng nữa, coi như nhau hết (3). Nghệ thuật của ta chỉ có vậy thôi, anh nên nhớ lấy.

NHỮNG CÂY KIỂM LẠ V 17

(Ngụy Hắc Noãn dĩ nặc hiểm...)

Hắc Noãn ở nước Ngụy vì thù nhà mà giết Khâu Bính Chương. Con Khâu Bính Chương là Lai Đan muốn báo thù cho cha. Đan, tính khí rất

(1) Nguyên văn là chính : ngồi ngay ngắn, yên ổn trên xe mà đánh xe, không cần quay qua quay lại.

(2) Vì xe thẳng sáu con ngựa.

(3) Nghĩa là đánh xe trên núi cũng dễ dàng như trên đồng bằng.

Bài này chúng tôi dịch thoát ý thôi, B.G. không dịch.

can trường, nhưng hình thể rất gầy ốm, ăn mỗi bữa chỉ vài hột, gió thổi muốn ngã. (1) Vì vậy tuy oán lắm mà không thể đấu kiếm (2) báo thù được. Phải nhờ sức người khác (để báo thù) thì cho là điều nhục, cho nên thể sẽ tự dùng kiếm mà giết (lén) Hắc Noãn.

Hắc Noãn mạnh hơn người, một mình chống được trăm kẻ ; gân cốt da thịt không phải là gân cốt da thịt của con người, có thể vươn cò ra cho người ta chém, phanh ngực ra cho người ta bắn ; mũi tên sẽ gãy, lưỡi kiếm sẽ quắn mà thân thể không hề bị thương. Hắc Noãn cậy sức mình như vậy, coi Lai Đan như con chim con mối nhỏ.

Một người bạn của Lai Đan tên là Thân Tha bảo :

— Anh thâm oán Hắc Noãn mà hấn coi thường anh quá lắm ! Anh tính sao đây ?

(1) B G. dịch khác : Mỗi thù của Đan mạnh quá, lộ ra ngoài mặt. Ăn mỗi bữa chỉ vài hột mà chạy nhanh như gió đầy.

(2) Nguyên văn : bất năng xư^g bình dĩ báo chi. Xư^g : các bản chữ Hán chú giải là cử. Ý nói : không thể đánh nhau tay đôi với Hắc Noãn.

Lai Đan khóc và đáp :

— Xin anh tính giùm tôi.

— Tôi nghe ông tổ của Khổng Chu nước Vệ được vua Ân cho một cây kiếm quý. Một đứa nhỏ cầm cây kiếm đó có thể đánh đuổi được ba đạo quân. Sao anh không hỏi mượn ?

Lai Đan bèn qua nước Vệ, yết kiến Khổng Chu. Theo lễ của hạng đánh xe, Lai Đan dâng vợ con cho Khổng Chu rồi mới bày tỏ ý mình. Khổng Chu bảo :

— Ta có ba cây kiếm, tùy anh lựa, nhưng không cây nào giết người được đâu. Ta hãy tả cho anh nghe đã : Một cây tên là Hàm Quang, nhìn vào không thấy, vận dụng nó mà không cảm thấy nó ở trong tay mình ; nó đụng vào vật gì thì không lưu lại một dấu vết gì cả, nó đâm thủng ta, ta cũng không biết. Cây thứ nhì gọi là Thừa Ảnh. Vào lúc bình minh nửa mờ nửa tỏ hoặc hoàng hôn tranh sáng tranh tối, quay về phía bắc mà nhìn kĩ nó thì thấy lơ mờ mà không nhận được hình dáng nó ra sao. Nó đụng vào cái gì thì nghe có tiếng nhẹ, tan liền ; nó đâm thủng ta, ta cũng không thấy đau gì cả. Cây thứ ba tên là Tiêu Luyện, ban ngày chỉ thấy cái bóng chứ không

Lai Đan khóc và đáp :

— Xin anh tính giùm tôi.

— Tôi nghe ông tồ của Khổng Chu nước Vệ được vua Ân cho một cây kiếm quý. Một đứa nhỏ cầm cây kiếm đó có thể đánh đuổi được ba đạo quân. Sao anh không hỏi mượn ?

Lai Đan bèn qua nước Vệ, yết kiến Khổng Chu. Theo lễ của hạng đánh xe, Lai Đan dâng vợ con cho Khổng Chu rồi mới bày tỏ ý mình. Khổng Chu bảo :

— Ta có ba cây kiếm, tùy anh lựa, nhưng không cây nào giết người được đâu. Ta hãy tả cho anh nghe đã : Một cây tên là Hàm Quang, nhìn vào không thấy, vận dụng nó mà không cảm thấy nó ở trong tay mình ; nó đụng vào vật gì thì không lưu lại một dấu vết gì cả, nó đâm thủng ta, ta cũng không biết. Cây thứ nhì gọi là Thừa Ảnh. Vào lúc bình minh nửa mờ nửa tỏ hoặc hoàng hôn tranh sáng tranh tối, quay về phía bắc mà nhìn kĩ nó thì thấy lơ mờ mà không nhận được hình dáng nó ra sao. Nó đụng vào cái gì thì nghe có tiếng nhẹ, tan liền ; nó đâm thủng ta, ta cũng không thấy đau gì cả. Cây thứ ba tên là Tiêu Luyện, ban ngày chỉ thấy cái bóng chứ không

thấy ánh sáng của nó, ban đêm thấy ánh sáng mà không thấy hình dáng nó. Nó đụng vào cái gì, nghe soạt một cái, đâm lủng nhưng vết lủng khép lại liền, thấy đau mà không thấy vết máu.

Ba cây kiếm quý đó, đã truyền được mười ba đời mà không dùng lần nào, còn để trong bao, chưa hề mở ra.

Lai Đan thưa :

— Mặc dầu vậy, tôi cũng xin ngài cho tôi cây thứ ba.

Khổng Chu trả vợ con cho Lai Đan, rồi cả hai người đều trai giới bảy ngày ; sau đó đúng vào lúc nửa đêm (1) quì xuống giao kiếm cho Lai Đan. Lai Đan cúi lạy hai lạy mà nhận và trở về nhà.

Lai Đan cầm cây kiếm đó theo rình Hắc Noãn. Một hôm Hắc Noãn say rượu, dương ngủ dưới cửa sò, Lai Đan chém ba nhát từ cổ cho tới ngang lưng, Hắc Noãn không hay gì cả, (vẫn nằm trơ trơ). Lai Đan tưởng Hắc Noãn đã chết, mừng quá, rút lui, gặp con Hắc Noãn ở cổng, chém ba

(1) Nguyên văn : Ân âm chi gian. Trương Trầm giảng là lúc chiều tối. Đường Kinh Cảo giảng là : Ở chỗ nửa sáng nửa tối. Chúng tôi theo B.G. có vẻ huyền bí hơn,

nhát, như chém trong không khí. Con Hắc Noãn cười, bảo :

— Giỡn sao đó mà vậy ta tới ba lần vậy ?

Lai Đan thấy thanh kiếm đó không giết người được, thở dài ra về.

Khi Hắc Noãn tỉnh dậy, rầy vợ :

— Tôi say rượu mà ngủ, sao phanh mền tôi ra, tôi thấy đau ở cuống họng và ở ngang lưng này.

Người con cũng nói :

— Mới rồi, Lai Đan tới đây, gặp con ở cổng, nó vấy con ba lần, cũng làm cho con đau trong mình, chân tay cứng đơ. Nó thư (1) chúng ta rồi.

ĐỪNG VỘI CHO LÀ ĐỒN NHÂM V 18

(Chu Mục vương đại chinh Tây Nhung)

Khi Chu Mục vương đem đại quân chinh phạt Tây Nhung, được rợ đó tặng cây kiếm Côn ngô và thứ vải Hỏa hoán (2). Cây kiếm đó dài một thước tám tấc, luyện bằng gang, lưỡi kiếm màu

(1) Dùng bùa phép làm cho người khác đau ốm.

(2) Hỏa hoán (hoán cũng đọc là cán, nghĩa là giặt rửa bằng lửa) tức một thứ *amiante*.

đỏ, cắt ngọc dễ dàng như cắt bùn. Còn thứ vải Hỏa hoán, muốn giặt thì cho vào lửa, vải sẽ đỏ lên như lửa, mà vết dơ thì trở lại thành màu vải (1); rút ở lửa ra, giữ giữ thì chỗ đó trắng như tuyết.

Hoàng tử cho rằng không có những vật như vậy, chỉ là đồn nhảm. Tiêu Thúc bảo: « Hoàng tử quá tự tín, và quá tin những lí lẽ bậy » (2).

MỘT BẠC ĐẠT NHÂN VII 9

(Vệ, Đoan Mộc Thúc giả)

Đoan Mộc Thúc, người nước Vệ, là dòng dõi Tử Cống, được hưởng gia tài tổ tiên, trong nhà có mấy vạn cân vàng (3), nhưng không quản trị

(1) Bản Đường Kinh Cảo sửa chữ *bô* ra chữ *hôi*: màu tro.

(2) Nguyên văn: quả ư vu lí. Có lẽ câu này nên hiểu là Hoàng tử quá tự tín, cho rằng những gì ông không hiểu nổi là vô lí, không thể có được. — Bài này đặt ở cuối chương V có ý như nhấn độc giả rằng đừng vội cho những truyện lạ lùng trong chương này (như truyện ba cây kiếm lạ trong bài trên) là vu khoát.

(3) Cui chú thích bài II 6.

sản nghiệp, mà chơi bời cho thỏa chí (1). Người đời muốn làm cái gì, muốn hưởng cái gì, ông ta cũng làm, cũng hưởng cho đủ. Nhà cửa, lầu đài, vườn tược, ao hồ, ăn uống, xe ngựa, y phục, đàn ca, nàng hầu, thị nữ, đều không kém vua Tề, vua Sở. Lòng thích cái gì, tai muốn nghe cái gì, mắt muốn nhìn cái gì, miệng muốn nếm thức gì, tuy xa xôi tận nước ngoài, nước Tề (2) không có, ông ta cũng kiếm cho được, như thề những vật ở phía trong tường, trong hàng rào của ông vậy. Còn như đi chơi thì dù núi sông hiểm trở, đường xá xa xôi, đâu đâu ông cũng tới, như người khác đi một quãng vài bước vậy. Khách khứa trong nhà ngày nào cũng có cả trăm người, bếp không lúc nào tắt, nhà giữa nhà bên không lúc nào im tiếng ca tiếng đàn. Thức ăn còn dư, phân phát cho họ hàng, họ hàng ăn không hết thì phân phát cho hàng xóm, hàng xóm cũng không hết thì phân phát cho cả nước.

Năm sáu mươi tuổi, khí lực gân cốt bắt đầu suy nhược, ông bỏ hết việc nhà, phân phát kho

(1) B.G. dịch là : nhưng không thể quản trị hết được, để cho con cháu muốn làm gì thì làm.

(2) Tề là nước giàu có nhất thời đó, cho nên Tề cũng trở Trung Quốc.

tàng, châu báu, xe ngựa, y phục, nàng hầu và thị nữ, chỉ trong một năm hết nhẵn, không để lại cho con cháu chút gì cả. Tới khi đau, không có thuốc uống, khi chết, không có tiền chôn cất. Nhưng khắp trong nước, những người mang ơn ông góp nhau tiền mai táng ông, trả lại một số của cải cho con cháu ông nữa.

Cầm Cốt Li (1) nghe chuyện đó, bảo :

— Đoan Mộc Thúc là một người diên cường làm nhục tổ tiên.

Đoàn Can Sinh (2) nghe vậy, bảo :

— Mộc Thúc là bậc đại nhân, có đức hơn tổ tiên. Những hành vi của ông ấy, mọi người lấy làm lạ, nhưng quả là chí lí. Hạng quân tử nước Vệ đa số giữ lễ giáo, cho nên chưa hiểu được lòng con người đó.

MỖI HẠNG NGƯỜI QUEN MỘT
LỐI SỐNG VII 17
(Chu ngạn viết)

Nước Chu có một ngạn ngữ : « Nông phu mà

(1) Một môn đệ của Mặc Tử.

(2) Không rõ là ai.

ở không lâu thì có thể chết ». Sáng sớm ra đồng, tối mới về nhà, họ tự biết sống theo bản tính. Họ ăn rau, ăn đậu tự cho là ngon. Bắp thịt gồng cứng, gân cốt rắn rỏi. Một buổi sáng nào đó cho họ nằm giường êm màn thêu, ăn gạo ngon và thịt béo, lan, quít, thì tâm thần thê chất họ khó chịu, phát nhiệt mà sinh bệnh ; còn các ông vua nước Thương và nước Lỗ nếu sống như họ thì cũng không chịu nổi được một giờ. Cho nên, cái gì nông dân thích, thì họ cho là khắp thiên hạ không có gì hơn.

Xưa, nước Tống có một nông phu, suốt năm bận áo bố, mùa đông lạnh cũng rán chịu, qua mùa xuân thì sưởi nắng, không hề biết rằng trên đời có những lâu đài rộng rãi, những căn phòng ấm áp, những áo bằng gấm vóc, bằng lông chồn, lông hạc (1), cho nên bảo vợ :

— Không ai biết rằng ánh nắng sưởi ấm được lưng. Anh tâu với vua điều đó, chắc được hậu thưởng.

Một người giàu có trong làng bảo chú ta :

— Xưa có một người thích các rau dại, rau gai ngọt, rau hành rau cần, và bèo, khen những

(1) Hạc đây không phải là loài chim, mà là một loài cây.

thứ đó với một vị giàu có trong làng. Vị này nểm thứ, cay miệng mà đau bụng, bị mọi người chế nhạo, chê bai mà xấu hổ. Chú thì cũng vậy.

PHẢI BIẾT BẢN TÀI CỦA MINH VIII 7

(Lỗ Thi thị hữu nhị tử)

Họ Thi ở nước Lỗ có hai người con trai, một người hiếu học, một người thích việc binh. Người con hiếu học đem sở học của mình dâng Tề hầu, được Tề hầu dùng làm sư phó cho các công tử, người con thích việc binh đem binh pháp của mình dâng vua Sở, vua Sở mừng, cho coi việc quân. Gia đình nhờ lộc của họ mà giàu, cha mẹ nhờ tước của họ mà sang.

Một người láng giềng họ Mạnh cũng có hai người con trai, cũng lựa hai nghề đó, mà nghèo túng, mong được giàu sang như họ Thi, qua hỏi nhờ cách nào mà tiến phát mau như vậy. Hai người con họ Thi cứ thực mà kể.

Một người con họ Mạnh bèn đem sở học của mình dâng vua Tần. Vua Tần bảo :

— Thời này, các chư hầu dùng võ lực mà tranh nhau, chỉ cần binh khí và lương thực thôi,

nếu chúng ta dùng nhân nghĩa mà trị nước thì là theo con đường diệt vong mất.

Rồi sai đem thiến, ít lâu sau thả ra.

Người con kia qua nước Vệ, dâng binh pháp lên vua Vệ. Vua Vệ bảo :

— Nước mình nhỏ mà chung quanh là những nước lớn. Nước nào lớn thì mình thờ, nước nào nhỏ thì mình vỗ về, đó là cách cầu an ; trông vào binh lực thì mau bị diệt vong lắm. Nếu để cho hần được toàn mệnh mà về, hần qua nước khác, sẽ nguy lớn cho chúng ta.

Bèn sai chặt hai chân, trả về nước Lỗ.

Về tới nhà, cha con họ Mạnh đấm ngực mà oán trách họ Thi. Họ Thi bảo :

— Gặp thời thì thịnh, không gặp thời thì lụn bại. Con đường của các bác cũng là con đường của chúng tôi mà kết quả khác nhau, là tại không gặp thời chứ không phải là hành động sai. Và lại, ở đời không có nguyên tắc nào luôn luôn đúng, không có việc nào luôn luôn sai. Cái mà thời trước người ta dùng thì có thể ngày nay bỏ đi ; cái ngày nay bỏ đi, thì có thể sau này sẽ dùng. Dùng hay bỏ, điều đó không quyết định được là

nếu chúng ta dùng nhân nghĩa mà trị nước thì là theo con đường diệt vong mất.

Rồi sai đem tiễn, ít lâu sau thả ra.

Người con kia qua nước Vệ, dâng binh pháp lên vua Vệ. Vua Vệ bảo :

— Nước mình nhỏ mà chung quanh là những nước lớn. Nước nào lớn thì mình thờ, nước nào nhỏ thì mình vỗ về, đó là cách cầu an ; trông vào binh lực thì mau bị diệt vong lắm. Nếu để cho hần được toàn mệnh mà về, hần qua nước khác, sẽ nguy lớn cho chúng ta.

Bèn sai chặt hai chân, trả về nước Lỗ.

Về tới nhà, cha con họ Mạnh đâm ngực mà oán trách họ Thi. Họ Thi bảo :

— Gặp thời thì thịnh, không gặp thời thì lụn bại. Con đường của các bác cũng là con đường của chúng tôi mà kết quả khác nhau, là tại không gặp thời chứ không phải là hành động sai. Và lại, ở đời không có nguyên tắc nào luôn luôn đúng, không có việc nào luôn luôn sai. Cái mà thời trước người ta dùng thì có thể ngày nay bỏ đi ; cái ngày nay bỏ đi, thì có thể sau này sẽ dùng. Dùng hay bỏ, điều đó không quyết định được là

— Thần cười người láng giềng của thần đưa vợ về thăm mẹ, giữa đường thấy một người đàn bà hái dâu, đâm mê mà đứng lại tán tỉnh. Nhưng khi quay lại nhìn vợ thì một chàng cũng đã vẫy vợ mình đi. Thần mỉm cười vì chuyện đó.

Văn Công tỉnh ngộ, thôi không đánh Vệ nữa, đem quân về, chưa tới nơi thì có tin giặc đánh ở biên cương phía bắc.

LÀM CÁCH NÀO CHO HẾT

TRỘM CƯỚP VIII 9

(Tấn quốc khờ đạo)

Nước Tấn bị cái nạn trộm cướp. Một người tên là Khích Ung có tài nhận ra kẻ trộm, chỉ nhìn vào cái khoảng giữa lông mày và mí mắt mà biết được là kẻ trộm hay không. Tấn hầu (1) sai người đó nhận diện kẻ trộm, trăm lần, ngàn lần không trật lần nào. Tấn hầu rất mừng, bảo Triệu Văn tử :

— Ta kiếm được một người mà sẽ trừ hết được trộm cắp trong nước, đâu có cần gì nhiều biện pháp.

(1) Hầu là tước của vua các nước nhỏ.

Văn tử tâu :

— Nhà vua dùng cách nhận diện kẻ trộm đó mà diệt trộm, thì không sao hết trộm được đâu. Khích Ung rồi sẽ bắt đặc kì tử cho mà xem.

Chẳng bao lâu bọn ăn trộm bàn tính với nhau :

— Chúng ta khốn đốn chỉ vì tên Khích Ung đó.

Rồi chúng cùng âm mưu với nhau giết Khích Ung.

Tấn hầu nghe tin, hoảng sợ, lập tức vờ Văn tử vô bảo :

— Đúng như lời ông đoán, Khích Ung chết rồi. Có cách nào diệt trộm được bây giờ ?

Văn tử tâu :

— Ngạn ngữ nước Chu có câu : « Dò kiếm cá dưới vực thẳm thì sẽ bất hạnh ; tìm đoán những điều ẩn kín thì sẽ gặp tai ương ». Nhà vua muốn trong nước không có trộm cướp thì không gì bằng dùng người hiền mà giao cho trọng trách, người trên sẽ sáng suốt, người dưới sẽ nhờ vậy được cải hóa. Khi dân có lòng liêm sỉ thì làm gì còn trộm cướp nữa ?

Tấn hầu nghe lời, cử Tùy Hội coi việc nước và bọn trộm cướp trốn qua nước Tần hết.

CHIẾM ĐƯỢC KHÔNG KHỚ,
GIỮ ĐƯỢC MỚI KHỚ VIII 12
(Triệu Tương tử sử Tân Trĩ..)

Triệu Tương tử (1) sai Tân Trĩ Mục tử đem quân đánh rợ Địch (2), thắng, chiếm được hai miền Tả nhân, Trung nhân. Tân Trĩ Mục tử sai sứ giả về báo tin thắng trận. Tương tử đương ăn, hay tin, có vẻ lo. Người chung quanh hỏi :

— Một buổi sáng chiếm được hai thành, ai cũng lấy vậy làm mừng, sao ngài lại có vẻ lo ?

Tương tử đáp :

— Nước sông dâng lên không quá ba ngày ; gió lớn mưa đông không quá một buổi sáng, mặt trời đứng bóng chỉ một chốc lát. Họ Triệu tích đức không được nhiều, mà một buổi sáng hạ được hai thành, tôi sợ rằng sự suy vong sắp tới !

Khổng tử nghe được, bảo :

— Họ Triệu sẽ thịnh. Biết lo thì sẽ thịnh, vui mừng thì sẽ nguy.



(1) Triệu Tương tử làm tướng quốc nước Tấn (thế kỉ thứ 5 trước T.L.)

(2) Rợ Địch ở phương Bắc.

Thắng không phải là khó, giữ được mới khó. Bậc minh quân hiểu lẽ đó mà giữ được thắng lợi, đề phúc lại được cho con cháu. Các nước Tề, Sở, Ngô, Việt đều đã có lần thắng các chư hầu mà rốt cuộc đều bại vong, là vì không hiểu cái lẽ duy trì thắng thế. Chỉ ông vua đạt đạo mới duy trì được thắng thế.

Sức Khổng tử mạnh đủ để nâng được cửa kinh đô, nhưng ông không muốn người ta biết sức của mình; Mặc tử có tài đánh thành, Công Thâu ban (1) phải thua, nhưng ông không muốn người ta biết tài cầm quân của mình. Cho nên người nào biết duy trì thắng lợi thì tuy mạnh mà vẫn coi mình là yếu (không ý vào sức mạnh).

ĐÂU LÀ PHÚC, ĐÂU LÀ HỌA ? VIII 13
(Tống nhân hữu hiếu hành nhân nghĩa giả)

Nước Tống có một nhà thích thi hành điều nhân nghĩa, luôn ba đời như vậy. Bỗng nhiên con trâu đen trong nhà sinh một con trâu trắng. Dem việc đó hỏi Khổng tử. Khổng tử đáp :

— Diễm lành đấy. Dem tế trời đi.

(1) Coi chú thích bài V 14.

Được một năm, người cha trong gia đình đó tự nhiên đui, và con trâu đó lại sanh trâu trắng. Người cha lại sai con đi hỏi Khổng tử. Người con bảo :

— Lần trước hỏi rồi thì mắt cha không thấy đường, bây giờ còn hỏi làm chi nữa ?

Người cha đáp :

— Lời thánh nhân mới đầu có vẻ như sai mà sau đúng. Việc đó chưa hết mà, con cứ lại hỏi nữa đi.

Người con lại hỏi Khổng tử lần nữa. Khổng tử bảo là điếm lành và lại khuyên đem tế trời. Người con về thưa lại, người cha bảo :

— Làm theo lời Khổng tử.

Được một năm người con lại đui.

Sau đó Sở đem quân đánh Tống. Dân trong thành (đói quá) đổi con cho nhau để ăn thịt, bừa xương ra làm củi chụm. Các trai tráng đều phải lên lũy thành chiến đấu, chết già nửa. Cha con nhà đó vì đui mà được miễn. Đến khi thành được giải vây rồi, mắt họ đều sáng lại.

HAI NGƯỜI LÀM TRÒ SƠN ĐÔNG VIII 14

(Tổng hữu lan tử giả)

Nước Tống có người làm trò Sơn đông xin diễn trò cho vua Nguyên (nước Tống) coi. Vua Nguyên cho gọi vô. Anh ta đứng lên hai cây cà khêu cao gấp hai anh ta, mà vừa chạy vừa nhảy. Rồi lấy bảy cây kiếm tung lên trời và bắt, lúc nào cũng có năm cây ở trên không. Vua Nguyên ngạc nhiên lắm, thưởng anh ta vàng và lụa.

Một người làm trò khác có tài đánh đu (1) hay tin đó, tới xin làm trò cho vua Nguyên coi. Vua Nguyên nổi giận, bảo :

— Trước đã có một người làm trò lạ xin ta cho diễn. Trò đó vô dụng, nhưng gặp lúc ta vui vẻ cho nên thưởng hần vàng, lụa. Tên này chắc nghe vậy mà lại, cũng mong được ta thưởng nữa đây. Bắt giam và làm nhục nó đi.

Một tháng sau hần mới được thả.

GIỎI COI TƯỞNG NGỰA VIII 15

(Tần Mục Công vị Bá Nhạc)

Vua Tần Mục Công bảo Bá Nhạc (2) :

(1) Nguyên văn là yến hí : làm trò bay qua bay lại như con nhạn, chắc là trò đánh đu, phóng mình bắt dây bên kia.

(2) Người nổi tiếng coi tượng ngựa thời cổ.

— Ông đã già rồi, con cháu có người nào sai tìm ngựa tốt được không ?

Bá Nhạc đáp :

— Ngựa tốt, coi hình dáng, gân cốt thì biết được. Nhưng con ngựa nhất thiên hạ thì có cái gì đó như ẩn như hiện, như có như không, cảm được chứ không thấy được, nó chạy thì không tung bụi lên tuyết trần, không để lại dấu xe nữa. Bầy con của thần đều bắt tài, giảng cho chúng hiểu thế nào là ngựa tốt, mà không giảng cho chúng nhận được con ngựa tuyết trần (1). Thần có một người bạn cùng chợ củi và rau, tên là Cửu Phương Cao, coi ngựa không kém thần, đại vương nên vời người đó tới.

Mục Vương vời người đó tới, sai đi tìm ngựa. Ba tháng sau người đó về tâu :

— Được ngựa rồi, ở Sa Khâu.

Mục Vương hỏi :

— Ngựa ra sao ?

— Ngựa cái vàng.

Sai người đi bắt ngựa, thì là một con ngựa đực đen. Mục Công bất bình, vời Bá Nhạc tới bảo:

— Hồng ! Người ông giới thiệu đi tìm ngựa.

(1) Chữ *tuyết trần* ngày nay có nghĩa là nhất đời, có lẽ gốc ở truyện này.

không phân biệt nòi ngựa đực ngựa cái, màu đen màu vàng, thì làm sao biết được ngựa ?

Bá Nhạc bùi ngùi, thở dài, rồi tâu :

— Tới mức đó ư ! Thế thì anh ấy hơn thần cả ngàn vạn lần rồi. Cái mà anh Cao xét là cái huyền vi của trời ; anh ấy nhận thấy cái tinh thần mà quên cái thô thiển, xét cái ở trong mà quên cái ở ngoài ; cái gì đáng thấy thì thấy, không đáng thấy thì thôi ; cái gì đáng nhìn thì nhìn, không đáng nhìn thì bỏ. Cái thuật đó của anh Cao có phải chỉ đề coi tướng ngựa mà thôi đâu, còn quý hơn vậy nữa.

Khi ngựa dắt về, quả nhiên không ngựa nào bằng (1).

NHÚN NHƯỜNG LÀ MỘT CÁCH GIỮ MÌNH VIII 17

(Hồ Khâu trượng nhân vị Tôn Thúc Ngao)

Một vị trưởng lão ở Hồ Khâu (2) bảo Tôn

(1) Đoạn cuối này, từ « Tới mức đó ư ! », B.G. dịch khác, chắc theo một bản khác.

(2) Nay ở tỉnh Hà Nam,

Thú Ngao (1) :

— Có ba cái gây oán, ông biết không ?

Tôn Thúc Ngao hỏi :

— Những cái nào vậy ?

— Tước cao thì bị người ta ghen, chức lớn thì bị người ta ghét, lộc hậu thì bị người ta oán.

Tôn Thúc Ngao bảo :

— Tước tôi càng cao thì tôi càng tự hạ mình xuống, chức tôi càng lớn thì tôi càng cho là nhỏ, lộc của tôi càng hậu thì tôi phân phát càng nhiều, như vậy tránh được ba cái oán đó không ?



Khi Tôn Thúc Ngao đau nặng sắp mất, răn con như sau :

— Nhà vua mấy lần phong đất cho cha, cha từ chối cả. Cha chết rồi, nhà vua chắc sẽ phong cho con. Con nhớ đừng nhận một đất phi nhiều đấy. Ở chỗ biên giới Sở và Việt, có một chỗ tên là Tầm Khâu (2), đất đó khô cằn, nghe cái tên nó

(1) Một vị tướng quốc có tài đức của Sở Trang vương. Coi Sử kí của Tư Mã Thiên — bản dịch của Lá Bối trang 717.

(2) Nghĩa là đất ngủ, đất chết.

ai cũng ghét, vì người Sở sợ ma mà người Việt thì thích những tên đẹp (báo điềm lành). Chỉ có đất đó là giữ lâu được thôi.

Tôn Thúc Ngao chết rồi, quả nhiên vua Sở đem một đất tốt phong cho con ông, người con từ chối, xin đất Tầm Khâu, và giữ được tới nay.

CÁCH CƯ XỬ VỚI BỌN CƯỚP VIII 18

(Nguru Khuyết giả, thượng địa chi đại nho dã)

Nguru Khuyết là một bậc đại nho sống ở miền thượng (1), xuống Hàm Đan (2), gặp cướp ở tại Ngẫu Sa, mất hết quần áo, hành trang, xe và trâu, phải đi bộ mà nét mặt vẫn vui vẻ, không buồn tiếc. Bọn cướp chạy theo, hỏi tại sao vẫn vui vẻ. Nguru Khuyết đáp :

— Người quân tử không vì những vật nuôi mình (3) mà làm hại thân mình.

Bọn cướp bảo :

— Ôi ! thực là bậc hiền !

(1) Tức miền núi của Tam Tấn (Hàn, Ngụy, Triệu)

(2) Kinh đô nước Triệu thời Chiến quốc.

(3) Tức thức ăn, quần áo, đồ dùng.

Rồi chúng bàn với nhau :

— Lão đó hiền minh như vậy mà gặp vua Triệu, vua Triệu dùng để trị bọn mình thì bọn mình nguy mất, không bằng giết phắt lão đi.

Rồi chúng đuổi theo, giết Nguru Khuyết.

Một người nước Yên nghe chuyện đó, hội họp bà con họ hàng lại khuyên :

— Nếu có gặp cướp thì đừng làm như ông Nguru Khuyết ở miền thượng đấy.

Mọi người nghe lời. Chẳng bao lâu em người đó qua Tần, tới cửa ải, quả nhiên gặp cướp, nhớ lời khuyên của anh, hết sức chống cự với cướp. Chống cự không nổi, rồi chạy theo chúng năn nỉ chúng trả lại hành lí. Bọn cướp nổi giận bảo :

— Tội tao tha chết cho, là rộng lượng rồi ! Mà mày còn chạy theo hoài, sẽ lộ tung tích tội tao. Tội tao đã làm cái nghề cướp bóc, đâu nghĩ tới nhân nghĩa ?

Rồi chúng giết người đó, bốn năm người đi theo cũng bị thương lây.



CÁI HẠI CỐ CHẤP V III 20

(Đông phương hữu nhân yên)

Ở phía đông có một người tên là Viên Tinh Mục, đi xa, giữa đường gần chết đói. Một tên cướp ở Hồ Phủ, tên là Khâu trông thấy, đồ nước vào miệng và đút thức ăn cho. Ba lần như vậy, Viên Tinh Mục mới tỉnh, mở mắt nhìn thấy tên cướp, hỏi :

— Ông là ai vậy ?

Đáp :

— Tôi là người Hồ Phủ, tên Khâu đây.

Viên Tinh Mục bảo :

— Ý, vậy anh là một tên cướp hả ? Sao lại cho ta ăn uống ? Ta trọng nghĩa, không nhận thức ăn của anh đâu.

Nói xong, hai tay chống xuống đất, người đó cố mửa thức ăn ra, không được, chỉ nghe thấy tiếng ọc ọc trong bụng, rồi ngã gục xuống, chết.

Người ở Hồ Phủ đúng là một tên cướp, nhưng cứu sống người đói, không phải là một hành vi cướp bóc. Viên Tinh Mục lấy lẽ người đó là kẻ cướp mà không chịu ăn thức ăn của người đó (cho là của bất nghĩa) như vậy là lầm danh với thực.

NÊN TRUNG QUÂN TỚI MỨC NÀO ? VIII 21

(Trụ Lệ Thúc sự Cử Ngao công)

Trụ Lệ Thúc thờ Ngao công nước Cử (1), tự cho là Ngao công không biết dùng mình, nên bỏ về ở ẩn tại bờ biển, mùa hè ăn củ ấu, mùa đông ăn hạt giẻ.

Tới khi Ngao công gặp bước nguy nan, Trụ Lệ Thúc từ biệt bạn bè mà hi sinh lại cứu. Bạn bè hỏi :

— Bác đã cho là Ngao công không biết dùng bác nên bỏ đi ; nay lại hi sinh tới cứu, như vậy không phân biệt hạng vua biết dùng và hạng vua không biết dùng bề tôi nữa.

Trụ Lệ Thúc đáp :

— Không phải vậy. Tôi tự cho là nhà vua không biết dùng tôi, nên tôi bỏ về ; ngày nay tôi hi sinh cho nhà vua để tỏ rằng quả thực nhà vua đã không biết dùng tôi. Tôi chết đây là để đời sau những ông vua không biết dùng bề tôi phải xấu hổ.

(1) Một nước nhỏ thời Chiến Quốc, nay ở Sơn Đông.

Nếu vua biết dùng mình thì mình hi sinh cho vua được, không biết dùng mình thì không có lí gì để hi sinh, đó là con đường chính trực để theo. Có thể bảo Trụ Lệ Thúc là người vì quá oán giận mà tự hủy hoại thân mình như vậy.

TRUYỆN NGƯỜI BIẾT THUẬT BẤT TỬ VIII 26

(Tích nhân ngôn hữu tri bất tử chi đạo giả)

Xưa có một người cho rằng mình biết cái thuật bất tử. Vua Yên sai sứ giả lại đón. Sứ giả chậm trễ, chưa tới thì người đó đã chết rồi. Vua Yên giận lắm muốn đem giết. Một bề tôi được vua yêu bèn can :

— Ai cũng sợ nhất là chết, quý nhất là sống. Mà người đó không tự cứu sống được mình thì làm sao có thể làm cho đại vương bất tử được ?

Vua Yên thôi không giết sứ giả nữa.

Một người nước Tề cũng muốn biết thuật bất tử, hay tịn người có thuật đó đã chết, tự vô ngực, tiếc vô cùng. Phú tử nghe nói, cười rằng :

— Muốn học thuật bất tử, nay người biết thuật đó chết rồi mà mình còn tiếc, thì rõ là không biết mình muốn học cái gì.

— Ngày nguyên đán mà phóng sinh thì tỏ rằng mình có lòng thương loài vật.

Người khách nói :

— Dân chúng biết ông muốn phóng sinh, tất tranh nhau bắt chim cưu, và nhiều chim sẽ bị chết. Nếu ông muốn cho chim sống thì không gì bằng cấm dân đừng bắt ; bắt rồi phóng sinh thì lòng tốt của ông không đủ bù cái hại.

Giản tử đáp :

— Đúng vậy.

TRỜI KHÔNG THIÊN VỊ GIỐNG NÀO VIII 28

(Tề Điền thị tổ tư đình)

Họ Điền nước Tề tế thần đường sá (1) trong sân, thực khách tới số ngàn. Giữa bữa tiệc, có người dâng lên món cá và món chim nhạn. Họ Điền nhìn rồi thở dài :

— Trời hậu đãi loài người thật ! Sinh ra ngũ cốc, cá chim để chúng ta ăn.

Mọi người khách đều tán thưởng ăm ỉ.

(1) Trước khi đi xa, người ta tế thần đường sá, gọi là tế tổ.

— Ngày nguyên đán mà phóng sinh thì tỏ rằng mình có lòng thương loài vật.

Người khách nói :

— Dân chúng biết ông muốn phóng sinh, tất tranh nhau bắt chim cưu, và nhiều chim sẽ bị chết. Nếu ông muốn cho chim sống thì không gì bằng cấm dân đừng bắt ; bắt rồi phóng sinh thì lòng tốt của ông không đủ bù cái hại.

Giản tử đáp :

— Đúng vậy.

TRỜI KHÔNG THIÊN VỊ GIỐNG NÀO VIII 28

(Tề Điền thị tổ ư đình)

Họ Điền nước Tề tế thần đường sá (1) trong sân, thực khách tới số ngàn. Giữa bữa tiệc, có người dâng lên món cá và món chim nhạn. Họ Điền nhìn rồi thở dài :

— Trời hậu đãi loài người thật ! Sinh ra ngũ cốc, cá chim để chúng ta ăn.

Mọi người khách đều tán thưởng ăm ỉ.

(1) Trước khi đi xa, người ta tế thần đường sá, gọi là tế tổ.

Một đứa con họ Bão mới mười hai tuổi, dự vào hàng dưới, tiến lên thưa :

— Không đúng như lời ngài nói. Vạn vật trong trời đất với chúng ta đều là sinh vật cả, không loài nào quý, không loài nào hèn. Chỉ dùng trí khôn và sức mạnh mà khuất phục lẫn nhau, ăn thịt lẫn nhau thôi, chứ không có loài nào sinh ra để cho loài khác ăn thịt. Loài người thấy cái gì ăn được thì ăn, trời đâu có vì người mà sinh ra các loài đó. Muỗi mòng kia đốt da ta, hồ lang kia ăn thịt ta, có thể nói là trời vì chúng mà sinh ra chúng ta không ?

TƯỚNG MINH GIÀU VIII₃₀

(Tổng nhân hữu du ư đạo)

Một người nước Tống đi trên đường lượm được một khế ước của ai đánh rơi, đem về nhà giấu kĩ, lén đếm những dấu khắc trên khế ước (1). Một hôm người đó bảo người láng giềng :

— Chẳng bao lâu tôi sẽ giàu, rồi bác coi.

(1) Khế ước bằng gỗ hay tre ; những dấu khắc đó ghi số tiền. Chắc hai bên đều không biết chữ.

VÌ LỢI MÀ KHUYÊN NGƯỜI VIII 31

(Nhân hữu khô ngô thụ giả)

Một người có một cây ngô đồng khô. Người láng giềng bảo :

— Cây ngô đồng khô là điềm gở đấy.

Người kia vội đồn đi. Cha người láng giềng bèn xin về làm củi. Người kia bất bình, bảo :

— Người cha anh láng giềng đó muốn có củi nên xui mình đồn cây. Láng giềng với nhau mà hiềm như vậy, xấu quá ! (1)

NGỜ OAN VIII 32

(Nhân hữu vong phủ giả)

Một người đánh mất một chiếc rựa, ngờ con người láng giềng lấy, thấy dáng đi của nó đúng là đứa ăn trộm rựa, về mặt nó đúng là đứa ăn trộm rựa, ngôn ngữ nó đúng là đứa ăn trộm rựa, hành động, thái độ nó rõ ràng là đứa ăn trộm rựa.

Ít lâu sau đào đất trong hang ngẫu nhiên tìm được chiếc rựa. Hôm sau lại đề ý nhìn đứa con

(1) Nguyên văn : Khởi khả tai ! B.G. dịch là : Biết làm gì bây giờ ?

người lảng diềng thì hành động, thái độ của nó không còn cái vẻ gì là ăn trộm rựa nữa.

THAM THÌ TỐI MẮT LẠI VIII 34

(Tích Tề nhân hữu dục kim giả)

Xưa, một người nước Tề ham vàng quá, sáng sớm mặc quần áo, đội khăn ra chợ, lại cửa hàng đòi vàng, chớp vàng rồi chạy.

Người coi chợ bắt được, hỏi:

— Giữa đám đông sao mà chú dám chớp vàng của người ta?

Đáp:

— Lúc tôi cướp vàng, tôi có thấy ai đâu, chỉ thấy vàng thôi.

PHẦN III
DƯƠNG TỬ

NÊN NHÛN II 15

(Dương Chu nam chi Bái)

Dương Chu đi xuống phía nam, lại đất Bái ;
Lão Đàm qua phía tây chơi nước Tần (1). Dương
Chu tới Lương (2) thì gặp Lão tử (3). Lão tử
đứng giữa đường, ngựa mặt lên trời, than ;

— Trước kia ta tưởng có thể dạy anh được,
nay thấy là vô phương.

Dương tử làm thinh.

(1) Chúng tôi không hiểu ba chữ « yên ư giao »
(được mời đón ở ngoài thành) là nghĩa gì. B.G. dịch
là : hỏi đường.

(2) Lương là kinh đô nước Ngụy, cũng trở nước
Ngụy.

(3) Bài này chỉ là một ngụ ngôn.

Họ tới một quán trọ. Khi đã tắm rửa, súc miệng, chải đầu, lau mình rồi, Dương tử tụt dép ở ngoài cửa, quì mà lết lại gần Lão tử, thưa :

— Lúc nãy, thầy ngửa mặt lên trời than rằng :
« Trước kia ta tưởng có thể dạy anh được, nay thấy là vô phương ». Con muốn thỉnh giáo, nhưng thầy mãi từ từ đi, nên con không dám. Nay thầy nhàn rồi, xin thầy chỉ cho con biết lỗi của con.

Lão tử đáp :

— Anh có vẻ tự mãn, khoa trương thì ai mà muốn ở gần anh. Trắng bong thì coi như có vết, đục mà đầy đủ thì có vẻ như thiếu thốn.

Dương tử ngượng nghịu, biến sắc, thưa :

— Con xin vâng lời.

Khi Dương Chu tới quán trọ, chủ quán ra đón, ông già chủ quán giải chiếu mời, vợ chủ quán dâng khăn và lược, các khách trọ khác nhường chỗ tốt cho, người đầu bếp nhường chỗ ăn cho. Bây giờ (sau khi Dương tử nghe lời khuyên của Lão tử), các người khách trọ tranh nhau chỗ với Dương tử (1).

(1) Vì Dương tử hết vẻ tự mãn, kiêu căng, mà đồng hóa với các người khác, nên các người khác coi ông ta như họ. Bài này có chép trong thiên Ngụ ngôn của Trang tử.

ĐỪNG TỰ PHỤ II 16

(Dương Chu quá Tống)

Dương Chu qua nước Tống, vô nghị một quán trọ ở phía đông nước đó. Chủ quán có hai người vợ, một người đẹp, một người xấu, quý người vợ xấu mà ghét người vợ đẹp. Dương Chu hỏi tại sao, chủ quán đáp :

— Con vợ đẹp của tôi tự cho mình là đẹp cho nên tôi không thấy nó đẹp ; con vợ xấu của tôi tự cho mình là xấu, nên tôi không thấy nó xấu.

Dương tử bảo các đệ tử :

— Các con nên nhớ điều đó. Hành động như hiền nhân, mà đừng có thái độ tự cho mình là bậc hiền, thì tới đâu mà chẳng được người ta quý (1).

ĐỜI SỐNG TỰ SINH TỰ CHẾT VI 6

(Dương Chu chỉ hữu viết Quí Lương)

Một người bạn của Dương Chu tên là Quí

(1) Nguyên văn : *An vãng như bất ái tai ?* Không hiểu B.G. theo bản nào mà dịch là : Cứ vui vẻ theo đường đó, đừng miễn cưỡng. Bài này có trong Nam Hoa kinh, thiên Sơn mộc.

Lương đau, được mười ngày thì bệnh hóa nguy kịch. Các con Quí Lương đứng chung quanh mà khóc, (muốn) mời ông lang tới.

Quí Lương bảo Dương Chu :

— Các con tôi ngu tới cực đó đấy. Sao bác không vì tôi hát lên một bài để dạy bảo chúng ?

Dương Chu bèn hát :

Trời kia còn không biết,

Huống hồ là con người.

Trời đã chẳng giúp ai,

Họa cũng chẳng do người.

Cả bác lẫn tôi

Đều cùng chẳng biết.

Thầy cúng thầy lang

Làm sao biết được ?

Các con của Quí Lương không hiểu, vẫn mời ba thầy lang lại. Thầy lang thứ nhất họ Kiều, thầy thứ nhì họ Du, thầy thứ ba họ Lư, cùng lại coi mạch đoán bệnh.

Thầy họ Kiều bảo Quí Lương :

— Cơ thể ông hàn nhiệt không điều hòa, hư

thực mất quân bình, bệnh do âm thực (1) sắc dục, tinh thần lo lắng tán loạn, chẳng phải do ma quỷ gì đâu, tuy lâu hết nhưng trị được.

Quý Lương bảo :

— Thứ lang vườn đó, nên gấp đuổi đi.

Thầy họ Du bảo :

— Bệnh của ông do tiên thiên bất túc. Sữa cụ bà nhiều quá Bệnh đã phát từ lâu, mỗi ngày một tăng, không thể trị được.

Quý Lương khen :

— Đáng là lương y.

Rồi bảo làm cơm thết đãi.

Thầy họ Lư bảo :

— Bệnh ông không do trời, không do người, cũng không do ma quỷ. Nó có từ khi ông ra đời. Hễ đạt được lẽ trời thì hiểu được nó (2). Thuốc thang có ích gì cho ông đâu.

(1) Nguyên văn là no đói.

(2) Đại ý là : người ta sinh ra đã có mầm chết rồi, đó là lẽ trời. Chúng tôi đoán vậy mà không dám chắc. B.G. dịch là : Ai làm chủ được đời sống thì cũng hiểu được nó.

Quý Lương khen :

— Thật là thần y.

Rồi sai hậu tạ, tiễn thầy lang đó về.

Chẳng bao lâu bỗng nhiên Quý Lương tự nhiên hết bệnh.

Đời mình không phải cứ quý nó mà bảo tồn được nó ; thân mình không phải cứ yêu nó mà nó khoẻ mạnh (1). Đời mình không phải cứ khinh nó mà nó hóa ngán ngủi, thân mình không phải cứ coi thường nó mà nó bạc nhược. Có khi quý đời mình mà không sống được, khinh nó mà lại không chết ; yêu thân mình mà không khoẻ mạnh, coi thường nó mà nó lại không bạc nhược. Nói vậy có vẻ như ngược đời mà thực ra không ngược đời. Đời sống tự sinh tự chết, thân thể tự khoẻ mạnh, tự bạc nhược. Có khi quý đời mình mà sống lâu, khinh nó mà chết yếu ; có khi yêu thân mình mà nó khoẻ mạnh, coi thường nó mà nó bạc nhược. Thấy vậy, người ta cho là lẽ tự nhiên, không phải vậy. Đó chỉ là đời sống nó tự sinh, tự chết, thân thể nó tự khoẻ mạnh, tự bạc nhược thế thôi.

(1) Nguyên văn là *hận*, trái với *bạc*, chúng tôi dịch thoát như vậy.

HÀNH ĐỘNG HAY KHÔNG
HÀNH ĐỘNG VI 8
(Dương Bồ vấn viết)

Dương Bồ (1) hỏi (Dương Chu) :

— Có những người về tuổi tác, ngôn ngữ, tài năng, dong mạo ngang nhau, chỉ hơn kém nhau như anh với em, mà về thọ yếu, sang hèn, danh dự, được đời yêu hoặc bị đời ghét, khác nhau xa như cha với con, điều đó em không hiểu được tại sao.

Dương Chu đáp :

— Anh được nghe người xưa có nói câu này : Cái gì không biết tại sao nó lại như vậy, thì gọi là do mệnh trời. Ngày nay cái gì cũng mờ mờ tối tối, bời bời, hỗn độn, làm cũng vậy, không làm cũng vậy (2) ; ngày qua ngày lại, ai mà biết được là tại sao, chẳng qua là do mệnh cả. Đã tin mệnh trời rồi thì không có gì là thọ, là yếu ; tin cái lẽ đương nhiên rồi thì không có gì là phải, là trái, theo đúng lòng mình rồi thì không có gì là thuận, là nghịch ; theo đúng bản tính mình rồi

(1) Em Dương Chu.

(2) Nguyên văn : tùy sở vi, tùy sở bất vi ; chúng tôi theo B.G. mà dịch như vậy, nhưng còn ngờ.

thì không có gì là an, là nguy. Người như vậy có thể gọi là không tin cái gì cả mà không có cái gì là không tin. Thực vậy, tại sao lui, tại sao tới? tại sao vui, tại sao buồn? tại sao hành động, tại sao không hành động?

HỀ CÓ DANH THÌ KHÔNG CÓ THỰC VII₁ (Dương Chu du ư Lỗ)

Dương Chu qua chơi nước Lỗ, ở nhà Mạnh thị. Mạnh thị hỏi :

— Làm người cũng đủ rồi (1), danh để làm gì?

Đáp :

— Người ta dùng danh để làm giàu.

— Thế thì đã giàu rồi, sao không thôi?

— Để được sang.

— Đã sang rồi, sao không thôi?

— Để chết (được vẻ vang).

— Chết rồi thì để làm gì?

(1) Nguyên văn : nhân nhi dĩ hĩ, B.G. dịch là : L'homme n'est pas plus qu'un homme : con người thì cũng chỉ là người mà thôi, không hơn gì.

— Để cho con cháu nhờ.

— Danh mà có ích gì cho con cháu ?

Dương Chu đáp :

— Có danh thì khổ cái thân, nảo tấm lòng.
(Nhưng) người có danh thì họ hàng được hưởng ân huệ, làng mạc được lợi lộc, huống hồ là con cháu ?

(Mạnh thị nói :)

— Người nào muốn có danh thì tất phải liêm khiết, mà liêm khiết thì nghèo ; muốn có danh thì phải nhún nhường mà nhún nhường thì thấp hèn (không vinh hiển).

Đáp :

— Quản Trọng hồi làm tướng quốc nước Tề, vua dân dăng thì cũng dân dăng, vua xa xỉ thì cũng xa xỉ, ý chí và ngôn ngữ đều theo đúng vua (1) mà thi hành được chính sách, khiến cho nước Tề thành bá chủ chư hầu, chết rồi con cháu cũng chỉ là những kẻ họ Quản mà thôi (2) (không ai giàu

(1) Vì Quản Trọng không muốn mình được tiếng là có đức hơn vua.

(2) B.G. dịch là : chết rồi chỉ còn cái tên là ông Quản.

sang). Điền Thị làm tướng quốc nước Tề (1), vua mà tự đắc quá thì ông khiêm tốn, vua mà tham lam thì ông rộng rãi, dân đều qui phục, nên sau ông được làm vua nước Tề, con cháu tới nay còn được hưởng thụ.

(Mạnh thị hỏi :) (2).

— Có phải như vậy là hễ thực danh thì nghèo mà ngụ danh thì giàu, thực danh thì hèn, ngụ danh thì sang không ?

Đáp :

— Hễ thực thì không có danh, hễ có danh thì không thực. Những người có danh đều là ngụ hết (3). Hồi xưa, vua Nghiêu vua Thuấn giả dối đem thiên hạ nhường cho Hứa Do và Thiệu Quyền (4), nên mới giữ được thiên hạ mà hưởng

(1) Không sách nào chủ giải Điền thị này là ai ? Chắc không phải là Điền Văn, tức Mạnh Thường Quân vì Điền Văn ở thời Chiến Quốc, Dương Chu ở thời Xuân Thu. Từ Hải cũng không cho biết gì cả.

(2) Chúng tôi theo B.G. mà thêm câu này. Hai bản chữ Hán không có.

(3) Thực danh là có đức mà tự nhiên có danh ; ngụ danh trái lại.

(4) Hứa Do và Thiệu Quyền là hai nhà ẩn sĩ, được vua nhường ngôi mà không nhận. Câu này Dương Chu có ý chê Nghiêu, Thuấn là giả bộ nhường ngôi ; lời lẽ đó nghiêm khắc quá.

lộc tới trăm tuổi. Bá Di, Thúc Tề (1) thực tâm nhường ngôi nước Cô Trúc, cho nên mới mất nước, chết đói ở núi Thú Dương. Coi đó thì mới biết được thành thực và giả dối khác nhau ra sao.

NÊN HƯỞNG ĐỜI VII 2

(Dương Chu viết : Bách niên thọ...)

Dương Chu bảo :

— Thọ nhiều lắm là trăm tuổi, mà ngàn người không có một người tới được tuổi đó. Có được chẳng thì tuổi thơ phải bẽ bồng với tuổi già nửa lần cần chiếm mất gần một nửa trăm năm đó rồi. Thời gian ban đêm ngủ, ban ngày bỏ phí, lại chiếm gần một nửa (chỗ còn lại) nữa. Ốm đau, buồn khổ, táng thất, lo sợ lại mất một khoảng nửa (chỗ còn lại) nữa. Tính ra trong mười năm còn lại, (đáng lẽ) được sống ung dung vui vẻ thì những lúc không phải lo lắng chút nào cả, gom lại cũng không được một giờ !

(1) Bá Di, Thúc Tề đều là con vua nước Cô Trúc, nhường ngôi lẫn cho nhau, rồi trốn đi. Người con giữa lên ngôi. Sau cả hai đều chê vua Vũ Vương nhà Chu là bất nhân, không ăn lúa nhà Chu, chịu chết đói ở núi Thú Dương. Coi bài Bá Di liệt truyện trong Sử kí của Tư Mã Thiên.

Vậy thì con người sống để làm gì ? Vui sướng ở đâu ? Vui cái đẹp cái ngon (1), vui cái thanh cái sắc, nhưng cái đẹp cái ngon không được hưởng thường cho tới chán, cái thanh cái sắc không được ngắm hoài, nghe hoài (2), mà lại thêm nỗi người ta dùng cách thưởng phạt để khuyên, ngăn; dùng danh vọng và pháp luật để cấm đoán.

Người ta cạnh tranh ganh đua nhau để được cái hư danh một thời, cầu cạnh cái hư vinh sau khi chết, cứ nhớ tới cái phải cái trái mà không dám cho tai mắt được theo sở thích của mình (3), làm mất cái cực lạc thú trước mắt, không được thỏa thuê phóng túng một lúc nào cả, như vậy có khác gì bị gông bị cùm không ?

Người thời thái cổ biết rằng đời sống chỉ là tạm, chẳng bao lâu rồi chết, cho nên hành động theo lòng mình, không trái những thị hiếu tự

(1) Nguyên văn : mỹ hậu : đẹp, dày, trở thức ăn và y phục.

(2) B.G. dịch khác hẳn : không cái vui nào lâu bền, thanh sắc hưởng riết rồi cũng chán. Nguyên văn : mỹ hậu phục bất khả thường yếm tức, thanh sắc bất khả thường ngoạn văn.

(3) Câu này chúng tôi dịch thoát lấy ý.

nhiên, không bỏ lỡ cái gì làm vui cho cuộc sống, không để cái danh nó quấy rầy ; họ theo bản tính của họ, không làm trái với xu hướng của vạn vật ; họ không màng tới cái danh sau khi chết, cho nên không nghĩ tới hình phạt. Danh tiếng hơn hay kém, tuổi thọ nhiều hay ít, họ không quan tâm tới.

CHẾT THÌ NHƯ NHAU HẾT VII₃

(Dương Chu viết : Vạn vật sở dĩ giả...)

Dương Chu nói :

— Vạn vật sống thì khác nhau mà chết thì như nhau hết. Sống, có kẻ hiền người ngu, kẻ sang người hèn, thế là khác nhau ; chết thì xác tan rã, hôi thối, tiêu diệt, ai cũng như ai. Hiền hay ngu, sang hay hèn, không phải mình muốn mà được ; tan rã, hôi thối, tiêu diệt, cũng chẳng phải do ta muốn. Cho nên sống không phải do mình, chết không phải do mình, hiền hay ngu không phải do mình, hèn hay sang không do mình. Mà là vạn vật cùng sống, cùng chết, cùng hiền cùng ngu, cùng sang cùng hèn cả (1). Sống mười năm, hay trăm năm thì rồi cũng chết, thánh hiền cũng chết, ngu ác cũng chết. Sống là Nghiêu, Thuấn,

(1) Nghĩa là đều do tự nhiên cả, như nhau cả.

chết là thịt rã xương mục ; sống là Kiệt, Trụ thì chết cũng là thịt rã xương mục. Đều là thịt rã xương mục thì ai mà phân biệt được là Nghiêu, Thuấn hay Kiệt, Trụ ? Thế thì cứ hưởng đời đi, nghĩ làm quái gì tới chuyện sau khi chết !

CÁI HẠI HAM DANH VII 4

(Dương Chu viết : Bá Di phi vô dục)

Dương Chu bảo :

Ông Bá Di (1) không phải là không có thị dục, vì quá ham cái tiếng thanh khiết mà tới nỗi chết đói ; ông Triền Quí (2) không phải là vô tình, vì quá ham cái tiếng trong trắng mà đến nỗi không có con cháu nối dòng. Cái thanh khiết, cái trong trắng làm mê muội con người tới mức đó !

ĐẠO TRUNG DUNG VII 5

(Dương Chu viết : Nguyên Hiến lữ ư Lỗ)

Dương Chu bảo :

(2) Bá Di — coi chú thích bài VII 1.

(3) Triền Quí tức Liễu Hạ Huệ, người nước Lỗ thời Xuân Thu, mỗi nữ ngồi vào lòng ông, mà ông vẫn thản nhiên.

Nguyên Hiễn (1) sống nghèo khổ ở nước Lỗ, mà Tử Cống thì buôn bán (làm giàu) ở nước Vệ. Nguyên Hiễn vì nghèo mà tồn sinh, Tử Cống làm giàu mà lụy thân, vậy thì nghèo đã không nên, giàu cũng không nên, nên làm sao đây ? Đáp : Nên làm sao cho vui vẻ, an nhàn tấm thân. Kẻ biết sống vui thì tránh cảnh nghèo, kẻ biết sống an nhàn thì tránh sự làm giàu.

LO CHO NGƯỜI SỐNG VII 6

(Dương Chu viết : Cổ ngữ hữu chi)

Dương Chu nói :

Lời xưa có câu : « Nên thương người sống mà đừng nghĩ tới người chết ». Lời đó chí lý. Thương người sống không phải chỉ là việc tình cảm mà thôi, mà còn phải giúp cho người lao khổ được nghỉ ngơi, người đói được no, người rét được ấm, người khốn khổ được sung sướng. Không nghĩ tới người chết, không phải chỉ đừng khóc lóc, mà còn đừng bỏ châu ngọc vào miệng

(1) Nguyên Hiễn, tên tự là Tư, môn đệ của Khổng tử, nghèo mà vẫn vui vẻ đạo, khi Khổng tử mất, ông đi ẩn ở nước Vệ.

— Nếu vậy, thì chết sớm còn hơn là sống lâu, mà nên nhảy vào lưới gươm, đâm lửa ư ?

Dương Chu đáp :

— Không phải vậy ! Đã sinh ra thì cứ thản nhiên nhận cuộc sống, và thỏa mãn hết thị hiếu của mình mà đợi lúc chết ; sắp chết thì cứ thản nhiên nhận sự chết, sống hết đời mình cho tới khi tiêu diệt. Cái gì cũng thản nhiên, cái gì cũng chấp nhận, thì còn mong gì nó tới sớm hay tới muộn nữa ?

ĐỪNG LÀM LỢI CHO NƯỚC THÌ NƯỚC SẼ TRỊ VII 11

(Dương Chu viết : Bá Thành Tử Cao...)

Dương Chu bảo :

— Ông Bá Thành Tử Cao (1) không chịu mất một sợi lông của mình để làm lợi cho thiên hạ, bỏ nước mà ở ẩn cày ruộng ; còn ông Đại Vũ (2) không hề nghĩ làm lợi riêng cho mình, (hì sinh cho dân tới nổi) thân thể khô đét. Người xưa,

(1) Không rõ là ai

(2) Coi bài VII 12.

mất một cái lông mà làm lợi cho thiên hạ thì cũng không chịu, mà có ai đem cả thiên hạ phụng dưỡng thân mình thì cũng không nhận. Nếu mọi người đều không chịu mất một cái lông của mình, mọi người đều không muốn làm lợi cho thiên hạ thì thiên hạ sẽ bình trị.

*
* *

Cầm Tử hỏi Dương Chu :

— Nhờ một sợi lông trên mình ông để cứu đời, ông chịu không ?

Dương Chu đáp :

— Đời đâu có thể cứu được bằng một sợi lông.

— Cho rằng cứu được đi thì ông chịu không ?

Dương Chu không đáp.

Cầm Tử bước ra ngoài, kể lại với Mạnh Tôn Dương. Mạnh Tôn Dương bảo :

— Ông không hiểu được ý của phu tử, để tôi giảng cho. Nếu để người ta cắt da thịt mà được vạn cân vàng, ông chịu không ?

— Chịu.

— Để cho người ta bẻ gãy tay hay chân mà được một nước thì ông chịu không ?

Cầm Tử làm thỉnh.

Một lát sau, Mạnh Tôn Dương bảo :

— Một sợi lông không quan trọng bằng da thịt, da thịt không quan trọng bằng tay chân, điều đó hiển nhiên. Nhưng nhiều lông thì thành da thịt, nhiều da thịt thì thành tay chân ; một sợi lông chỉ là một phần vụn của thân thể, nhưng tại sao lại khinh nó ?

Cầm Tử đáp :

— Tôi không thể đáp lời ông được, nhưng đem lời của ông nói với Lão Đam, Quan Doãn (1) thì hợp với họ, mà tôi đem lời của tôi nói với Đại Vũ, Mặc Dịch thì cũng hợp với họ.

Mạnh Tôn Dương quay lại nói qua chuyện khác với môn đệ.

(1) Tên là Hỉ, người coi cửa HàmCốc (quan doãn là chức coi cửa quan) được Lão tử giao cho tập Đạo Đức kinh trước khi Lão tử qua cửa Hàm Cốc để rời Trung Quốc mà sang một nước ở phía Tây (theo truyền thuyết). Quan Doãn sau cũng đi về phía Tây, không rõ tung tích. Có cuốn Quan Doãn tử, nhưng chắc là của người đời sau ngụy tác,

NGHIÊU, THUẤN, KIẾT, TRỤ, CHẾT RỒI
CÙNG NHƯ NHAU VII 12

(Dương Chu viết : Thiên hạ chi mĩ)

Dương Chu bảo :

— Mọi tiếng tốt đẹp trong thiên hạ, đồn cả cho vua Thuấn, vua Vũ, Chu Công, Khổng tử, còn mọi tiếng xấu qui cả cho Kiệt và Trụ. Vua Thuấn cày ruộng ở Hà Dương, làm đồ gốm ở Lôi Trạch, chân tay không lúc nào được nghỉ, miệng không được ăn thức ngon ; không được cha mẹ yêu, anh em chị em quý, ba mươi tuổi cưới vợ mà không thừa với cha mẹ, tới khi được vua Nghiêu truyền ngôi cho thì tuổi đã cao, trí đã suy. Con trai ông ta là Thương Quân bất tài, ông ta phải nhường ngôi cho ông Vũ, rồi rầu rĩ tới chết. Ông ta là con người khốn khổ cô độc nhất đời.

Ông Cồn, cha của ông Vũ, được giao phó cho việc đắp đập đào kinh, mà không thành công, bị xử tử ở núi Vũ Sơn. Ông Vũ phải tiếp tục công việc của cha, như vậy là phải thờ kẻ thù của mình, đem hết sức ra khai hoang, có con mà không âu yếm, săn sóc con, đi qua nhà mà không vô, thân thể khô đét, tay chân chai cộm ; đến khi được vua Thuấn truyền ngôi cho, sống trong cung

thất tòi tàn, đeo dây thao, đội mũ miện đẹp, mà rầu rĩ tới chết. Ông ta là con người lo lắng, lao khổ nhất đời.

Vua Vũ (nhà Chu) khi mất, con là Thành Vương còn nhỏ, ông Chu Công (1) nhiếp chính, ông Thiệu Công (2) không vui, khắp bốn phương, đâu đâu cũng nổi lên lời chê, nên phải ra ở phía Đông ba năm, giết anh, bỏ tù em, đề tự cứu mình, sau sống rầu rĩ tới chết. Ông ta là người khốn đốn, lo sợ nhất đời.

Khổng Tử hiểu rõ cái đạo để vương, hễ vua nào mời thì sẵn sàng tới giúp, mà khi ở nước Tống có lần người ta chặt cây tính hại ông (3), có hồi phải lên trốn ra khỏi nước Vệ (4), có hồi

(1) Chu Công là con vua Văn vương, em vua Võ vương, chú của Thành vương (— 1115 — 1077), nhiếp chính cho Thành vương; vì anh và em ông ta muốn cướp ngôi của Thành vương, ông ta phải giết anh và bỏ tù em. Chu Công giỏi cai trị, đặt ra lễ nhạc.

(2) Các sách khác chép là Triệu Công, cũng nhiếp chính.

(3) Khổng tử và môn đệ ngồi ở dưới gốc cây, một quan tư mã nước Tống cho đốn cây, đề cây đổ mà đè bẹp ông.

(4) Có sách chú giải là bị đuổi ra khỏi Vệ.

bị cùng khốn ở Thương, Chu (1), bị vây ở Trần, Thái, bị Quí Thị xúc phạm, bị Dương Hồ làm nhục, sau rầu rĩ cho tới chết. Ông là người long đong bị xua đuổi nhất đời.

Bốn ông thánh đó, sống không được một ngày vui, mà chết đi, để lưu danh lại vạn đời. Danh vốn không phải là thực mà bảo có thể hưởng được, tuy được người ta khen thưởng thì cũng không biết, trơ trơ khác chi khúc cây, cục đất.

Kiệt được hưởng kho tàng mấy đời tích lũy, quay mặt về phương Nam mà giữ ngôi chí tôn, trí đủ để khiến bọn bề tôi không dám nhờn, uy đủ để khắp nước phải run sợ, tha hồ hưởng cái vui thanh sắc, muốn làm gì thì làm, mà sống vui vẻ cho tới chết. Ông ta là người phóng đảng nhất thiên hạ.

Trụ cũng được hưởng kho tàng mấy đời tích lũy, cũng quay mặt về phương Nam mà giữ ngôi chí tôn, uy lan ra khắp nơi, muốn làm gì thì làm, phóng túng trong Khuynh Cung (2), dâm đảng

(1) Thương và Chu trở Tống và Lỗ.

(2) Tên một cái đài do vua Trụ xây.

trong cảnh « trường dạ » (1), không tự làm khổ mình bằng lễ nghĩa, vui vẻ sống cho tới khi bị (vua Chu Vũ vương) giết. Ông ta là người phóng túng nhất thiên hạ.

Hai con người hung tàn đó, sống thì hưởng lạc cho thỏa lòng, chết mang cái tên xấu là ngu bạo. Thực vốn không phải là cái mà danh có thể tặng được, tuy bị người đời chê hay khen thì cũng không biết, trơ trơ khác chi khúc cây, cục đất.

Bốn ông thánh kia tuy được đồn cho mọi tiếng tốt, nhưng chịu khổ cho tới hết đời rồi cũng chết như mọi người vậy. Hai kẻ hung bạo kia phải chịu mọi tiếng xấu, nhưng được vui cho tới hết đời, rồi cũng chết như mọi người vậy.

CÓ CHÍ LỚN THÌ KHÔNG LÀM VIỆC NHỎ VII 13

(Dương Chu kiến Lương vương)

Dương Chu yết kiến vua nước Lương, báo trị thiên hạ dễ như lật bàn tay.

(1) Vua Trụ dám dâng lấy 120 ngày làm một đêm, gọi là « trường dạ ầm ».

Vua Lương bảo :

— Tiên sinh có một bà vợ lớn, một bà vợ nhỏ mà không trị được, có ba mẫu vườn mà không rẫy cỏ, mà bảo trị thiên hạ dễ như lật bàn tay, sao vậy ?

Đáp :

— Nhà vua thấy đũa chẵn cừu không ? Một bảy trăm con cừu, cho một đũa nhỏ cao năm thước (1) cầm cây roi bằng cọng sen mà chẵn, nó muốn dắt về phía Đông thì bảy cừu đi về phía Đông, dắt về phía tây thì đi về phía Tây. Nếu vua Nghiêu dắt một con cừu thôi, vua Thuấn cầm roi bằng cọng sen mà chẵn thì chắc là con cừu không đi. Và lại thần nghe nói con cá lớn có thể nuốt một chiếc thuyền thì không lội trong cái ngòi, cái lạch ; con hồng học bay tít trên cao thì không đáp xuống cái ao đục. Tại sao vậy ? Tại các loài đó muốn lội, bay cực xa. Cái hoàng chung và cái đại lữ (2) thì không dùng để tấu một khúc vũ tạp nhạc. Tại sao vậy ? Tại thanh âm không hợp.

(1) Mỗi thước (xích) thời đó là một gang tay.

(2) Hoàng chung là cái chuông lớn, đại lữ là một ống sáo lớn ; cũng có thể hiểu rằng hoàng chung trở âm « chính cung », đại lữ trở âm « chính thương ».
Coi chú thích bài V 11.

Người nào muốn làm việc lớn thì không làm việc nhỏ nhất, muốn thành công lớn thì không màng tới thành công nhỏ nhen. Đó ý thần như vậy.

CÁI BẢ HƯ DANH VII 14

(Dương Chu viết : Thái cồ chi sự...)

Dương Chu nói :

— Các việc lớn thời thái cồ đã dứt rồi, ai có thể ghi lại được ? Hành vi của Tam Hoàng tới nay như còn như mất, hành vi của Ngũ Đế như tỉnh như mộng, hành vi của Tam Vương hoặc ẩn hoặc hiện (1), một ức việc không biết chắc được một việc. Ngay những việc đương thời ta đây, hoặc được nghe hoặc được thấy mà vạn việc cũng không biết chắc được một việc ; những việc trước mắt ta đây, hoặc còn hoặc mất, ngàn việc cũng không biết chắc được một việc. ✓

(1) Tam Hoàng : theo truyền thuyết, là ba đời vua đầu tiên : Thiên Hoàng, Địa Hoàng, Nhân Hoàng.

Ngũ Đế : theo truyền thuyết, là Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.

Tam Vương là ba đời vua : vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương, vua Văn Vương nhà Chu.

Còn mất, tỉnh mộng, ẩn hiện đều có nghĩa là mơ hồ, không biết chắc được, như có như không.

Từ thời thái cổ tới nay, có biết cơ man nào là năm, mà từ thời vua Phục Hi tới nay, cũng đã trên ba trăm ngàn năm rồi. Hiền ngu, gian ác, thành bại, thị phi, không có gì là không tiêu diệt, chỉ sớm hoặc muộn mà thôi. Coi trọng tiếng khen tiếng chê một thời mà làm cho tinh thần, hình hài tiêu tụy, muốn lưu lại cái danh hão mấy trăm năm sau khi chết, nhưng chết rồi, có cách nào làm cho năm xương tàn tươi lại, tái sinh mà hưởng lạc được không ?

ĐỒNG HÓA VỚI VẠN VẬT VII¹⁵

(Dương Chu viết : Nhân tiểu thiên địa chi loại)

Dương Chu nói :

— Con người bản chất giống trời đất, có đức tính của ngũ hành (1), là loài tối linh trong vạn vật, nhưng móng tay và răng không đủ để tự vệ, da thịt không đủ để kháng cự, chạy không đủ mau để trốn nguy ; lại không có lông để che nắng tránh lạnh. Phải nhờ cậy vào ngoại vật để tự nuôi sống, nhưng phải dùng mưu trí chứ không ỷ vào

(1) Nguyên văn là ngũ thường ; ngũ hành tức kim, mộc, thủy hỏa, thổ.

sức mạnh được (1). Cho nên trí khôn quý ở chỗ nó bảo tồn được thân ta ; mà sức mạnh đáng khinh ở chỗ nó tàn bạo với các sinh vật khác.

Thân ta không phải là của ta, nhưng đã sinh ra rồi thì không thể không bảo toàn nó được. Các sinh vật khác không phải là của ta, nhưng đã có chúng rồi thì không được diệt trừ chúng đi (2).

Đời sống tùy thuộc thân ta, mà thức ăn của ta tùy thuộc vạn vật. Tuy bảo toàn được thân ta, nhưng không làm chủ hoàn toàn nó được ; tuy không diệt trừ các sinh vật khác, nhưng không thể làm chủ hoàn toàn chúng được. Làm chủ vật và làm chủ thân ta, tự ý muốn làm gì cho thân mình và cho vạn vật cũng được, họa may bậc thánh nhân mới được vậy. Coi thân mình là vạn vật, coi vạn vật là thân mình, thì chỉ bậc chí tôn mới được vậy. Đó là tốt bậc của sự hoàn thiện (3).

(1) Đoạn này làm chúng ta nhớ tới Pascal.

(2) Nguyên văn theo bản Trương Trầm : Kí hữu, bất đắc bất khứ chi. B.G. dịch sát như vậy. Theo bản Đường Kinh Cảo, chữ *bất* khứ, nên sửa là *nhĩ* khứ. Chúng tôi theo bản này.

(3) Thánh nhân ở đây trở bậc đại trí, chỉ nhân ở đây trở bậc đại nhân, cao hơn một bậc.

ĐÍNH CHÍNH

Những hàng có chữ *d* ở sau, xin đếm từ dưới lên

Trang	Hàng	Sai	Đúng
11	1d	Baolfur	Balfour
13	13	hư tâm hư tĩnh	hư tâm, hư tĩnh
17	4	Dương tử, (lớn tuổi hơn cả)	Dương tử (lớn tuổi hơn cả),
19	2d	rời Trung Quốc	rời Trung Quốc
20	9	Tuân ử	Tuân tử
	11	Quan Doãn tử Ân tử	Quan Doãn tử, Ân tử
25	4d	1—00—946	—1001—946
26	1	Bảo	Bảo
	10	Nam Hao kinh	Nam Hoa kinh
	15	Đại sinh	Đại sinh
	3d	mà thấy ông	mà thấy, ông
	4d	viết nào	viết vào
28	2d	cái « vô »	cái « vô »
	8d, 9d	Huyền lân	Huyền lân
31	10d	Bảo	Bảo
47	8	Trang tử (2), chỉ	Trang tử, chỉ
113	4d	du Ngưu sơn	du ư Ngưu sơn
125	4d	VẠN VẬT	VẠN VẬT 113
129	7d	thi hóa đồng	thi hóa đồng
144	9	IV 5	IV 15
184	13	như khoa	nhĩ khoa
240	8	bụi lên tuyết trần	bụi lên (tuyết trần)

Nhà xuất bản LÁ BỐI

Lô Q số 121 Trưng Bức Trưng Bưởi

SAIGON 10

Giám đốc sáng lập :

NHẤT HẠNH

Thư từ tác phẩm đề tên :

VÕ THẮNG TIẾT

Nhất Hạnh :

- Chắp tay nguyện cầu cho Bồ Câu trắng hiện (130đ)
- Bông Hồng cài áo (40đ) ● Nẻo vào Thiền Học (280đ)
- Nói với tuổi hai mươi (đang tái bản kỳ 7) ● Đạo Phật Hiện Đại Hóa (150đ)

Tam Ích :

- Ý Văn (200đ)

Minh Quân :

- Đất và Người (70đ)

Phạm Dny :

- Trường Ca Mẹ Việt Nam (300đ)

Trần Thạc Đức :

- Đạo Phật Việt Nam và hướng đi Nhân Bản đích thực (100đ)

Lê văn Siêu :

- Quốc Sư Vạn Hạnh (200đ)

Liên Chi :

- Sấm Thương (200đ)

V. Gheorghiu, Hằng Hà Sa và Bích Ty (dịch)

- Lối thoát cuối cùng (400đ)

Tạ Ty :

- Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay (800đ)

Thiền sư Vô Môn, Trần Tuấn Mãn (dịch)

- Vô Môn Quan (250đ)

Trần Ngọc Ninh :

- Đức Phật giữa chúng ta (200đ)

Toan Ánh :

- Cầm Ca Việt Nam (300đ)

Đặng Trần Huân :

- Hải Đảo Thần Tiên (240đ)

Thế Uyên :

- Đoạn Đường Chiến Binh (150đ)

Xuân Tùng :

- Tiếng Phèng La (150đ)

Kiên Giang :

- Lúa Sạ Miền Nam (120đ) ● bản đẹp (150đ)

Thiền Sư Huyền Giác, Trúc Thiên (giới thiệu)

- Chứng Đạo Ca (140đ)

Lộc Đình, Đông Hồ :

- Làm con nên nhớ (40đ)

Nguyễn Hiến Lê :

- Con đường Hòa bình (58đ) ● Hoa Đào năm trước (40đ)

Thiều Chi :

- Giọt nước cánh chim (40đ)

Trúc Thiên :

- Trường Ca Kalinga (40đ)

Y. Kawabata, Cao Ngọc Phượng (dịch)

- Đất Phù Tang cái Đẹp và Tôi (25đ)

Léon Tolstoi. Nguyễn Hiến Lê (dịch)

- Chiến Tranh và Hòa Bình I (650đ) III (450đ) IV (450đ) (cuốn II đang tái bản)

Will Durant, Nguyễn Hiến Lê (dịch)

- Lịch sử Văn Minh Ấn Độ (550đ)

Isoko, Ichiro Hatano, Trương Đình Cử (dịch)

- Em Bé Phù Tang (200đ)

Vương Pên Liêm :

- Phương pháp chủ điểm tại trường tiểu học cộng đồng (90đ)

Võ Hồng :

- Áo em cài hoa trắng (50đ) ● Trận đòn hòa giải (40đ) ● Mái chùa xưa (50đ) ● Xuất hành năm mới (50đ) ● Như cánh chim bay (450đ) ● Trăm Mắc cây Rừng (200đ) Nhánh Rong Phiêu Bạt (200đ)

Lê Tôn Nghiêm :

- Heidegger trước sự phá sản của Tư Tưởng Tây Phương (200đ)

- Lịch sử triết học Tây phương I (400đ)

Nguyễn Văn Xuân :

- Phong trào Duy Tân (350đ)

- Chinh Phụ ngâm Diễm Âm Tân Khúc (250đ)

Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê :

- Chiến Quốc Sách 1.200đ

- Sử Kí của Tư Mã Thiên 1.500đ

Will Ariel Durant, Nguyễn Hiến Lê (dịch)

- Bài học của lịch sử 280đ

Thích Nhất Hạnh, Thích Huyền Quang

- Đạo Phật áp dụng vào đời sống hằng ngày 220đ

Tâm Quán

- Tình Người 250đ

Liệt tử và Dương tử bản dịch của Nguyễn
Hiến Lê bìa của Đinh Cường Lá Bối xuất
bản giấy phép số 4214/BTT/PHNT ngày
10 - 11 - 72 ngoài những bản thường
còn in thêm 50 bản đẹp dành cho
dịch giả thân hữu và nhà xuất bản

Nhà xuất bản LÁ BỐI

Lô O số 121 Chung cư Minh Mạng
Saigon 10

Sách in 1972

- NÈO VÀO THIỀN HỌC nhật hạnh
- MƯỜI KHUÔN MẶT VĂN NGHỆ
HÔM NAY tạ tỵ
- VÔ MÔN QUAN
thiền sư vô môn, trần tuần mẫn (dịch)
- ĐỨC PHẬT GIỮA CHÚNG TA trần ngọc ninh
- CHINH PHỤ NGÃM DIỄN ÂM TÂN KHÚC
phan huy ích, nguyên văn xuân (phát giác)
- GÓP NHẬT CÁT ĐÁ
thiền sư muju, đồ đình đồng (dịch)
- BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ will và ariel durant,
nguyễn hiền lê và trần lương ngọc (dịch)
- CHIẾN QUỐC SÁCH
giản chi và nguyên hiền lê
- ĐẠO PHẬT ÁP DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG
HÀNG NGÀY thích huyến quang
thích nhật hạnh

Sách in 1973

- SỬ KÝ CỦA TƯ MÃ THIÊN
giản chi và nguyên hiền lê
- TÌNH NGƯỜI tâm quán
- LIỆT TỬ VÀ DƯƠNG TỬ nguyễn hiền lê

Sách đang in

- CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH II (tái bản)
léon tolstoï, nguyên hiền lê (dịch)
- NÓI VỚI TUỔI 20 nhật hạnh